

VĂN ĐỀ

HELLMUT KALBITZER

hoa kỳ và khơi nước tiểu

LÊ SĨ GIAI

tham luận văn đề liên lập

đồng nam á

NGUYỄN NGŨ

còn trong chiều nay

TRẦN HỒNG CHÂU

tôi viết bài thơ quán rượu

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

cha và anh

khởi đăng

tuổi lưu đầy

của

duyên anh

chủ trương : vũ khốc khoan • mai thảo

SỐ 56 • THÁNG 3-1972 • GIÁ 70đ.

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 56

Tháng 3-1974

tuệ sỹ	1	lý thuyết phê bình văn học cổ điển trung hoa
lê sĩ giai	11	tham luận vấn đề liên lập đồng nam á
nguyễn văn thức	14	đêm nói chuyện với nguyễn hữu nhật
hellmut kalbitzer	17	hoa kỳ và khối nhược tiểu
trần hồng châu	29	tôi viết bài thơ quán rượu
ngụy ngữ	34	còn trong chiều nay
phan cung nghiệp	56	một thói tôi quen
nguyễn xuân hoàng	67	cha và anh
hoàng đình huy quan	76	mùa xuân hay khúc nhạc buồn của một đời người
duyên anh	80	tuổi lưu đầy
mang viên long	85	trăng sáng trong thành đồ bần

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP : **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ : **Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO : **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

Tuệ Sỹ

Lý thuyết phê bình văn học cổ điển trung hoa

*Niên niên tuế tuế hoa tương tự
Tuế tuế niên niên bất đồng.....*

*Lạc hà dữ cô vạ tề phi
Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc*

Người ta tìm thấy những gì trong mấy câu thơ này, đến nỗi chúng được lưu truyền trong không khí huyền thoại, và những thâm kịch đã gây ra cho các tác giả của chúng ? *Chiều tà và nắng quái...* ; đây là hình ảnh của một thời trong thi văn Trung hoa. Không có gì hết, chỉ là một thứ tình cảm lẩn nhai, vì thời thượng, nên chúng được phủ lên những nỗi u sầu bất tuyệt của chiều tà với nắng quái, rồi nắng quái với chiều tà. Dĩ nhiên, những câu thơ ấy không chịu trách nhiệm về cái thâm kịch đã gây ra cho các tác giả của chúng, và cũng không chịu trách nhiệm về những mối u sầu của độc giả. Thế nhưng, những huyền thoại bao phủ lên chúng đã chứng tỏ một phong cách của cảm hứng văn học trong một thời. Đây không chỉ là tình tự hiu hắt của một

cuộc sống, mà còn là buổi xế chiều của một nền thi ca, của một nền tư tưởng. Từ khi những khát vọng thâm sâu trong lòng người được bộc lộ như những dòng suối nhỏ, cho đến lúc nó là đại dương với những ngọn sóng gào thét, nơi đây chỉ còn chứng tỏ cho ta thấy một thể điệu, một cảm hứng nhàm chán :'

Giang vũ phi phi giang thảo tề

Lục triều như mộng điều không đề

Vô tình tối thị đại thành liễu

Y cựu yên lung thập lý đề

Chính nơi đây, nơi của phương trời này và phương trời khác, của một giấc mộng này trùng điệp qua giấc mộng nọ, của « sao hôm mọc chỗ sao mai »... ; chính những nơi này hứa hẹn cho chúng ta gầy dựng giữa lòng văn học một thứ mệnh danh là « Lý thuyết phê bình văn học », và nói riêng, chính là văn học cổ điển Trung hoa ; và nếu càng nói riêng nữa, đây là nền thi ca của Trung hoa. Bởi vì, dưới mọi hình thức biểu lộ, cảm hứng của nó luôn luôn được gieo rắc giữa cảnh chiều tà, nắng quái, mà trong tinh thể, người đọc phải cảm khái đến tận cùng tấm lòng của trời đất và tâm tình u ầu của con người. Không phải là những nỗi buồn vờ vẩn mà chính là sự trầm lắng sâu thẳm không cùng của lòng biển. Đạo lý tự nhiên của một nền văn học như thế là gì ? « Cái chung đúc của ngũ hành vốn thực là tấm lòng của trời đất ; tấm lòng ấy được trời dậy thành lời. Lời thành rồi, văn sáng. Đây là đạo lý tự nhiên vậy. » (Vi ngũ hành chi tú, thật thiên địa chi tâm. Tâm sinh nhi ngôn lập. Ngôn lập nhi văn minh. Tự nhiên chi đạo dã.)

Đoạn văn vừa được trích dẫn trên đây vốn là của Ngạn Hòa. Thích Huệ Địa, một tay phê bình văn học cự phách ở thế kỷ VI TL., với tác phẩm nòng cốt : *Văn tâm điều long*. Tác phẩm này, kể từ khi nó xuất hiện cho đến nay, luôn luôn được coi là tác phẩm chỉ đạo của lý thuyết phê bình văn học cổ điển Trung hoa. Giá trị của nó là đã mở rộng « tấm lòng của trời đất » để đặt cảm hứng văn học, nghĩa là đặt tất cả tâm tình u ầu của con người vào đó. Dù là một tác phẩm luận thuật tư tưởng triết lý, hay một tác phẩm thuần túy văn học, tất cả đều nói lên một khát vọng nào đó của con người. Nếu không, chúng chỉ là những bản

trường thuật, những bản văn phóng sự kiểu nhật báo. Chúng ta biết rằng trong nền văn học cổ điển Trung hoa, người ta không coi tiểu thuyết xứng danh là một tác phẩm văn học, mà chỉ đáng gọi là những câu chuyện lặt vặt « nghe đường nói chợ ».

— *Đạo thích đồ thuyết*. Hiên nhiên, thời cổ, thể văn tiểu thuyết chưa phát triển đến mức để có thể được thưởng thức như là một tác phẩm văn học, nghĩa là một tác phẩm mà người ta phải đọc bằng tất cả tâm tình u ầu của mình trong tấm lòng của trời đất. Văn chương cốt làm tăng giá của cuộc sống chứ không phải chỉ để tường thuật lại nhai. Một tác phẩm văn học, với bất cứ giá nào, không thể dùng trang điểm cho một buổi tiệc liên hoan của bọn trưởng giả, tai trâu mắt ốc. Vậy, sứ mệnh của nó là gì ? Kinh Dịch nói *Thảm trách sách ăn, cầu thâm tri viễn, dĩ định thiên hạ chi cát hung*. Sứ mệnh của nó chính là sứ mệnh của con người. Sứ mệnh ấy là phải sống và lặn sâu vào giữa lòng vũ trụ, trải rộng lòng mình cho bằng với tấm lòng bao dung vô hạn của trời đất : dò tới cái sâu và tìm đến cái xa. Sâu như *tinh* của khôn, và xa như *lý* của kiên. Kinh Dịch : « *Cùng lý, tận tinh, dĩ tri vu mệnh* ». Lý Tinh vận hành trong một cảm hứng văn học cũng chính là Lý Tinh vận hành của Đạo lý tự nhiên của vũ trụ : *Nhất độn nhất dương chi vị đạo*. Rồi ra, đây lại là tâm tình u ầu của con người giữa dòng thác đổ của vạn hữu. Nhưng tại sao nói là u ầu ? Không những u ầu mà còn là xa vời : một cảm khái thâm trầm và điệu vơi. Giống như tiếng cười vang dội giữa buổi thanh xuân, càng xa càng nhỏ, càng nhỏ trầm, và lắng lẽ :

Tường ngoại hành nhân

Tường lý giai nhân tiến

Tiểu tiệp bất văn, thanh tiệp tiểu

Đa tình khước bị vô tình nảo

Tổ Đông Pha

Đến lúc chúng ta cần phải nói rõ hơn một chút, với câu hỏi : làm thế nào để định giá một tác phẩm được coi như xứng danh là một tác phẩm văn học ? Có thể, một cách ước lệ, bằng vào CẢM HỨNG, Ý TƯỞNG và BÚT PHÁP. Cả ba được tác giả của *Văn tâm điều long* thẩm định cùng một lúc, khi tác phẩm này nói về thần trong tứ của văn : « Nói về tứ của văn, thần của nó quả là điệu

vội. Vì vậy, trong cái vắng vẻ trầm lặng của tấm lòng mà hồn lại nổi tiếp với thiên thu. Rồi trong một thoáng rung động, tâm mắt bỗng mở rộng khắp cùng vũ trụ. Những lúc ngâm vịnh thì lời lời thấy là châu ngọc. Khi nhìn khi ngắm, lại là trải rộng hay cuốn tròn màu sắc của gió và mây... » (*Văn chi tứ dã, kỳ thần viễn hĩ, Cổ tịch nhiên ngưng tự, tứ tiếp thiên tải, tiểu nhiên động dung, thị thông vạn lý. Ngâm vịnh chi gian, thổ nạp châu ngọc chi thanh; mi tiếp chi tiền, quỳn thư phong vân chi sắc...*) Cảm hứng được trời dậy từ một tâm tình không vọng động; *Tịch nhiên ngưng tự*. Trong cảm hứng đó, vũ trụ không giải bày ra đấy vì lẽ này hay lẽ nọ. Vũ trụ không ý nghĩa, nên cảm hứng không ý tưởng. Và như vậy, sự bộc bạch của văn từ, nơi bút pháp, sẽ là tiết điệu nhịp nhàng y như tiết điệu vận hành của vũ trụ nơi cảm hứng; thoáng hoặc, lời văn có khúc mắc, nó cũng sẽ khúc mắc như tâm tình u ầu của con người. Cảm hứng là *chất*, bút pháp là *văn*. Chất có thực, có hư, nhờ đó mà văn uyển chuyển, linh động: « *tính của nước là hư nên gợn sóng; thê của cây vốn thật nên trở hoa* »: *thủy tính hư nhi luân ý kết; mộc thê thật nhi hoa ngạt chấn*. (VTĐL) Đẳng khác, cộp beo chỉ một màu tất sẽ thành trâu hoặc dê... Thê là văn gá chất mà điểm lệ. Chất nhờ văn mà hiển lộ. Nhưng nếu người ta chăm chăm mà nói, thì chẳng còn gì là văn, là chất nữa. Do đó, khuyến cáo này phải được tôn trọng: *đạo quán văn từ, qui tại HU TĨNH*. (VTĐL). Trích dẫn sau đây cho thấy thế nào là HU TĨNH: « *Thánh Trí vô tri nhi vạn phẩm câu chiếu. Pháp thân vô tượng nhi thù hình tịnh ứng. Chỉ vận vô ngôn nhi huyền tịch di bố. Minh quyền vô mưu nhi động dữ sự hội*. (Tăng Triệu, *Tựa Dạy ma kinh chú*). Trong đó, diệu dụng của Trí, Thân, Ngôn và Giáo y cứ trên diệu dụng của VÔ.

Mọi diễn đạt mà đi đến VÔ là đã đi đến giới hạn tận cùng của ngôn ngữ. VÔ trong khởi thủy, VÔ trong chung cực và VÔ trong suốt cả bình sinh. Đây là con đường của thiên diễn, và cũng chính là con đường của sáng tạo:

Sư dĩ vong ngôn chân hữu Đạo

Ngã trừ sư cú bách vô công (Tô Đông Pha)

Nơi khác, Vô được diễn dịch thành *Tư Vô Tà*, vốn là nội dung của Kinh Thi: « *Vạn hữu bản ư sinh, sinh nhi sinh, sinh giả ư sinh*. Biến hóa triệu ư vật thủy. Thủy nhi thủy, thủy giả vô thủy. Nhiên tắc, vô sinh vô thủy, vật chi tính dã. Sinh thủy bất ộng ư tính, nhi vạn trần ư ngoại, hối lẩn sinh ư nội giả, kỳ duy ư tư hồ? » (Tăng Duệ, *Đại Trí thích luận tư*). Trong đoạn văn này, thoát tiền Tăng Duệ nêu lên bản tính của vạn hữu. Bản tính đó là bất động, vô sinh. Nghĩa là, vạn hữu hiện hữu trong dòng biến hóa liên tục; biến dịch liên miên trong bản tính bất dịch. Lý thế mà, bên ngoài thì hiện khởi muôn nghìn sắc tướng sai biệt, bên trong thì đầy đủ cả những sai lầm tạp nhiễm. Há không phải chỉ do *tà tư*? Vì vậy, người ta phải học ở Kinh Thi để đạt đến chỗ *TU VÔ TÀ*; ở chỗ đó, mới mong nhìn thấy tự thê bất dịch trong biến dịch của vạn hữu. Một giai thoại của Trang Tử nói, người nuôi khỉ cho khỉ ăn chuối, bảo rằng, « *Ta cho bọn mày sáng ba chiều bốn nhĩ* » Bầy khỉ lấy thê làm giận. Ông đổi lại, « *Vậy thì, sáng bốn chiều ba!* » Bọn khỉ lấy thê làm mừng. Như vậy, cả danh và thật, chưa hề có thêm hay bớt, ấy thế mà gọi đủ biết bao tác dụng vui buồn: *danh thật vị khuy nhi hĩ nộ vi dụng diệc túc thị dã*. Người ta chưa đạt đến mỹ cảm ngay nơi chính bản tính của vạn hữu, mỹ cảm ấy chỉ là những nông nổi, hơi hợt. Đi vào tận cùng của cảm hứng của văn học, người ta phải chìm sâu vào tận đáy lòng của mình, trải rộng lòng mình trong cái trầm lặng sâu xa của vạn hữu. Nghĩa là, phải thấu triệt Dịch để cùng kỳ Lý, và phải rung cảm với Thi để thê hiện trọn vẹn Tình. Lý và Tình, tư tưởng và thi ca, đây là nơi mà những khát vọng nồng cháy và thâm trầm nhất của lòng người được khơi dậy.

Cũng như ở trong kinh Thi, người ta có thể nghe những tiếng nói thì thầm trong hơi thở nhịp nhàng của tạo vật. Cũng vậy, ở kinh Dịch, người ta cũng tìm thấy một cõi miền trầm lặng hoang sơ trong tất cả biến động không ngừng của thiên hình vạn trạng. Bởi vì, Dịch là Tượng, và *Tượng là để tỏ bày ý, Lời là để tỏ bày Tượng*. *Mô tả hết ý không gì bằng tượng. Mô tả hết tượng không gì bằng lời... cho nên, sở dĩ có LỜI là vì để tỏ bày tượng*. Đã nắm được tượng thì hãy quên lời. *Tượng là để*

giữ ý, nắm được ý thì hãy quên tượng. Cũng như... cái rọ là để bắt cá. Bắt được thì hãy bỏ rọ. (Phù tượng giả xuất ý giả đã. Ngôn giả đã, minh tượng giả đã. Tận ý mạc nhược tượng. Tận tượng mạc nhược ngôn. Cố ngôn giả sở dĩ minh tượng, đắc tượng nhi vong ngôn. Tượng giả sở dĩ tồn ý, đắc ý nhi vong tượng. Do... thuyên giả sở dĩ tại ngư, đắc ngư nhi vong thuyên.) Hiên nhiên, ở đây tác giả Vương Bật, thế kỷ XIII, đã dẫn dụng ý nghĩa của Đạo Đức Kinh: «Đạo khả đạo phi thường Đạo», để giải thích ý nghĩa của Dịch và Tượng và Từ. Đạo bản vô ngôn là một thành ngữ, và lại còn là một khẩu quyết, một tiêu ngữ, không những chỉ đề cảnh cáo những tay luận thuyết nhiều tham vọng, mà còn là châm ngôn cho tác giả của văn học thuần túy, làm thế nào để gọi lên một hứng khởi cho sáng tác của mình.

Con đường đi từ Dịch đến Thi, và từ Thi để đạt đến chỗ cùng lý tận tình dĩ tri vu mệnh của Dịch, có thể được khai diễn trong một quá trình ước lệ như sau: DỊCH, TƯỢNG, SỐ. Cả ba tương đương với quá trình sáng tác của văn chương: CẢM HỨNG, Ý TƯỞNG và BÚT PHÁP. Văn tâm điều long mở đầu bằng chương «Nguyên Đạo», đây là đặt trọn vẹn cảm hứng và dịch lý, như đã được trích dẫn tượng trưng ở trên: *Vi ngũ hành chi tú thật thiên địa chi tâm... Nhưng dưới ngôn ngữ của văn học, tác giả của Văn tâm điều long, khi nói thẳng về cảm hứng văn học, đã dẫn lời của Trang Tử: Hình tại giang hải chi thượng, tâm tồn Ngục khuyết chi hạ. Đây là cái cảm hứng:*

Dương như bên óc bên thềm

Tiếng Kiều đồng vọng bóng xiêm mơ màng

Bồi lòng ghi tạc đá vàng

Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây

Bất cứ dưới hình thức nào, cảm hứng trong văn học của Trung hoa, như chúng ta thường thấy, đều pha đậm màu sắc của Dịch lý. Trong tinh thể, Dịch nói tới những biến động không ngừng, nhưng không hề là ý tưởng mòn mỏi của những gì đang

trôi qua hay đã mất. Cuộc sống của con người được kinh Dịch tượng hình như ngọn lửa bốc cháy trên đỉnh núi: sống trong cái chết và chết trong cái sống. Như ngọn lửa vô định, không chỗ đến, cháy mãi giữa hư không, cuộc sống của người là một cuộc lữ vô cùng tận, như một hạt cát lăn lóc:

Sinh giả vi quá khách

Tử giả vi qui nhân

Thiên địa nhất nghịch lữ

Đồng bi vạn cổ trần (Lý Bạch)

Sống trong một cuộc Lữ vô cùng tận, người như khách qua đường, lấy cái chết làm nơi yên nghỉ, lấy trời đất làm quán trọ, và chính mình là một hạt cát lăn lóc rong chơi.

Thế nhưng, sau Dịch là đến Tượng. Vì vậy, Tượng của Lữ nói: *Sơn thượng hữu hỏa, Lữ, quân tử dĩ minh, thận dụng hình luật nhi bất lưu ngục.* Trên núi có lửa, đây là tượng của Lữ. Người quân tử noi theo đó, lấy sự sáng tỏ, như bản tính của lửa, để cẩn thận thiết lập những hình phạt, những ngăn cấm, mà không làm tổn thương đến mọi người. Tức là, đời sống trong cảm hứng dù chỉ có tính chất cá biệt, nhưng người ta phải mở rộng nó trong tương giao với cộng đồng xã hội. Rút lại, đời sống văn học không phải là những tình tự bộc bạch giữa người với trời đất, nhưng cốt yếu là bộc bạch giữa người với người. Sáng tác văn học là điều tự nhiên của tâm tình, y như đạo lý tự nhiên của trời đất trong biến hành bất tuyệt, nhưng luôn luôn, trong mọi sáng tác, vẫn là mối tương giao thâm thiết giữa người với người. Vì tính chất này, văn chương cổ điển Trung hoa không rơi vào những lãnh vực giả tưởng, và do đó, người ta đã không coi trọng tiểu thuyết.

Tiểu thuyết không được coi trọng, không phải vì không có phong độ của một cảm hứng thâm trầm và bao la, nhưng chính bút pháp của nó không được coi là có giá trị văn học. Đây cũng không phải do văn chương Trung hoa nặng về lối vận văn hay chính cú, mà một tác phẩm tiểu thuyết không thể đi theo được nhưng điều mà chúng ta biết chắc, ấy là, ở mức bình thường, một tác phẩm tiểu thuyết nặng về ý tưởng hơn là cảm hứng bộc phát

tự nhiên. Trong đó, gọi từ cảm hứng bao la và thâm trầm, ý tưởng trong một tác phẩm văn học phải là *tịch nhiên ngưng tụ*.

Nói là tịch nhiên ngưng tụ, chính là để cho tâm hồn sáng tạo giao tiếp ngay với bản thân của sự vật. Nhờ vậy, bút pháp sẽ khai diễn một cách thông dong và tự nhiên. Nhưng vì sự ứng dụng của Dịch, thường là số đôi, do đó, bút pháp của văn học Trung hoa thường nặng về đối ngẫu. Văn tâm điều long viết: *Tạo hóa phú hình, chi thể tất song, thần lý vi dụng, sự bất có lập*. Kể đó, sách đơn cử bút pháp của Kinh Dịch làm điển hình. Trích dẫn đầy đủ của chúng ta như sau:

a) Quẻ Kiền, Văn Ngôn: « *Phi long tại thiên, lợi kiến đại nhân. Hà vị dã? Tử viết: Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thủy lửa thấ, hỏa tựa táo, vắn tùng long, phong tùng hổ, thánh nhân tác nhi vạn vật dĩ, bản hồ thiên giả thần thượng, bản hồ địa giả, thần hạ, tắc các tượng kỳ loại giả*. (Hào cửu ngũ nói rằng: Như con rồng bay trên trời, ra mắt kẻ đại nhân thì có lợi, là nghĩa thế nào? Đức Khổng Tử nói: loài cùng tiếng thì cùng hưởng ứng với nhau, loài cùng hơi thì tìm nhau, nước chảy xuống nơi thấp, lửa bốc lên chỗ khô, mây đi theo rồng, gió đi theo hổ, đấng thánh nhân ra đời mà muôn người đều thấy, cái gì gốc ở trời thì gần phía trên cao, cái gì gốc ở đất thì gần phía dưới thấp, như thế là mọi vật đều theo loài của nó. Bản Việt, Nguyễn Duy Tinh).

b) Hệ từ Thượng truyện: *Thiên tôn địa ti, cần khôn định hĩ; ti cao dĩ trần, qui tiện vị hĩ; động tĩnh hữu thường, cương nhu đoán hĩ; phương dĩ loại tự, vật dĩ quần phân, cát hung sinh hĩ; tại thiên thành tượng, tại địa thành hình, biến hóa hiện hĩ*. (Trời tôn đất thấp thì đạo kiền khôn đã định vậy; thấp cao bày ra, thì sang hèn chia thành ngôi vậy; động tĩnh có thường thì lẽ cứng mềm đã quyết đoán được vậy; các loài tự lại thành phương, các vật chia ra từng bày, thì sự tốt xấu đã sinh ra vậy; ở trên trời biến thành tượng, ở dưới đất, hóa thành hình, thì sự biến hóa đã hiện ra vậy. Bản Việt, SĐD.)

c) Hệ từ, Hạ truyện: *Dịch viết: đồng đồng vãng lai, bằng tùng nhĩ tư. Tử viết: thiên hạ tự hà lục, thiên hạ đồng qui nhĩ thủ đồ, nhất tri nhĩ bách lục, thiên hạ hà tự hà lục. Nhật vãng tắc*

nguyệt lai, nguyệt vãng tắc nhật lai, thử vãng tắc hàn lai, hàn thử tương thối nhĩ tuế thành yên; vãng giả khuất dã, lai giả thân dã, khuất thân tương cảm nhĩ lợi sinh yên. (Kinh Dịch nói rằng: lòng bông đi lại, bẻ bạn theo ý nghĩ của mây. Đức Khổng Tử nói rằng: thiên hạ nghĩ gì lo gì, thiên hạ cùng về mà khác đường, một sự đến mà trăm điều nghĩ, thiên hạ lo gì nghĩ gì. Mặt trời đi thời mặt trăng lại, mặt trăng đi thời mặt trời lại, mặt trời mặt trăng cùng thay nhau mà ánh sáng sinh ra vậy; rét đi thời bức lại, bức đi thời rét lại, rét bức cùng thay đổi nhau mà năm tháng thành ra vậy; cái đi là co, cái lại là duỗi, co duỗi cùng thông cảm nhau mà cái lợi sinh ra vậy. Bản Việt, SĐD.)

Phải đọc những trích dẫn trên đây, bằng vào nguyên văn Hán, thấu triệt văn khí của nó, chúng ta mới hiểu tính chất đối ngẫu trong bút pháp của văn học cổ điển Trung Hoa. Và rồi sẽ hiểu lời bình của Văn tâm điều long: ... *tự tự tương lệ, ... uyên chuyển tương thừa, ... cách hàng huyền hợp*: Trong trích dẫn (a): « *vắn tùng long...* » thì chữ này chữ kia nối đuôi nhau mà diễn; trong trích dẫn (b): « *thiên tôn địa ti...* » thì uyên chuyển tiếp nối nhau; trong trích dẫn (c): « *nhật nguyệt vãng lai...* » thì cách hàng mà lại đối hợp nhau.

Quả thật với điển hình của bút pháp như vậy, và theo qui ước như vậy, người ta khó mà chấp nhận lối viết thẳng tuột trong bút pháp của tiểu thuyết. Theo nhận xét của Lương Khải Siêu, trong nghiên cứu về *Phiên dịch văn học và Phật điển*, lối hành văn mà chúng ta gọi là *thẳng tuột* ở bút pháp của tiểu thuyết, do ảnh hưởng lối hành văn trong các dịch bản của văn học Phật giáo, về sau này được phát triển và trở thành một lẽ lối hành văn tiêu biểu trong giới văn học Trung Hoa. Ông nói: « *Nước ta, loại văn học thuần túy trong thời cận đại — hoặc tiểu thuyết, hoặc ca khúc — đều có quan hệ mật thiết với nền văn học phiên dịch của Phật điển*. » Ông lại e rằng lời quyết này sẽ bị coi là quái đản, nên nêu lên một số điển hình:

a) *Nho lâm ngoại sử*, tiểu thuyết, có thể so sánh với tác phẩm *Đại thừa Trang nghiêm kinh luận*;

b) *Thấy hử, Hồng lâu mộng* những tiểu thuyết này, về kết cấu và bút pháp, chịu ảnh hưởng các kinh như *Hoa nghiêm* và *Niết bàn* rất đậm;

c) Tập kịch, truyền kỳ, các trường thiên ca khúc, gián tiếp hấp thụ lẽ lối của tác phẩm *Phật bản hành tảo*.

Như vậy, chúng ta có thể nói, những tản văn mà bút pháp được vận dụng không theo qui ước đối ngẫu thấy đều là những ảnh hưởng ngoại lai. Một cách nào đó, chúng đã vượt ra ngoài khuôn khổ ước lệ của Dịch, Tượng và Số.

Tóm tắt lại, gọi hứng từ Dịch lý, văn học cổ điển Trung Hoa đã đi đến kết quả:

— về cảm hứng văn học, càng lúc người ta càng đắm chìm trong khung cảnh « chiều tà rồi nắng quái », « nắng quái lại chiều tà », gây nên một thứ cảm hứng buồn tẻ, mất hết hương vị u trầm trong khởi thủy của nó;

— về bút pháp, vì bị chi phối bởi qui ước đối ngẫu, hành văn về sau trở thành quá nhiều sáo ngữ vô vị.

Tuy nhiên, tự căn bản, lý thuyết của nền văn học này, với sự phân tích quá trình sáng tác theo cảm hứng, ý tưởng và bút pháp, song song với Dịch, Tượng và Số, nó có thể giúp chúng ta, trong bất cứ thời đại nào, định giá đúng mức một tác phẩm văn học. Bởi vì, đây chính là tiếng nói trung thực phát xuất từ những khát vọng nồng cháy và sâu thẳm của tâm tình u ẩn giữa tấm lòng bao dung của trời đất.

tuệ sỹ

Lê Sĩ Giai

Tham luận vấn đề liên lập đông nam á

Trên thế giới các cường quốc thường tìm mọi cách để mở rộng khu vực ảnh hưởng của mình về cả hai phương diện kinh tế và chính trị. Các cường quốc Hoa Kỳ, Nga Xô, Trung Cộng đều muốn bành trướng thế lực trên khắp năm châu. Phản ứng tự nhiên của các nước nhỏ là phải kết hợp với nhau lại để bảo vệ quyền lợi chung như khối Tây Âu, khối Ả Rập v.v.

Nước Việt Nam Cộng Hòa chúng ta nằm ở giữa khu vực Đông Nam Á nên có nhiều quyền lợi mật thiết với các nước lân bang như Kam-Pu-Chia, Ai Lao, Thái Lan, Miến Điện, Mã Lai, Phi-Luật-Tân, Nam Dương v.v... Chúng ta có lợi ích thiết thực liên kết chặt chẽ với nhau trong khu vực này mới có thể chống đỡ nổi trước sự bành trướng thế lực của các cường quốc.

Khu vực Đông Nam Á có một diện tích bao la rộng lớn, nằm trên con đường huyết mạch lưu thông từ Thái Bình Dương sang Ấn Độ Dương tới Âu Châu và Phi Châu. Nguồn sản thiên nhiên tại vùng này rất là phì nhiêu như dầu hỏa tại Nam Dương và sắp được khai thác tại Nam Việt Nam, cao su, than, thiếc, lúa, gạo, gỗ v.v., dân số rất cao (trên dưới 250 triệu người) và nhân công lại rẻ. Đây là một mảnh đất lý tưởng cho các cường quốc đồ

xô nhau đến khai thác vì là nơi cung cấp nguyên liệu rất dồi dào và là thị trường tiêu thụ hàng hóa rất tốt.

Hầu-hết các nước nhược tiểu Đông Nam Á đều đã bị đế quốc Tây Âu thống trị trong nhiều năm và đã bị quân phiệt Nhật dầy xéo lên đất nước trong đệ nhị thế chiến. Ngày nay đế quốc đồ Trung Cộng đã dẫm chân lên Bắc Việt và đang muốn tiến về phía Nam. Đế quốc Nga xô tuy bị đánh bật ra khỏi đầu cầu Kam-Pu-Chia nhưng đang ló dạng tại Ấn Độ và Đông Hồi. Nói chung các cường quốc đều dòm ngó và găm ghè nhau tại khu vực này.

Chính vì vậy mà các nước nhược tiểu tại khu vực Đông Nam Á này thấy cần phải liên kết với nhau mới mong thoát được ách nô lệ hoặc sự chi phối của các cường quốc. Nếu một trong các nước Đông Nam Á bị xâm lăng hoặc bị dùng làm bàn đạp cho một cường quốc, thì cả khu vực này sẽ bị chi phối hoặc làm mồi cho cuộc xung đột quốc tế, nghĩa là ở vào cái thế « môi hở răng lạnh ». Chính vì cái tình thần đó mà Việt Nam Cộng Hòa chúng ta hỗ trợ cho các nước bạn Kam-Pu-Chia và Ai Lao.

Chúng ta phải liên kết với nhau để phá cái thế bị trị mà các cường quốc đế quốc mới lăm le duy trì trên khu vực này dưới những hình thức mới và kỹ thuật mới.

Nhìn chung trên thế giới, hòa bình chỉ có thể duy trì được dễ dàng nếu có được một tương quan lực lượng đồng đều. Khu vực Tây Âu đã biết sớm đoàn kết thành một khối vững mạnh nên không còn là nơi xung yếu cho cuộc tranh chấp giữa các cường quốc. Khu vực Đông Nam Á chúng ta ở trong một tương quan lực lượng quá chênh lệch, quá yếu kém, chưa đoàn kết được để tự vệ, nên dễ làm mồi cho mọi cuộc tranh chấp và xung đột giữa các cường quốc đế quốc.

Khu vực Đông Nam Á này không phải là mảnh đất hoang vu vô chủ để các cường quốc nhẩy vô tranh cướp rồi gây ra chiến tranh hoặc thỏa thuận chia phần trên lưng chúng ta, để rồi hợp thức hóa tại Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Vậy chúng ta cần phải gióng lên tiếng chuông để các dân tộc Đông Nam Á thức tỉnh và ý thức ngay về đường lối chính trị chung của cả một khu vực mà ta coi là một lý tưởng chung.

Từ đó ta mới dần dần thực hiện các chính sách chung về kinh tế, quân sự và văn hóa giáo dục v.v. Nói tóm lại, trong thứ tự tiêu chuẩn để các quốc gia Đông Nam Á kết hợp lại với nhau, *ru tiên* phải dành cho sự *kết hợp chính trị*, thứ đến mới là các sự kết hợp về kinh tế, quân sự v.v.

Vì là một lý tưởng chung nên công cuộc vận động phải tiến hành song song giữa các vị đại diện các dân tộc với nhau và giữa các đại diện chính quyền các nước với nhau. Bởi lẽ mối liên lạc giữa các dân tộc với nhau thường được màu tình cảm và thân mật, còn mối bang giao giữa các nhà cầm quyền các nước thường hay bị va chạm vì những quyền lợi trước mắt hoặc bị ngoại bang chi phối.

Việc liên kết các nước Đông Nam Á với nhau thành một khối, một liên bang chính trị sẽ gặp nhiều trở ngại, nhưng nếu tư tưởng chung được phổ biến rộng rãi thì nó sẽ tạo ra ngay được bầu không khí thông cảm và thân thiện giữa các dân tộc và giữa các nhà cầm quyền trong khu vực này. Đường đi còn dài và gặp nhiều trở ngại nhưng nó là con đường *lý tưởng*, và theo ý tôi, cũng là con đường *duy nhất*.

lê sĩ giai

Nguyễn Văn Thức

Đêm nói chuyện với nguyên hữu nhật

chiếc quán nhỏ
ly cà phê
tôi lại trở về với đề tài cũ
vậy đó Nhật
tình bằng hữu bây giờ quý hơn vàng bạc
nếu mất đi
một thoáng chút ôm sầu

ly cà phê
khói thuốc
bao giờ cũng vậy
duy một đêm
như đêm nay chẳng hạn
có chút nồng nàn thơm phức
như Hà nội mưa bay
như Sài Gòn ẩm áp

duy một đêm
như đêm nay chẳng hạn

cậu với tôi
tình cờ
thấy mưa xuân
nhỏ giọt xuống đồi cây
thấy hạnh phúc
trên những ngõ
những nhà

thế thôi
chúng ta thật tình đã vui rồi đấy chứ
Nguyễn Hữu Nhật
cứ ngồi nguyên đây cho đêm tình tự
cậu có chi đề về ?
còn tôi vẫn có chút lang thang
ông quán
cho xin ly cà phê này
ly cà phê nữa
đêm mật ngọt
đêm thánh hiền
đêm nho nhã đời ta

duy một đêm
như đêm nay chẳng hạn
trong quán gia bình
bên chiếc bàn gỗ mốc
hai thằng người
gật gù
tĩnh tĩnh điên điên

TÓC EM BAY NHƯ THỂ

Sớm nay
ngoài đường

tóc em bay như thể
hạnh phúc
đón đầu
cũng đã qua rồi
trời vẫn xanh
hoa vẫn nở
còn lại một tấm lòng thôi

và đã quên
như cây cỏ sang mùa
anh tươi cười nhập cuộc
nhìn môi em
thắm như vườn hồng mới nở

sớm nay
khi mặt trời mọc
anh ung dung đưa tay cho em nắm
ngày rất hiền
rất lạ
em cười tươi
đáng đắp thiết tha

nguyễn văn thức

Hellmut Kalbitzer

Hoa Kỳ và khối nhược tiểu

Phần trích dịch sau đây là ý kiến của Hellmut Kalbitzer trình bày trong quyển Khối Thứ Ba và các Thế Lực Quốc Tế (*Le Tiers — Monde et Les Paissances Mondiales*, bản Pháp văn của Jacqueline Bois, Europäische Verlagsanstalt, Frankfurt ấn hành 1961)

Hellmut Kalbitzer vốn là một chuyên viên trong nhóm Dân chủ - Xã Hội Đức về vấn đề nhược tiểu và chính sách viện trợ của các cường quốc cho khối nhược tiểu.

Trong tập sách nhỏ nhưng khá đầy đủ này, tác giả phác họa hoàn cảnh xã hội, kinh tế, chính trị với hậu ý làm nổi bật hồ nghi cách ngày một sâu rộng giữa khối nhược tiểu và các cường quốc tây phương. Căn cứ vào những kinh nghiệm lịch sử và quá trình bang giao giữa các cường quốc với khối nhược tiểu Hellmut Kalbitzer kết luận rằng hiện trạng chậm tiến và nghèo khổ của khối thứ ba phần lớn là do chính sách thực dân đế quốc của các đại cường. Và do đó, viện trợ của các đại cường Tây phương cho khối nhược tiểu không phải là một sự bố thí nhưng là một cách trả nợ, một hành động dân bù hợp lý không chỉ vì quyền lợi của khối nhược tiểu mà cả vì quyền lợi của các cường quốc tây phương.

Đề đạt mục đích đó, các cường quốc tây phương phải vượt qua những trở ngại nào, phải chấm dứt những lệ trạng nào, phải bỏ khuyết những sơ xuất nào?

Phần trích dịch sau đây nhằm trả lời những câu hỏi đó đối với Hoa Kỳ, trong tương quan của cường quốc này với khối nhược tiền...

tù anh

HOA KỲ VÀ CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC KHỐI (1)

«... Sự sản xuất chiến cụ ở ạt và việc Hoa Kỳ can thiệp chống lại đế quốc Đức đã đưa đế nhất thế chiến đến chỗ kết thúc. Kể từ đó, Hoa Kỳ trở thành thế lực lãnh đạo quốc tế và là quốc gia kỹ nghệ lớn nhất, tiến bộ nhất của thế giới.

Cho đến đế nhất thế chiến, những mục tiêu đối ngoại của Hoa Kỳ đều hướng cả về lục địa Mỹ và Viễn Đông; chủ thuyết Monroe (1823) hô hào mỗi đoàn kết đặc biệt với các láng giềng Mỹ La Tinh, nhưng khối cần nói người ta cũng có thể thấy được dụng ý cạnh tranh với những tư bản Anh ở Nam Mỹ. Nhờ chiến thắng Tây Ban Nha một cách dễ dàng và nhanh chóng (1898) mà Hoa Kỳ đã củng cố được ảnh hưởng tại Nam Mỹ, nhất là Trung Mỹ và chiếm luôn cả các thuộc địa Tây Ban Nha ở vùng biển Caraiibes và ở Viễn Đông (Phi Luật Tân). Các thuộc địa này, năm 1906 lại có thêm vùng kênh Panama, đã giữ một vai trò khác hẳn vai trò các thuộc địa của các thế lực Âu Châu ở Á Phi. Trước tiên đó là vai trò các căn cứ chiến lược để khống chế miền biển các vùng ảnh hưởng: một đằng là Trung và Nam Mỹ, đằng khác là Trung Hoa và Nhật Bản.

Có thể sánh các thuộc địa này với những căn cứ của Anh như Gibraltar, Malte và Chypre mà nhiệm vụ trước tiên là giữ vai trò các căn cứ quân sự trên các đường thông thương với những thuộc địa xa xôi.

Thái độ của Hoa Kỳ về vấn đề thuộc địa luôn luôn mập mờ. Một đảng họ chiếm đoạt các thuộc địa Tây Ban Nha, đảng khác họ lại bám vào hoài niệm cuộc chiến đấu giải phóng chống lại nền đô hộ Anh và bày tỏ thiện cảm với các xứ thuộc địa. Nhưng bản chất các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ vào thế kỷ 17 và 18 khác hẳn với các thuộc địa ở Á Phi. Từ khi châu Mỹ được khám phá, người Anh cũng như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Pháp, đã tạo ra tại đó những giai tầng thực dân da trắng, đã dồn thổ dân vào những khu biệt lập và thiết lập nền văn minh Thiên Chúa Giáo. Và vì tâm lý thổ dân là chống lại nô lệ nên các « chủ nhân » da trắng mới phải nhập cảng những người Phi châu vào tận lục địa. Cho nên, xét về cơ cấu, các thuộc địa da trắng ở châu Mỹ hoàn toàn khác với thuộc địa Á Phi.

Dưới thời Tổng Thống Theodore Roosevelt vào đầu thế kỷ này, Hoa Kỳ đã đi vào một thời kỳ đế quốc thực dân tuy ngắn ngủi nhưng rất mãnh liệt. Trong thế kỷ 19, đã bành trướng thuộc địa thực sự đã hướng về phía Tây đến tận Thái Bình Dương, đến những vùng « trống », chẳng khác gì cố gắng bành trướng của Nga Sô về phía Thái Bình Dương. Chính vì vậy mà người ta mới thấy xuất hiện những quốc gia với những kích thước vượt hẳn các quan niệm Âu châu, và đồng thời, dù có phần vô tình chăng nữa, đã đặt nền tảng cho những thế lực quốc tế hiện tại.

Đề theo đuổi công việc xâm chiếm các thuộc địa hải ngoại, Hoa Kỳ quả đã thiếu những hạng người phiêu bạt vốn đã giữ một vai trò quan trọng trong chủ nghĩa đế quốc thuộc địa Âu châu. Trong số di dân đến Bắc Mỹ không phải là không có người có khả năng đạt đến một địa vị mới ngay tại nguyên quán. Ngoài ra, vào thời ấy, ở Bắc Mỹ hầu như không có quân đội. Đất đai đáng để chiếm làm thuộc địa quả không thiếu, nói thế khác, trong tân thế giới, người ta quả đã không thiếu môi trường hoạt động. Thế nhưng, thành phần chủ động ở Hoa Kỳ là những người có óc doanh thương trước tiên chỉ nghĩ đến ảnh hưởng kinh tế chứ không phải là xâm chiếm đất đai.

Theo quá trình cổ hữu của chính sách vùng ảnh hưởng, hình thức tiêu biểu của chủ nghĩa đế quốc Hoa Kỳ đã được đặc trưng

bằng những vụ đầu tư có lợi, sự độc quyền một vài nguyên liệu và sản phẩm của thuộc địa, vài vụ can thiệp quân sự nhất thời, và trong vài trường hợp sự chiếm đóng các căn cứ.

Vào đầu thế kỷ này, đồng lương của thợ thuyền Âu Châu và Hoa Kỳ hầu như ngang nhau. Về quyền rũ di dân sang Bắc Mỹ phần lớn là ở chỗ sang bên ấy họ có nhiều hy vọng thăng tiến xã hội hơn. Thế chiến thứ nhất đã làm gián đoạn những phương thức sản xuất tân tiến của Hoa Kỳ và làm phát xuất, từ năm 1920, lý thuyết của Henry Ford theo đó ông sẽ trả lương nhiều cho thợ thuyền của ông để họ có thể mua xe hơi của ông. Đây là khởi điểm của một giai đoạn tư bản mới. Lý thuyết kinh tế của các nhà kỹ nghệ theo đó phải giảm mức lương bổng của công nhân càng nhiều càng tốt để tạo ra sản phẩm rẻ và khuyến khích cạnh tranh đã phải thoái bộ trước khuynh hướng mới nhằm gia tăng mãi lực quần chúng bằng lương bổng cao, đến độ những thị trường tiêu thụ đại chúng trở thành cách kinh doanh hay nhất và lương bổng cao trở thành một kích tố mạnh của thị trường. Dĩ nhiên các cuộc tranh đấu của nghiệp đoàn đã dự phần quan trọng trong quá trình cải biến này. Nguyên lý của xã hội tiêu thụ là kết quả của những phương thức sản xuất nhằm tiết kiệm sức cần lao.

Việc đổi thái độ với công nhân, được xem như là giới tiêu thụ và xương sống của thị trường khách hàng, đã gây ra khuynh hướng muốn cải thiện đời sống trên toàn thế giới theo tiêu chuẩn « american way of life ! » và sự kiện đó cũng làm nảy sinh, trong thế chiến thứ hai, khuynh hướng viện trợ cho các quốc gia kém mỡ mang mà người ta thường gọi là « under developed areas » !

Vấn đề phát triển kinh tế của những lãnh thổ này, mãi cho đến lúc đó chỉ mới được đặt ra, và đặt ra một cách lấp lửng, ở Anh đối với các thuộc địa riêng của Anh, đã dần dà trở thành một vấn đề thế giới.

Kỹ thuật đưa đến việc sản xuất hàng loạt, lẽ lối sản xuất này đưa đến việc tiêu thụ hàng loạt và cuối cùng, đưa đến những chương trình viện trợ nhằm tiêu thụ các hàng hóa đó đến tận những vùng xa xôi hẻo lánh nhất của thế giới. Hậu quả chính trị

của tiến trình đó có lúc đã dồn Hoa Kỳ vào những vụ xung đột bất thường khiến Hoa Kỳ thấy đâu đâu cũng có những quyền lợi cần phải bảo vệ trước Nga Sô, là địch thủ của Hoa Kỳ về phương diện chính trị thế giới.

Trong hoàn cảnh đó, quyền lợi truyền thống của Hoa Kỳ, điều mà người ta thường gọi là khuynh hướng đế quốc của đồng Mỹ Kim, lại đã dồn Hoa Kỳ vào thế tiến thoái lưỡng nan. Nếu muốn tìm thị trường thế giới cho việc tiêu thụ hàng loạt thì lại không thể tiếp tục khai thác tình trạng chậm tiến của Nam Mỹ (như chủ nghĩa đế quốc thực dân vẫn làm). Sự tương khắc quyền lợi đó, cho đến nay, vẫn còn ám ảnh đường lối chính trị của Bắc Mỹ.

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC MỸ KIM

Từ đầu thế kỷ này, Châu Mỹ - La Tinh đã đoạn tuyệt với Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha để trở thành độc lập nhưng mãi về sau cơ cấu xã hội vẫn không khác gì thời còn bị đô hộ trước. Vùng canh tác rộng, khối lượng nông dân khổn cùng (thường là thổ dân và dân đen) sự kềm chế vì của các nhà độc tài quân sự là những nét đặc trưng tại các quốc gia này. Những vùng kỹ nghệ cô lập, không có liên hệ cụ thể nào với toàn bộ kinh tế trong xứ (tương tự như trường hợp ở Á Phi) và việc sản xuất một vài nguyên liệu cho thị trường thế giới là những điểm nổi bật của các quốc gia này. Cho đến thế chiến thứ nhất, Anh là nước có một ảnh hưởng kinh tế đáng kể ở vùng này nhưng đã không tìm cách tái đô hộ các lãnh thổ trong đó giai tầng cai trị, vốn gốc Âu Châu và còn giữ văn minh Âu Châu, những yếu tố có thể xem như là một bảo đảm chắc chắn đối với công cuộc đầu tư (ví dụ như ngành hỏa xa ở Argentine) và sự tài trợ của quốc gia. Các vụ chính biến thường xuyên chỉ có tính cách ngoạn mục hơn là cách mạng và không gây ra những biến chuyển xã hội sâu đậm.

Từ khi thế quân bình chính trị thay đổi, Hoa Kỳ thế chân Anh, thì Châu Mỹ La Tinh cũng bắt đầu chịu nhận nền đế quốc

của đồng Mỹ Kim. Dù cho việc tuyên truyền lắm khi đã lạm dụng từ ngữ này, nhưng thực ra từ ngữ này đã phản ảnh đúng hoàn cảnh. Chúng ta hãy xem tờ New York Times đã nhận định như thế nào về những tương quan giữa Hoa Kỳ và châu Mỹ La Tinh. Năm 1960, báo này viết :

« Trong thế kỷ 19, mỗi xứ đều lo riêng phần mình (đúng ra là Hoa Kỳ đang còn ở trong thế cô lập). Ba thập niên đầu của thế kỷ 20 chính là thời đại của đế quốc Hoa Kỳ, của « nền ngoại giao bằng Mỹ Kim và cây gậy ». Ngày nay chúng ta lại đang đứng vào một khúc quanh mới. Bắc Mỹ không thể chỉ biết đàn áp và kết án những lực lượng hoạt động hay bạo phát ở châu Mỹ La Tinh mà cần phải tự giải thích với các lực lượng ấy. Tất cả đều tùy thuộc vào khả năng chúng ta để làm những gì mà chúng ta thấy là nên, hay ít ra cũng là rất đáng làm. Vì vậy mà chúng ta có thể nói rằng giai tầng lãnh đạo châu Mỹ La Tinh không còn đáp ứng được những nhu cầu của thời đại mới. Không chỉ sáu triệu, mà ngay cả sáu tỷ Mỹ Kim. Cũng chưa chắc đã là một số viện trợ hữu hiệu nếu giai tầng lãnh đạo không khởi công ngay những chương trình thật sự khả thi để loại trừ nạn đói, để thực hiện những cải cách ruộng đất, xây trường, xây bệnh viện. Cải cách hay cách mạng, hai điều phải chọn một ».

Chúng tôi trích cả đoạn này vì nó diễn tả được những điểm chính trong quan niệm riêng của chúng tôi.

Tuy nhiên vẫn còn một thắc mắc phụ liên hệ đến vấn đề của chúng ta : chủ nghĩa đế quốc ở châu Mỹ La Tinh đã ra sao sau năm 1930 ? Rủi thay, chủ nghĩa đó đã không biến mất mà chỉ nương bước cho một kiểu cách khác thôi. Cho đến nay vẫn không thấy có một cải thiện căn bản về chính trị xã hội nào trong các quốc gia châu Mỹ La Tinh lẫn trong những liên hệ giữa các xứ này với nước láng giềng hùng mạnh phía Bắc. Một điều khác cũng quan trọng không kém đó là nhận định của bài báo cho rằng hiện tình châu Mỹ La Tinh cần phải thay đổi toàn triệt và giai tầng lãnh đạo ở đây thì lại không đủ khả năng để làm việc ấy. Nhưng ta phải tự hỏi là ngay cả giai tầng lãnh đạo Hoa Kỳ đã có đủ sức để làm việc ấy chưa ?

Chỉ vài con số sau đây cũng đủ thấy hoàn cảnh châu Mỹ La Tinh là không có gì khả quan : khoảng 1/3 tổng số đầu tư của Hoa Kỳ tại ngoại quốc hiện ở châu Mỹ La Tinh. Số đầu tư này sinh lợi rất nhiều, ước khoảng 15% mỗi năm, trong đó 1/2 được giữ lại dưới hình thức tái đầu tư, phần còn lại thì được chuyển về Hoa Kỳ — một sự « xuất huyết » đáng kể làm cho kinh tế của các xứ này ngày một suy yếu. Tình trạng đơn canh và các kỹ nghệ đơn sản tại các xứ này tùy thuộc vào tương quan gia giảm của thị trường thế giới trong đó các xứ này chẳng có một ảnh hưởng. Trường hợp Bolivie chẳng hạn : 80% dân số là những thổ dân sống cơ cực trong các hầm mỏ, làng mạc và không thể có khả năng để tiêu thụ những hàng hóa hiện đại. Năm 1958, hiệp hội quốc tế về sản xuất thiếc đã quyết định giảm tổng số xuất cảng thiếc của Bolivie từ 28.000 tấn xuống còn 19.000 tấn khiến cho tổng số xuất cảng của Bolivie sụt mất 35%.

Cũng năm ấy, giá xuất cảng các sản phẩm chính của châu Mỹ - La tinh như đường, sợi, len, bắp, cà phê, chì, kẽm, đồng đã hạ xuống 20%. Do đó, lợi tức mà các quốc gia này kiếm được nhờ xuất cảng đã sụt mất 12%, nghĩa là mất khoảng 500 triệu Mỹ kim. Trường hợp Ba Tây, xứ lớn nhất ở châu Mỹ - La tinh cũng vậy. Số vốn ngoại quốc đầu tư tại đây gia tăng rất nhanh và không còn được xem như một xứ nông nghiệp : trong đệ nhất lục cá nguyệt năm 1960, tổng số xuất cảng tăng 18,5% nhưng chỉ có 1,4% trị giá bằng Mỹ kim. Những con số đó đủ nói lên tình cảnh khó khăn của Ba Tây. Xứ này phải cố xuất cảng nhiều nhưng số ngoại tệ thu về thì lại chẳng được bao nhiêu vì giá cả bị sụt quá.

Toàn thể châu Mỹ - La tinh, với 200 triệu dân, không hề có một nền kinh tế cơ bản, và sống nhờ vào số xuất cảng khoảng mười nguyên liệu chiếm 80% tổng số xuất cảng mà giá cả đổi thay một cách khiến cho số xuất cảng này luôn luôn không thể nào bắt kịp số nhập cảng quan trọng về kỹ nghệ của châu Mỹ - La tinh.

Vì bị ngăn trở như vậy nên quyết tâm muốn vượt qua ngưỡng cửa thời đại kỹ nghệ đã tự giải tỏa bằng những ác cảm bạo động đối với chủ nghĩa đế quốc Bắc Mỹ.

Trong lãnh vực này, Cuba có thể xem là vấn đề khúc mắc nhất đối với Bắc Mỹ. Năm 1961, Hoa kỳ vẫn còn một căn cứ quân sự tại đảo này. Hoa Thịnh Đốn đã đầu tư hơn một tỷ Mỹ kim ở Cuba và, cho đến lúc bị truất hữu, đã sở hữu 40% kỹ nghệ đường, những trại nuôi súc vật lớn, 80% sản xuất điện và các dịch vụ công cộng, 90% hầm mỏ và, chung với người Anh, toàn thể kỹ nghệ dầu hỏa. Nhưng việc sản xuất đường sang Hoa kỳ đã không được quy định bằng những thỏa ước kinh tế như ý muốn của người Cuba, trái lại cứ mỗi năm Quốc hội Hoa kỳ lại định một mức nhập cảng những sản phẩm xuất cảng chính của Cuba. Và đối với người Cuba, bỏ nhập cảng đường có nghĩa là bắt họ hoặc phải chịu lệ thuộc chính trị hoặc nếu không thì phải chịu chết đói hay đem bán đường cho Nga Xô, và rút cục điều này cũng sẽ tạo nên một thị trường chính trị chẳng khác gì với Hoa kỳ, bởi lý trước nay Nga Xô đâu có mua đường của Cuba. Người Cuba đã phải chọn giải pháp sau vì chẳng còn cách nào khác hơn.

Nhưng việc ấn định mức nhập cảng đường như vậy chưa phải là duy nhất. Từ năm 1934, người Cuba đã phải thuận cho Hoa Kỳ những đặc quyền quan thuế giúp cho Hoa Kỳ thực sự độc quyền thương mại và khiến cho việc xây dựng kỹ nghệ của Cuba không thể nào thành tựu được bởi lý một nền kỹ nghệ trẻ trung đương nhiên không thể nào cạnh tranh nổi với một nền kỹ nghệ tân tiến nhất thế giới. Người ta sẽ dễ hiểu hơn những nguyên nhân chính đưa đến cuộc cách mạng Cuba khi người ta biết thêm về số lớn diện tích canh tác mà các người Bắc Mỹ đã đưa nhau chiếm hữu và giải tăng lãnh đạo bản xứ.

Những lời tuyên bố tuy có tính cách trình diễn của Fidel Castro vẫn không làm mất ý nghĩa của cuộc cách mạng nông nghiệp thực sự đó. Theo các quan sát viên bàng quan thì công cuộc cải cách ruộng đất đã thành công: nó hứa hẹn cho hơn nửa triệu công nhân đồn điền, đến bây giờ chỉ làm việc bốn tháng mỗi năm trong các ruộng mía, một tương lai tốt đẹp hơn.

... Tổng Thống Ba Tây Kubitchek đã nói đến khả năng mà các khối lượng quần chúng có thể tách rời chính sách của Hoa Kỳ để theo một chiều hướng cách mạng, và người cố vấn kinh tế của

ng đã nhận định những hậu quả kinh tế khả hữu từ thái độ đó bằng những lời lẽ như sau: « chúng tôi không chối từ cộng tác với các nước ngoại quốc, nhưng ưu tiên phải là quyền lợi quốc gia. Những dự án xuất vốn và các nhà kỹ nghệ ngoại quốc nào tôn trọng nguyên tắc ấy đều sẽ được đón tiếp... »

Bắc Mỹ cũng phải thay đổi chính sách vì sự hiện diện của vũ khí nguyên tử và những đòi thay phát xuất từ sự kiện đó về phương diện quân sự. Nghe qua thì có vẻ phi lý nhưng thực tế là dần dà những cuộc can thiệp quân sự càng trở nên bất khả thi, bởi lý ở mỗi lần can thiệp như thế người ta không thể không lo ngại nguy đột toàn diện có thể xảy ra... Cố gắng cuối cùng theo kiểu này đã xảy ra ở Liban năm 1958 vì người ta muốn ngăn cản một hành động tương tự của Xô Viết.

Vì phản ứng của Xô Viết đã không xảy ra và, do đó, những « leather-neck », (những đơn vị thiện nghệ trong các chiến dịch đổ bộ) đã không có dịp ra tay chống lại Nga Xô và đã bị tê liệt. Nếu họ can thiệp vào nội chiến ở Liban, người ta có thể ngại một đảng, phản ứng của Nga Xô có thể đi đến chỗ tấn công Hoa Kỳ bằng nguyên tử và đảng khác, điều đó sẽ gây ra những phản ứng dây chuyền trong thế giới Á Rập mà hậu quả sẽ không thể nào lường được. Và chẳng vì đây là nhằm ngăn cản không cho ảnh hưởng của Nga Xô gia tăng ở xứ này nên có thể nói mục tiêu của hành động đó lại càng không đạt được. Tình trạng bất động do hiểm họa nguyên tử gây ra chính là ở chỗ nó đặt các thế lực quốc tế trước viễn tượng những hiểm nguy không thể lường được, và do đó, đã mở đường cho các thế lực nhỏ những khả thể « làm ăn » đến bây giờ chưa ai ngờ đến.

HOA KỲ Ở Á DÔNG

Thái độ thận trọng của Hoa Kỳ trước vấn đề xâm chiếm lãnh thổ kiểu đế quốc đã đưa Hoa Kỳ đến chỗ thực hiện một chính sách với Trung Hoa khác hẳn đối với Trung Á. Chính sách « bỏ ngõ », khẩu hiệu Hoa Kỳ đã dùng để nguy trang quyền lợi của họ, đòi hỏi

mọi thế lực đều phải có quyền ngang nhau ở Viễn Đông, bất kể các nhượng địa của những thế lực này tại Trung Hoa.

Hậu quả chót của chính sách phóng khoáng đó là những thi nghịch với Nhật Bản từ sau năm 1930, khi nước này tuyên xác chỉ quyền của mình ở Trung Hoa, và sau hết với chính Trung Hoa khi nước này bế môn tỏa cảng năm 1949.

Đối với Hoa Kỳ, việc Cộng Sản chiến thắng Tưởng Giới Thạch, kẻ đã trở thành một chư hầu của Hoa Kỳ từ năm 1946, là sự thất bại quân sự đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ và đã làm lung lay trầm trọng lòng tự tin của họ chẳng bao lâu sau chiến thắng năm 1945. Thất bại ấy đã trở nên rõ ràng hơn khi chiến tranh lạnh sắp đạt đến cao độ khoảng thời kỳ phong tỏa Bá Linh. Thực tế chứng tỏ có những thế lực chính trị thoát khỏi vòng cương tỏa của một thế lực quốc tế: ý chí kiên quyết và được lãnh đạo khéc léo của một dân tộc đông đảo.

Thật là chán nản khi thấy rằng kể từ ngày đó Hoa Kỳ đã không tìm ra một chính sách mới đối với Á Đông mà chỉ nhái quyết không thừa nhận Trung Hoa và ngăn cản nước này vào Liên Hiệp Quốc (1); hậu quả là Hoa Kỳ đã chỉ đẩy Trung Hoa đến chỗ phải tập trung mọi bang giao chính trị về hướng Nga Sô. Cả các nhà bình luận Hoa Kỳ lẫn tác giả, qua các cuộc mạn đàm khi tác giả có dịp viếng thăm Bộ Ngoại Giao tại Hoa Thịnh Đốn, đều không tìm thấy một nguyên nhân nào đã gây ra một thái độ phi chính trị như thế ngoài nguyên nhân tâm lý.

Sau chiến thắng của Mao, cuộc chiến tranh thuộc địa tầm thường do Pháp gây ra ở Đông Dương đã được trang trí thành một chiến tranh ý thức hệ như thể là một cuộc chiến chống lại chủ nghĩa Cộng Sản dù cho nhà lãnh tụ Cộng Sản Đông Dương Hồ Chí Minh, vào những ngày đầu cuộc chiến năm 1947, rõ ràng đã sẵn sàng ở lại trong liên minh với Pháp, hơn nữa, lại chưa hề nhận một sự hỗ trợ nào của Nga Sô còn Mao thì chưa đoạt được chính quyền. Rồi khi cuộc chiến chấm dứt với sự thất bại của quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ năm 1954, Trung Hoa lại còn quá yếu để có thể dẫn dắt Bắc Việt Nam vào vòng ảnh hưởng của

minh. Tại Đông Á chỉ có Hoa Kỳ là đủ lực để đối với Trung Hoa ở ngoài lãnh thổ Trung Hoa, cũng vì vậy mà hiện nay biên giới những vùng ảnh hưởng của Trung Hoa và Hoa Kỳ mới chạy ngang qua Đông Dương và Cao Ly.

Nửa phía Nam của xứ này ở trong vòng ảnh hưởng của Hoa Kỳ và theo nguyên tắc là độc lập nhưng lại hoàn toàn bị lệ thuộc những yểm trợ quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ. Miền Bắc Cao Ly cũng chịu một sự lệ thuộc tương tự đối với Trung Hoa, hệ thống xã hội của vùng này rõ ràng rập theo khuôn mẫu Trung Hoa và được cai trị theo những nguyên tắc mà chúng ta gọi là chủ nghĩa đế quốc ý thức hệ.

Nhưng vùng ảnh hưởng của Hoa Kỳ thì được cai trị theo hệ thống nào? Đã hẳn, nền dân chủ của xã hội kỹ nghệ của Bắc Mỹ không thể nào phát triển ở các xứ nông nghiệp vùng này, cũng vì thế tại Á Châu Hoa Kỳ đã thường liên kết với những giai cấp chủ nhân phong kiến, và chính những giai tầng này lại là đối tượng của cuộc đấu tranh giải phóng tại nội bộ các xứ này.

Nam Cao Ly là một ví dụ điển hình về mức độ tham nhũng mà các chế độ do Hoa Kỳ dung dưỡng đã đạt đến. Chẳng bao lâu sau khi kẻ được Hoa Kỳ ủng ái tại Đông Á là Lý Thừa Vãn bị lật đổ, một phái viên thông tấn đã nói về Nam Cao Ly như sau: ... Vả chăng, người ta không bao giờ chịu bằng lòng với sự tham nhũng thông thường trong xứ. Thường thường số tài trợ của Hoa Kỳ đã bị hút tụt... và không một nhà máy nào được xây dựng. ...

Tình cảnh nông nghiệp lại càng thảm hơn: các cuộc cải cách ruộng đất năm 1948 và 1950 nhằm hữu sản hóa giới tá điền vốn chiếm 60% tổng số nông dân. Nhưng người ta đã «quên» cho, hay ít ra là cho các tá điền tay trắng này vay, một số tiền cần thiết để mua lại đất. Do đó mà họ đã phải nhờ các tín dụng tư nhân vốn là các cự điền chủ, các sở hữu chủ lớn và các nhà cho vay đã thuận cho vay với mức lãi 5% mỗi tháng. Hậu quả hiển nhiên là các chủ ruộng mới sẽ vỡ nợ nhanh chóng và số đất đai vừa mới tậu được lại trở về tay chủ cũ hoặc vào tay các nhà cho vay...

...Những quan niệm về kinh tế tự do mãi cho đến bây giờ

(1) Sách xuất bản từ năm 1961.

Hoa Kỳ vẫn còn duy trì và sự liên kết của Hoa Kỳ với những giai tầng có của là những yếu tố tạo ra một hoàn cảnh kinh khủng, bế tắc tại vùng nông nghiệp chậm tiến này.

Kể ra trong những điều kiện như thế mà dân chúng vẫn không ngã về phía Cộng Sản thì đủ biết đời sống ở Bắc Cao còn cực khổ đến mức nào. Các nhà quan sát khách quan nghĩ ngờ rằng sau khi Lý Thừa Vãn bị lật đổ, chính quyền mới ở Nam Cao Ly, mà chương trình hoạt động đã có ghi những điều như dân chủ hóa sinh hoạt công cộng và kinh tế, lại có thể thỏa mãn những quyền lợi sinh tử của dân chúng. Và điều hiển nhiên nữa đối với các chuyên viên về vấn đề Đông Á là hoàn cảnh Nam V.N, dù sống dưới ảnh hưởng của Hoa Kỳ, quả cũng chẳng tốt đẹp gì hơn.

Tại Đông Á, cũng như tại bất cứ nơi nào khác trên thế giới, các cuộc đấu tranh giải phóng đều có nhiều động lực. Hầu hết các nhà lãnh đạo những cuộc chiến đấu này đều đã được đào tạo ở Âu Châu (mà Nga Sô là một phần) và ở Bắc Mỹ. Tại các nơi đó, những nhà lãnh đạo này đã học được rằng điều kiện để khai phóng xã hội cho dân tộc họ chính là sự giải phóng quốc gia.

Điều ấy quả đúng như vậy đối với chính những xứ kỹ nghệ trong giai đoạn bùng nổ các cuộc cách mạng quốc gia. Năm 1789, người Pháp đã đập đổ các chương ngại để cải thiện hoàn cảnh cá nhân, kinh tế và xã hội; tại hải cảng Boston năm 1773, người Mỹ cũng đã ném những thùng trà xuống biển chỉ vì họ hết muốn thừa nhận quyền thu thuế của người Anh; và năm 1948, giới thợ thuyền ở Bá Linh đã vùng lên bởi vì họ đã ước ao một đời sống tốt đẹp hơn trong những công cuộc kỹ nghệ hóa của tư bản chủ nghĩa đang hồi khởi thủy...

... Vì, ngoài Nhật Bản ra, Hoa Kỳ đã không phác họa một hệ thống xã hội nào ở Đông Á khả dĩ đem lại một sự chọn lựa khác với những hệ thống cũ nên họ đã phải bám lấy những phương pháp cổ truyền để duy trì ảnh hưởng của mình bằng sự tham nhũng của các giai tầng lãnh đạo và bằng « viện trợ » quân sự, kinh tế thiếu trước hụt sau. Họ đã tạo ra ấn tượng họ chỉ là những kẻ hết phương xoay xở...»

hellmut kalbitzer

Trần Hồng Châu

Tôi viết bài thơ quán rượu

Mục đồng giao chỉ Hạnh hoa thôn...

Hàng cây gậy gậy sốt
Mặt trời rên đau bệnh ung hoàng
Chiều Midwest rụng héo hon
Rung rung buồn sỏi đá
Có ai giết sâu trong mộ đảng
Có ai giết sâu trong lòng chén cà phê đen màu
mi buồn mắt em...

Những người con gái hầu bàn gửi cho khách hàng
thứ 1001 nụ cười tiền chế và cái nháy mắt thứ 1001
mòn như gỗ quầy hàng vắng, như mặt đường
Philadelphia-New-Haven quá quen thuộc
Những người con gái nghiêng nghiêng rót mật maple
vàng ánh xuống những chiếc waffles mặt trời
hoàng hôn như tóc vàng nghiêng nghiêng chảy vào ly
rượu vang đắng vàng...

Những người con gái tay ngọc bích tịch tịch cầm

từng lá rau màu ngọc bích chậm chậm vươn lên
vời cặp chân thon dài run run niềm nhung nhớ, với
cặp chân xây chín đợt phù đồ, xây mười hàng cảm
thạch cột ưu tư mùa Nhã Điền ngắt ngắt trong
thời gian ngừng đọng, trong thời gian chơi vơi...

Tôi ghét, tôi yêu nàng Kiều quán rượu
Tóc dài kiêu xa như mặt maple; như mặt đánh waffle
Tàu thuốc lá dài như đôi chân nảo nùng màu tội lỗi
của những ghi rướn dầu sôi lửa bỏng...
Đa lá úa mùa thu vì mới phá thai từ một bệnh viện
New York về với giá đặc biệt là US\$ 120.25 kể cả
thuế liên bang
Đêm nay vạc chân dài ngủ gật ngất ngư trên ghế dài
chân trong đêm dài không người cầm canh.

Tôi ghét tôi yêu người sinh viên Do Thái mũi diều hâu
kéo dài thêm râu dài Chúa Jesus mãi mãi buồn đau
Sắc mùi tỏi, mùi mồ hôi, mùi ketchup, mùi triết lý
hiện sinh, mùi lá cỏ thần tiên, mùi chính trị thời trang
của những phòng họp và tiệm چاپ phở rẻ tiền...
Đêm nay người sinh viên chẳng còn Đất hứa, người thủy thủ
không nhà ngủ gật ngất ngư
trên mẫu bánh kosher và trên trang sách The Greening
of America bản bình dân, 95 cents, trên thân hình
ngắn ngủi tròn và tái xanh như một trái ô liu lia cành...

Tôi viết bài thơ trên mảnh giấy chùi mỡ
Tôi viết bài thơ trên mảnh giấy tính tiền có ghi
nhãn hiệu Golden Bear
Tôi viết bài thơ trong lòng chén cà phê đen
với hình bóng chõ thuyền những Trương Chi thế kỷ 20...

Tôi viết bài thơ trên mình đêm trắng triền miên
đêm trắng ngổ ngàng
đêm trắng đen như cuộc

lời vô định của những tuy đạo không dấu chấm dứt câu
Tôi viết bài thơ trên da em trinh bạch
trên da em điểm đàng
trên da em sượng sùng

Tôi viết bài thơ trên nắp hộp đựng đúng 30 viên
thuốc ngừa thai hàng tháng của em tuy giáng dập
em vẫn trắng xanh cảnh huệ nữ thánh đồng trinh...
Tôi viết bài thơ trên lá cổ không quen biết, lá
cỏ huyền diệu, lá cỏ phiêu diêu trong những đêm dài
thần kinh rối chỉ, trong những dài mắt thánh
thần mắt yêu tinh...

Tôi viết bài thơ đen trong trong mắt tử hờn người đầu
bếp da đen da dày như da trâu mấy mươi cuộc đời kéo
cây trả nợ mới làm nổi mấy mươi triệu chiếc
hamburger MacDonald cay cay chua chua giọt lệ
tử mờ mờ đời hắc-nô đã hơn một lần mơ quay quay
bánh xe luân hồi...

Tôi viết bài thơ trên vỏ những chiếc xe familiale
trong đó những con gà sống mất xanh da nhợt nhạt đang
uống vitamine vội vã, ăn hotdog vội vã rồi làm tình vội
vã không kịp cởi bỏ hết bộ quần áo lót lượt là loi là
cuồn cuồn như sóng đại dương trên mình những con
bọ ngựa cái, những con búp bê cứng cổ nhiều nam tính và
luôn luôn đòi quyền sống... luôn luôn đòi ái ân nymphomanie
kéo dài như Trương Thành Vạn Lý...

Tôi cảm ơn máy điện tử xếp giờ dạy học đã cho tôi
ngồi quầy hàng làm xong bài thơ quán rượu chiều đông
Tôi cảm ơn bà chủ phố cái miệng rộng không ai muốn
nhìn hoài đã cho tôi bài thơ Tần hoài hôm nay
Bài thơ vô định
Bài thơ mất hướng
Bài thơ nhớ nhưng
Bài thơ sâu xứ
Bài thơ hư vô

Bài thơ của một cánh bướm đêm
 và chàng lãng tử mười phương
 Bài thơ của người thơ đánh mất cuộc đời trong đáy men
 nồng, trong bã cà phê tiên tri như chiều buồn thương nữ
 như tóc huyền vương vương mình sông Hương...
 Bài thơ đi vào đêm trắng với những nét phù thủy quay qua
 theo quầy hàng quay quay theo con mắt đông đưa nửa khuy,
 quay quay theo màu rượu chia ly trong lòng hồ trường
 buồn hiu hiu trong lòng vô cùng thiên địa nhập hăm ca...

VỌNG BẮC PHƯƠNG

Sưởi lửa mình thơm người viễn xứ
 Cổ nhân chẳng đó thuở xa gần...
 tặng Vũ Thiện Phương

Nhớ chẳng tuyết trắng chiều hiu hắt
 Băng khuâng Thụy Điện lệ voi đầy
 Dạ y bưng nở thân ngọc biếc
 Hoa trời cửa động chín từng mây

Muốn học trời xanh chìm đáy mắt
 Vàng rơi tóc suối chảy hoàng hôn
 Ai về Băng Đảo cho ta nhắn
 Vọng Bắc Phương hề ta nhớ chẳng

Hồng nhật đông thăng môi ảo mộng
 Bạch vân tây vọng tuyết da ngà
 Hải âu tung cánh trời cao rộng
 Gothland sóng biếc thị thần châu

Liều mi cong vút bướm thuyền trắng
 Tay tiên hồn nhạc khóc phong cầm

Tuyết xây mộng nhỏ men say đắng
 Nửa đêm nhật nguyệt nhập hồn em

Hào quang thánh nữ rừng bạch lập
 Mười sáu mùa trăng một ánh mi
 Anh vẫn đi về qua địa lục
 Rừng phong biển rộng suối vi vu

Rượu đào nghiêng mắt biếc lưu ly
 Ly bôi tóc rối nổi niềm xưa
 Eva, Inge, Anita
 Vọng Bắc phương hề ta nhớ chàng?

trần hồng châu

(Tác giả xin thành kính tạ lỗi bậc
 tiền bối Am Mây)

Nguyệt Ngử

Còn trong chiều nay

Không biết từ bao lâu rồi nhưng khi Khuyên thức dậy, vừa chống tay ngồi lên nhìn ra, nàng đã thấy ngay dáng chị Nhi đứng đó : ngoài khung cửa sổ mở rộng, dưới tàng lá sấu đông. Hai tay vòng lại trước ngực, hai tà áo và hai ống quần nhẹ nhàng bay động giữa gió, mái tóc thả dài lòa xòa quanh vai, khuôn mặt cắt nghiêng trên nền trời xa, chị Nhi đứng dựa người vào gốc cây lặng lẽ trông xuống khu phố tựa hồ đang mãi dõi theo một bóng hình chập chờn khuất hiện đâu dưới đó. Dưới đó, những con đường nhựa hư cũ, những vùng cây, những mái tôn mái ngói già nua nghiêng nghiêng cúi úp, giòng sông nắng lóa, cây cầu gầy sấp, núi đồi thoai thoải tít về chân trời bên kia sông ; và trên này : căn nhà ven dốc ngọn đồi cuối phố, cây lá đang rì rào miên man với gió mùa. Chị lặng lẽ nhìn và có thấy được gì. Tất cả, còn giữa buổi chiều, những bày biện của tuổi thơ và tuổi khôn lớn, anh Thục một người đã chết, nơi chị đang tìm đến thăm và sắp sửa giả từ, không bao giờ còn quay lại để trông thấy thêm một lần nữa cả : chiều nay là buổi chiều cuối cùng, mai sáng chị đi.

— Chị Nhi.

Trong vùng bóng cây ngoài cửa, theo tiếng kêu gấp giọng

của Khuyên, chị Nhi quay nhanh lại. Khuôn mặt trắng thắm giữa mái tóc dài rối, đôi mắt đen dẹt mở lớn, nụ cười.

— Em dậy rồi à ?

Khuyên mỉm cười, dụi mắt.

— Trời như như để làm ngủ mê quá. Chị thức dậy bao giờ thế.

— Không, trưa này chị không ngủ mà.

— Thế bộ chị vừa đi đâu về ?

Chị Nhi chậm rãi quay vào, đến bám tay lên chấn song.

— Không, chị vẫn ở nhà.

— Ở nhà sao lại mặc áo quần vậy ?

— Mặc cho vui. Chẳng biết làm gì, chị thay áo quần đợi nguyên luôn.

Cơn buồn khóc mừng lên xa xôi trong lồng ngực Khuyên, xóa lẫn với nỗi ân hận, nỗi buồn, sự trẻ nãi thất lạc mặt mũi. Khuyên chớp mắt cúi xuống, co vai thu hai bàn tay lại giữa đùi.

— Đợi làm gì, sao chị không gọi em dậy.

— Hồi nãy chị cũng định gọi rồi nhưng thấy Khuyên ngủ gục lạnh quá nên không kêu nữa.

— Chị đợi em lâu không ?

— Không.

— Thôi, em đi rửa mặt chút nhé. Chút thôi.

— Gấp gì, còn sớm chán.

Khuyên đứng lên, ngó xuống khu phố cuối dốc, ngoài chung cửa.

— Bây giờ cỡ mấy giờ rồi nhỉ.

— Khoảng 4 giờ. Xe NT mới về mà.

— Chuyển thứ hai à ?

— Chuyển thứ hai. Chuyển thứ nhất, chiếc PA, về hồi nãy rồi. Khuyên cười lơ đãng.

— Chị thuộc cả.

— Gì mà không thuộc, chỉ mấy chiếc tới lui...

Chị Nhi bỏ lửng câu nói, trở ra đứng tựa vào gốc cây cũ khi Khuyên rời khung cửa đi vào nhà sau. Xe NT bỏ bến từ hồi 9 giờ sáng, chuyển thứ nhì trong số 5 chiếc xe hàng của

quận lý, khi chợ quận bắt đầu nhóm và bây giờ đã quay về bến cũ; khoảng 4 giờ chiều rồi.

Buổi chiều, như mọi chiều, khoảng 4 giờ, mẹ Khuyên đã xuống phố chờ xe đường dài tải hàng từ các thành phố lớn đến tạt ghé đồ xuống để chuyển lại cho đám khách buôn lẻ tải qua đò dọc mang phân phối về những vùng dân cư ở mạn cuối sông, ven biển. Chưa tới 4 giờ, bà xuống phố, và thường cũng hơn 5 giờ bà mới trở lên để lo bữa cơm tối, nhất là trong những ngày nhà có Khuyên và 2 đứa em ở tỉnh nghỉ học tìm về. Hình như ngoài hai chị em, Khuyên và chị Nhi, căn nhà không còn ai cả. Khuyên đứng nhìn quanh, định lên tiếng kêu em nhưng chẳng biết sao, lại thôi. Bồi thuốc đánh răng lên bàn chải lấy khăn, xà phòng, Khuyên ra chậu rửa mặt, đứng lại với dáng đứa em trai lớn đang vòng tay ôm đầu gục ngủ trên lòng quyền tự điển dày cộm còn mở rộng bên chiếc bàn thấp dưới mái hiên nắng soi. Nghe tiếng động do Khuyên gây ra, đứa em thức giấc, đứng lên lắc đầu cười, làm mấy động tác thể dục rồi lại ngồi tiếp tục học. Khuyên dặn em: nhớ đừng ngủ nữa, đừng đi đâu cả, có muốn đi đâu đợi chút mẹ lên rồi đi nhà chẳng có ai... Đứa em ậm ừ nhận lời. Rửa mặt đánh răng xong, Khuyên vắt khô khăn trở lên phòng riêng thay áo quần, chợt đứa em hỏi vọng theo.

— Bây giờ chị với chị Nhi lên thăm mộ à ?

— Ừ, gì sao ?

— Cho em đi với.

— Đi cũng được nhưng bộ máy muốn bỏ nhà trống vậy à ?

— Khóa cửa lại xuống chợ đưa chia khóa cho mẹ.

— Thôi, đừng nữa.

— ... Mai chị Nhi đi rồi mà.

— Ờ.

Đã trông chiếc áo dài vào người xong, đang cài dờ hàng nút bên hông, nghe câu nói thoáng chừng giọng của đứa em, Khuyên trả lời và bàn tay ngơ ngẩn ngừng lại trên hạt nút chưa kịp cài luôn. Khóa cửa lại rồi xuống chợ tìm đưa chia khóa cho mẹ là một đề nghị hợp lý, một thói quen của 3 chị em trong suốt những buổi sáng buổi chiều từ đầu mùa hè này tới giờ cũng như

đã có trong bao nhiêu mùa hè hoặc các ngày nghỉ học khác, khi cả 3 cùng bỏ thành phố về đây, quen thuộc đến không ai buồn đề ý tới nữa, không thể nghĩ có một giải pháp nào hay hơn để tránh cảnh nhà cửa bị bỏ trống khi mẹ còn ở chợ và ba chị em muốn đi rong; nhưng chiều nay, vấn đề giải pháp đó được đưa ra, đứa em đã gặp ngay sự từ chối: Thôi, đừng nữa. Đừng nữa, hãy ở lại trông nhà, đừng đi theo hai chị làm gì, bởi đây là buổi chiều cuối cùng của chị Nhi còn lại nơi này. Phải thế không ? Chiều nay, chị Nhi còn ở đây, trong vùng phố xá chuyện kể, nơi có chiếc nhàu và nắm mồ của anh Thục, rồi ngày mai, sau khi chuyển xe thứ nhất bỏ bến quận lý, ở đây chị sẽ là kẻ vắng mặt, không ai còn bao giờ thấy lại hình vóc được cả: chị đã xa, đã hút điệp vào nghìn trùng. Còn một chiều Khuyên bên chị. Mơ hồ, Khuyên thấy mình đang muốn chiếm giữ lấy sự chung đụng cần thiết đó, tuyệt đối không thể chia sẻ thêm cho một người thứ 3 nào cả, dù người đó là ai. Thêm một chiều này với chị để em còn bao nhiêu ngày tháng tiếp theo, bao nhiêu cuộc chiến tranh, bao nhiêu tang thương mịt mù em sẽ tới, bao nhiêu xứ sở còn lạ lùng chưa thể hình dung. Khuyên chậm rãi cài nốt mấy hạt nút, cúi xuống nhìn theo hai bàn tay úp xuôi vuốt dọc tà áo. Cuộc chiến tranh cũ đã qua rồi và hẳn còn nhiều cuộc chiến tranh khác đang sắp sửa bùng vỡ. Có một người con trai nào, một nơi nào, một ngày nào tôi khóc... 18 tuổi, tôi là con gái, chưa biết mình sẽ yêu thương vui buồn đứa trai nào sẽ gặp mai kia.

Từ hiên sau, đứa em dội nước rửa mặt rồi vừa huýt sáo miệng vừa kéo dép lệt xệt ngang ngoài cửa phòng Khuyên ra cửa trước. Thắng nhỏ nói gì đó một câu dài, tiếng chị Nhi cười vui. Khuyên đẩy cửa đi ra, đứng lại.

— ... Khoảng chợt tối, để ăn cơm xong đã, muộn gì.

— Em, thắng kia, còn ba đứa tháp tùng nữa nghe chị.

— Được rồi, không sao. Ba đứa bạn kia trai hay gái.

— Một trai hai gái. Ba đứa hôm qua vào đây đó...

Chị Nhi vẫn tựa lưng vào thân cây và thắng nhỏ ôm cuốn tự điển ngồi trên khối gỗ thấp, cả hai cùng trông xuống phố, thì thầm chuyện trò, không thấy Khuyên, Khuyên bước đến, cả hai cùng quay lui. Khuyên cười hất đầu hỏi em:

— Gì vậy, gì mà còn thêm ba đứa bạn nữa.
 — Gì đâu, chị Nhi vạch chương trình tối xuống café ông Tàu.

— Mày thì cứ café, café suốt ngày.

Khuyên nói và tựa hồ đã quên bằng việc thằng nhỏ đòi theo, nàng làm dấu dục chị Nhi: thôi đi. Không chỉ một mình Khuyên mà hình như cả chị Nhi và thằng nhỏ cũng đồng tình với sự quên bằng đó: bỏ thằng nhỏ đứng lại một mình, hai chị em bỏ ra khỏi sân, lặng lẽ thẳng xuống ngõ luôn.

Khoảng sân hẹp và con ngõ dẫn xuôi nhòai theo lưng dốc, nối đến vùng cuối quận lỵ. Mùa hạ, màu nắng chiều hanh sáng, những tàu lá sấu đông xanh ngắt lay động rì rào với gió nhẹ, mặt đất khô trắng dưới bước chân. Hai chiếc bóng vẽ dài trên mặt đường, khuất lẩn vào bóng cây, nhòai qua vệ cỏ ven các chân gốc. Cả hai người đều mặc quần trắng, chị Nhi áo đen và Khuyên áo nâu nhạt. Áo quần may cắt theo mốt mới, hai người cao ngang đầu nhau, hai mái tóc thả dài, bốn bàn chân thắm thì bước tới.

Đến cuối ngõ, chị Nhi đứng lại, nhìn quanh. Khuyên đứng lại theo.

— Gì vậy, chị.

— Lúc kia ở đây có cây khế thấp, thật già, phải không? Khuyên nhớ không?

— Ờ, nhớ... không phải đây, đằng kia kia, chỗ bây giờ trồng cây hạnh đó. Nó bị bão làm trốc gốc lâu rồi.

— Bão năm nào?

— Bão năm kia, năm tháng 8 có bão lớn lắm đó.

— Ừng nhỉ.

Nhiều lắm hồi, nghe Khuyên trả lời và chị Nhi thở dài, mỉm cười. Vẫn khuôn mặt mơ hồ cơn ngái ngủ, đôi mắt trong đen, vùng trán khô lạnh, nụ cười rười rượi và giọng nói đều đều đó. Thêm một bài biện cũ đã mất được nhắc gọi lại nữa. Nhà ga, những chuyến tàu suốt, tàu chợ, những vầng khói tàu, tiếng còi, những chuyến xe qua, những chiếc xe nhà binh dềnh dàng kéo súng trọng pháo, ngôi giáo đường lẩn giữa vùng cây già trên đồi cao, khu phố cũ, giòng sông những mùa nước xanh nước bạc, núi đồi điệp trùng bên kia giòng sông, sông từ nguồn xa trôi ngút về.

biên? khơi, những chuyến đò dọc xuôi theo sông về... Tất cả đó, của 7 ngày qua, và chiều nay, trước sớm mai đi: lúc kia có cây khế già, thật già, thật thấp.

Một cây khế. Vàng, đúng thế. Thật già, thật thấp, không rõ ai trồng từ đời nào nhưng ngay thời Khuyên nhỏ dại nó đã có ở đó, bên lối ngõ, giữa những cây sấu đông đứng thưa. Sấu đông ra hoa rụng lá rất đúng nhịp mùa và cây khế thật thấp, thật già, quanh năm cành nhánh xanh um nghiêng chiều xuống mặt đất. Trái xanh chua, hoa từng chùm tím đậm, cành nhánh kín cả lá và trái, gốc lớn đầy dấu tích của bọn nhỏ trèo nghịch phá. Bao nhiêu năm cây khế đã thường trực ở đó, rồi năm kia, với cơn bão tháng 8 cuồng nộ tràn đến, như một số những cây già khác, nó đã trốc gốc, ngã sập xuống trùm chắn ngang đường. Bữa riu hổ chém, cả cái thân lùn già vạm vỡ của nó được xếp thành một đồng cũi gay sau khi cơn bão qua, dần bị đun vào bếp. Chỗ đất cũ được một cây hạnh đứng thế vào. Thay vì phải trồng một cây khế khác, oặc một cây sấu đông, đứa em lớn của Khuyên kiếm được nhánh hạnh đều đó mang về bới đất trồng xuống: Cỏ vườn đầy cây mà chưa có cây hạnh nào cả, hạnh ít chua hơn chanh nhưng trái lớn hơn, nhiều nước hơn, vài năm nay nữa chị thấy. Và hết. Vóc dáng của cây khế đã dần tíu mù đi. Những mùa qua, cây hạnh đang dần vững chãi lớn lên theo bao nhiêu cây khác, đã kết trái với mùa thứ nhất; lá xanh trái chua hoa trắng với sự quên lãng của bao nhiêu người chung quanh mỗi ngày ra vào, quên theo những lần tưới tắm, những hy vọng mùa sau..., cho mãi đến bây giờ. Câu hỏi đều giọng của chị Nhi, cây khế từ lặn quên thẳng thốt dựng lên. Có tàng lá dày rậm quanh năm, thân cây lùn mạnh. Khuyên nhớ. Có tiếng chim nhiều mùa đã riu rít trong tàng lá đó, những vết chân trèo cọt xát tạo thành từng khoảng bóng nhẵn trên thân vỏ sù sì đó, có dáng anh Thục lẻ loi thoăn thoắt niu cành này chuyển sang cành kia trên những khuôn mặt đám trai gái ngừng lên rồi rít nói cười chỉ trỏ, có những nụ hoa tím nở rạng tươi trên mặt đường, có mùi hương thơm nhẹ nhàng những buổi sáng mở cửa... Có, có hết. Với cây khế đó, có cả tuổi thơ ấu và tuổi lớn khôn của Khuyên, có cả đám gái trai lớp này lớp kia dọc phố tìm lên chơi, thế nhưng ở 3 năm sau khi cây khế bị xô gãy,

Khuyên đã quên hẳn mất nó, trong lúc chưa bao giờ biết đến, thấy đến ngoài những lời nhắc kể cả anh Thục, chị Nhi lại vẫn còn nhớ. 3 năm cây khế không còn, 4 năm anh Thục chết, và bây giờ chị Nhi đang theo tri nhớ, son sẽ tìm đến nhìn quanh ngơ ngẩn hỏi. Rồi đề sáng mai, sau khi chuyển xe đồ thứ nhất mang chị rời bến quận lý, tất cả còn gì nữa không ? Phần cuối của mùa hè chưa hết, nhịp ngày tháng trầm lắng buồn bã, Khuyên một mình ở đây. Đây là vùng phố quê quán của anh Thục, nơi chị Nhi đúng lối tìm về.

18 tuổi, Khuyên có 18 năm ở đây. Anh Thục, người anh cả, nếu còn sống năm nay hẳn đã 28 tuổi. Anh ấy được ra đời khi mẹ vừa về với cha, trước ngày cha theo súng đạn lần khuất vào các bưng biển chống Pháp, thất lạc qua các tù ngục, những đợt kích xung phong, những chiến khu biên khu để đến mãi hơn 5 năm sau mới trở lại. Thua anh Thục 6 tuổi, đứa thứ hai ra đời, một đứa con gái, chị của Khuyên và chị ấy đã mất sớm khi Khuyên còn trong bụng mẹ ; rồi Khuyên ra đời, tiếp theo hai đứa trai nữa. Cuộc kháng chiến chống Pháp dứt, với mấy đứa con và hàng trăm thứ vết thương thắng bại mờ mịt, người cha buông bỏ vũ khí về cúi xuống giữa đồng sách vở, trùn chần run rẩy qua những cơn bệnh kinh niên, càng lúc càng già nua xanh xao dần cho tới ngày mất luôn. Người mẹ còn lại tần tảo nuôi con, dựng nhà mới, trồng thêm cây trong vườn, chăm sóc cho bốn đứa con đến trường như ước nguyện cuối cùng của người cha. Và bốn đứa con, hết thời tuổi nhỏ ríu rít vui chơi, lớn lên, đứa thứ nhất, anh Thục, chẳng rõ bởi một nguyên do nào khiến anh càng ngày càng như một kẻ lạ. Tách dần khỏi khí hậu gia đình, tránh hết những bạn bè vui chơi cũ trong phố, quanh năm anh thường ở miết trên tỉnh, lâu lâu ôm xách gói về nhà một lần, và về nhà : hoặc cắm đầu vào đồng sách vở của anh mới mua cũng như của ông cha để lại, hoặc một mình đi sâu vào các ngọn đồi thông xa về mạn đầu sông. Sự kiện đó đã làm buồn lòng nhiều người, nhất là mẹ, cùng lúc tạo ra một khoảng cách trống nhạt đối với Khuyên, hai đứa em và tất cả đám bạn bè cùng tuổi với anh. Bọn Pháp đi, bọn Mỹ xi xô đến, chiến tranh chìm ngụp một thời gian rồi lại bùng trở dậy, mức độ khủng khiếp mỗi lúc một

tăng lên. Đi về thất thường, nhận những món tiền của mẹ cho ngày càng thưa thớt và ít hơn, thời gian xa nhà ngày càng lan rộng đến đôi có mùa hè anh Thục cũng không về lại nữa. Rồi sang mùa nhập học, hết tết, thay vì anh về lại có hai tên công an dấu súng lục lẻ kẻ bên hông tới đe dọa mẹ, bắt khai hết những chi tiết này nọ về anh, lục xem những sách vở anh đọc. Hết hai tên này đến vài ba tên kia, quanh quẩn lặp mãi những tra tìm cũ và rất nhiều người trong phố bắt đầu thì thầm nhắc nhở anh Thục : nó có hoạt động cho bên kia, nó tham gia đoàn thể tranh đấu chống chính phủ... Trọ học khác thành phố anh Thục ở, mỗi lần thứ bảy, chúa nhật Khuyên về nhà được một hai hôm rồi lại đi, lúc ấy cũng như mãi đến bây giờ, Khuyên vẫn không biết gì về đời sống của anh mình ngoài những lời thì thầm của đám dân dọc phố đó cả. Không những không biết mà càng ngày càng cảm thấy xa lạ thêm, sợ sệt khi nghe ai nhắc đến tên anh, oán trách anh đã làm khổ mẹ, phản bội cơm áo mẹ và mong ước cha nữa là khác. Rồi bằng một thời, gần năm sau gia đình nhận được lá thư của anh, vốn vẹn chỉ mấy giòng chữ thật ngắn, báo tin đã vào lính.

Chiến tranh leo thang. Đồn bảo an giữ cầu ở đầu quận lý đông lính thêm, giây kẽm gai rào rộng thêm. Lính dân vệ đông thêm. Tàu lửa thôi chạy, cầu sắt gãy, quân giải phóng từ bên kia thiết lộ bắt loa kêu về phố. Những tiểu đoàn lính Việt, Mỹ, Đại Hàn rần rện hung hãn hành quân đồ ngang qua phố, những đợt biểu tình xuống đường lên đường hết nơi này đến nơi kia. Lớp thanh niên cùng trong lứa với anh Thục vắng dần hết, nhiều người chết mất xác dọc mặt trận, xa đâu tận bên Miên bên Lào, nhiều người quê cụt lẻ lết về được vài hôm rồi lại lạng lẽ đi ; đám con gái lấy chồng lính khuất dọc các đô thị mật mù không ai trở lại. Còn anh Thục, ngoài lá thư gửi báo tin vào lính, thêm hai lá nữa, cũng vốn vẹn chỉ mấy giòng như thế, rồi mất biệt luôn cả mấy năm dài. Gia đình, dân trong phố, những bạn bè cũ của anh ấy, không một ai biết đích xác anh ấy hiện đang ở đâu cả. Mấy năm lạng lẽ qua như thế, cho đến ngày anh bị tử trận, xác được bọc hòm kèm đề lính mang trả về. Ngày sắp tàn mùa thu, lúc các trường trung học lớn nhỏ đồng loạt khai giảng, giai

đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh, lúc Khuyên 14 tuổi, vừa lên lớp đệ tứ, mới rời khỏi quận lý để nhập học, xác anh được chôn về, nàng trở lại quá muộn sau lễ an táng. Mấy người linh răn rên theo xe chở xác về, lăm lăm tới lui, buồn bã kể chuyện anh và lên xe đi lại ngay khi chiếc quan tài nằm yên dưới lòng huyết, lễ an táng xong, mẹ nhận xong tiền tử tuất, Khuyên lần khăn ở nán lại nhà thêm gần một tháng nữa mới lên trường. Ba đưa con tiếp tục học hành, người mẹ tiếp tục mua bán, sinh hoạt cũ dần nổi lại, vườn cây trái quanh nhà lặng lẽ ra hoa thay lá với mùa màng. Và, lặng lẽ, rã rời, cuộc chiến tranh đã leo thang khủng khiếp, cũng dần dần lắng xuống, trôi qua.

Những chiếc xe hàng mỗi ngày từ quận lý lên về thành phố, 3 chị em mỗi tuần theo xe lên lên về về, lên những lớp học mới, quen thân thêm với những bạn bè mới, cắm đầu vào sách vở những mùa thi. Bị hỏng tú tài phần hai một năm, năm nay, cùng lần với đứa em trai lớn, Khuyên đã đỗ, đang sửa soạn bước chân vào ngưỡng cửa đại học. Kỳ thi có kết quả xong, bao nhiêu sách vở cũ được Khuyên gấp lại, cất hết vào tủ, như một dứt khoát cho đoạn đường mới đi hết để mặc lòng trải ra bằng khuân còn nóng với đoạn đường mới thành thang đăng trước. Những ngày tháng cuối mùa hè đang còn, chân Khuyên chưa kịp dẫm lên ngưỡng cửa mở thành thang đăng trước, chị Nhi đến.

Khoảng trán phẳng phiu, khuôn mặt thon thon giữa mái tóc dài rối lòa xòa, đôi mắt quầng thâm sáng đen, nụ cười rười rượi thường trực trên môi, áo quần cắt may đúng mốt mới nhất, cái xác nhỏ chứa ít vật dụng vật vãnh cần thiết, cái ví da, đôi giày, đôi dép, mấy tờ tạp chí mới ra bữa đầu tháng. Tất cả chỉ ngần đó. Hình như thế, phải không. Chỉ ngần đó hành lý và đầu từ những cảnh đời chen chúc xa xôi, chị Nhi đã tách ra, lẻ loi tìm đến đây lang thang trong khu phố của tuổi thơ một người đã chết. Thế đó, ai làm sao có thể biết được những gì.

Buổi trưa, cách đây 7 hôm, bữa cơm xong, những cánh cửa khép lại, cả gia đình đang lắng sâu vào cái mệt mỏi biếng nhác chung của quận lý. Mẹ ngủ. Hai đứa em trai tìm hai bộ bàn kê hóng gió sông dưới mái hiên sau, Khuyên nằm đọc sách đợi giấc ngủ ở chiếc đi vắng kê sát cánh cửa lớn phòng ngoài khép hờ.

Mắt dõi theo những giòng chữ in, cơn buồn ngủ thì thăm thẳm mừng lên, Khuyên không nghe thấy tiếng chân đi gần lại, cho đến khi tiếng gõ cửa khua lên, nàng bật ngồi dậy bước ra đây cửa. Ánh sáng hắt tràn chói mắt, Khuyên ngừng sững trước khuôn mặt một người con gái lạ. Người con gái làm dấu cười chào, hỏi ngay:

— Đây có phải là nhà cô Khuyên không?

— Dạ vâng...

— Cô là Khuyên?

— Dạ.

— Còn chị là Nhi, bạn của anh Thục ngày trước.

— Anh Thục...

— Vâng, anh Thục chết rồi. Chị biết. Chị về thăm. Mẹ và hai chú kia có ở nhà đó chứ.

Sự ngỡ ngàng thảng thốt khiến Khuyên không biết nói gì nữa, nàng mỉm cười, mở rộng cánh cửa thêm một chút, nghiêng người tránh lối cho chị Nhi. Và, dáng tự nhiên như với một nơi quá đỗi thân thuộc, chị Nhi cầm xác bước vào, đặt xác xuống chân tường, đến gương soi vuốt lại tóc, lơ đãng nhìn quanh; đôi mắt ngừng lại với khung ảnh anh Thục dựng sau giờ hoa nhỏ trên tường: ảnh anh ấy chụp thời còn học trò, phải không?

Ngần đó hành lý, ngần đó lời hỏi chào, chị Nhi nhập hẳn vào không khí gia đình luôn. Cả mẹ, Khuyên và 2 đứa em trai, tựa hồ chẳng ai để tâm cho một chút nghi ngờ lo lắng về sự xuất hiện của chị. Chị là bạn gái của anh Thục, đã sống với anh Thục. anh Thục đã chết và bây giờ chị tìm thăm. Thế thôi, không thể nào nghĩ khác được nữa. Mẹ, nhất là mẹ, Khuyên và 2 đứa em trai chỉ biết một phần của tuổi thơ và tuổi mới lớn anh, qua cái dáng lăm lăm về thăm, qua những tra hỏi của bọn công an mặt vụ tỉnh, những lời kể của đám bạn anh; còn chị, chị quen biết hết với tất cả những kiến trúc những bày biện quanh tuổi thơ và tuổi mới lớn của anh; thuộc hết những tính xấu tính tốt của anh, đã sống chung đụng với anh hơn một năm trời. Và, cả mẹ, chị Nhi, Khuyên, hai đứa em trai: chẳng ai rõ vì sao anh trở nên lăm lăm như vậy, anh đã sống thế nào suốt quãng thời gian từ khi rời bỏ gia đình đến khi gặp gỡ chị Nhi.

Tuổi thơ và tuổi lớn khôn của anh, mẹ và Khuyên không

cần kể chị Nhi cũng đã biết ; và mẹ, Khuyên, hai đứa em trai chăm chú ngồi nghe chị kể về thời anh chung đụng với chị, lúc tất cả mọi người ở đây chẳng ai rõ anh sống chết nơi nào sau 3 lá thư gầy gòn không ghi địa chỉ người gởi.

Anh và chị, chị Nhi xưng thế với Khuyên và 2 đứa em ; mỉm cười quay qua với mẹ : bốn con, con và anh ấy, chúng con. Đôi mắt mẹ rung rung mở lớn, Khuyên và 2 đứa em lặng yên ngồi nhìn chị. Anh và chị. Anh, chị và một căn nhà nhỏ khuất có những khung cửa sơn xanh sậm, mái có giầy leo che kín, giữa khu vườn nhiều cây bên hông thị trấn miền núi gần rừng già. Thị trấn mới, đường phố rộng còn đầy những gốc cây rừng hoang vu được dân khai phá chừa lại thay cho cây trồng, đá tảng từng khối từng cụm dựng lên chênh vênh quanh các góc phố với vách trắng rờ, các bao lơn ngó quanh 4 hướng núi non điệp trùng. Khí hậu suốt năm gai lạnh, những sáng mai sương tan muộn, những buổi chiều nắng ấm vàng như ánh trăng, những đêm khuya trăng mênh mông bạc mờ, những cơn mưa xối xả, những trưa sương, những cơn bão rớt từ miệt biển kéo lại. Ở đó, anh có bộ áo quần trận bản thiu và cái trại lính chẳng chịt mịn bầy cạnh chân một ngọn đồi cao. Áp lực quân sự nặng, những mặt trận lớn nhỏ triền miên mở quanh trị trấn, trực thăng bay thành từng bầy, bom đạn khua nổ âm âm, những toán lính về mặt trận và uống rượu say quàng vai nhau đi nghêu ngao hát ca phá phách dọc phố, những cây trọng pháo từ phố bắn mãi vào rừng. Có anh mặc áo quần trận đội nón rừng đi trong bọn lính nghêu ngao đó. Và chị, ở đó chị có một căn phòng nhỏ trong căn nhà khuất giữa vườn cây già, gần ngôi trường chị dạy học. Chị có đám học trò nhỏ, có lòng lang thang mơ mộng một mình đầu thời con gái, có nhà cửa mẹ cha và thành phố nắng lóa đầy bạn bè mà chị không muốn về, có những bữa ăn nấu nướng lẻ loi, có những khuya khoắt vòng tay đứng lại giữa vườn cây nghe tiếng đàn của một người đàn ông tạt nguyên ở cuối vườn vọng lại. Rồi anh gặp chị. Tình yêu, sự ấm áp của thịt da nhau đã dắt anh rời bỏ đám lính say rượu ca hát nghêu ngao đó để tìm về cuốn chăn gối thu mình lại hút thuốc nhìn chị làm thức ăn và đã níu chị bỏ thói quen lang thang mơ mộng cũ để mãi lo lắng chăm sóc cho anh. Anh thu những đoàn quân rải

tung xuống các mặt trận xa gần, chị buồn bã dạy học, chờ đợi, quanh quẩn tới lui. Mặt trận dứt, anh về. Những bữa cơm do tay chị làm, những món ăn anh thích, những bữa ăn chung ở quán, những quán café khuya khoắt hai người trẻ nải ngồi lại với những khúc hát phiến muộn lê thê, những khúc nhạc vui nhịp anh thường huyết sáo, những thói quen anh không bỏ được đã phải làm chị nổi giận bao nhiêu lần, những câu chuyện anh kể mãi về khu phố này, căn nhà này. Anh kể cho chị nghe, kể lui kể tới, kể với giọng nức nở và đôi mắt bằng khoáng xa vắng. Anh đã bỏ khu phố, bỏ mẹ bỏ em, bỏ tất cả để ra đi, bằng khoáng nhắc kể, quay quắt nhớ, nhưng vẫn không về. Chị thắc mắc hỏi tại sao vậy. Anh lắc đầu thở dài : về làm gì. Về thăm chẳng hạn, chị nói. Vẫn cái lắc đầu, giọng không đổi, anh cười : thăm làm gì. Hết. Hầu như bao giờ câu chuyện cũng được kết thúc như thế.

Hơn một năm hai người chung đụng chị vẫn còn son sè, vẫn không biết vì sao anh nhớ nhung quê cũ nhưng lại không buồn về, và với bao nhiêu lời lan man nhắc kể mãi về vùng quê cũ đó, với lòng yêu thương, hồ như chị có thể thấy suốt được cả những cảnh trí của tuổi thơ và tuổi khôn lớn của anh. Chị thấy đáng người cha cao ốm xanh xao hay mặt cái áo lam xám cúi đầu xuống trên những trang sách dày chữ mở rộng, người cha trong cơn bệnh cuối cùng, đám tang giản dị có anh mặc áo sô không khóc lóc ; người mẹ cần mẫn, già nua ; ngôi mộ người cha cạnh ngôi mộ đứa em gái kể anh đã non yếu thời mới lên 3 ; đứa em gái tên Khuyên mà anh rất thương yêu và hai đứa em sau cùng ít nghịch ngợm. Chị thấy căn nhà trên lưng dốc ngọn đồi thấp cuối phố và khu phố quận già hàng trăm năm, im xanh giữa cây cối của miền cận sơn, dài tấp bên bờ sông chênh cao, quay lưng ra mặt sông nước chảy xiết đập trắng lên lưng những tảng đá lớn, thấy những đêm khuya nước dâng cao và những sáng mai nước tràn bạc cả cánh đồng quanh móng bên kia khu phố, thấy khu phố nằm run nhẹ nhẹ theo tiếng bom gầm trong núi xa vọng lại, thấy cây cầu sắt, con đường nhựa, đường tàu, những đoàn xe nhà binh của Pháp mũi trùn kín nối đuôi nhau liên tu qua về, những chuyến tàu suốt tàu chợ mỗi ngày thúc còi ghé lại ga với tiếng reo hò sung sướng của đám nhỏ, những người bị bịt mắt

dẫn ngang qua phố, ánh đèn điện sáng dưới gầm cầu sắt và ánh đèn dầu lửa hắt soi lên mặt mũi lông lá của bọn lính viễn chinh Pháp ngồi uống rượu gỗ bàn ca hát ê a, mấy đứa con gái bán hàng bung rượu mời cười ròn tan; thấy những bìa mộ rêu phong dưới gốc cây thông già khuất sau các ngọn đồi xa; thấy những cảnh hoa anh lang thang đứng lại ngắt hái một mình, những giòng suối nhỏ quanh quanh nổi nhau hướng chảy ra sông... Tất cả vẫn còn miên man sinh động với giọng nhắc kể đầy nỗi nhớ và đã bị xếp hẳn về phía bên kia lằn ranh, không rõ đường nét, không một lần nào anh nói đến: ngày anh trưởng thành, ra đi. Vàng, thế đó. Anh nói mãi về những cảnh trí của tuổi thơ nhưng vẫn không nói vì sao anh dứt bỏ nó để đi, đi đến đâu, qua những nơi chốn nào, gần gũi với ai, vui buồn ra sao, đời sống đồn trại ra sao. Anh không nói, chị không biết gì cả; nhưng hơn một năm bên nhau, dù có hờ hững đến đâu đi nữa, với khả năng trực giác và tình yêu chị cũng biết một cách không rõ rệt rằng hình như bên ngoài vùng quận lỵ đó anh đã gặp phải rất nhiều thua lỗ cùng khổn trước khi đến thu người lại giữa sự chăm sóc dịu dàng của chị; và dọc những mặt trận mịt mù bên ngoài thị trấn lạnh giá có chị, mỗi lần anh đeo súng ra đi, trở về lại ngồi kể nhắc tuổi thơ của mình, giọng kể càng thiết tha nhưng nhớ bao nhiêu tức anh vừa đối mặt với những đòn đau đớn điên cuồng bấy nhiêu. Hẳn thế. Thay vì uống rượu say như nín vai đám lính cùng đường đi nghêu ngao dọc phố, anh đã thi thắm, kể nhắc tuổi thơ của mình cho chị nghe. Và chị nghe, biết thế, thỉnh thoảng chị hỏi thêm vài câu ngắn để các mẫu chuyện thêm dài ra, chị uống hết từng lời anh, trầm hẳn cả trí tưởng vào khi hậu các mẫu chuyện đó, mơ tưởng tới và có lúc chợt ngỡ ngàng thấy hồ như mình đã có ở đó, đã chung thời trẻ nhỏ bên anh.

Anh đi đi về về, chị dạy học, đợi chờ, hân hoan mừng đón nhau. Mỗi tháng hai món lương độc thân được góp lại cho các chi phí chung, hình như không có một khoản nào được để dành và cũng không ai đề cập đến giấy tờ cho sự sống chung như tất cả mọi cặp vợ chồng khác hết. Khuyến không hiểu, nàng hỏi; chị Nhì cười: sao em rắc rối vậy, ngần đó chưa đủ à.

Ngần đó: những chuyến đi của anh, những ngày anh về. Những lời nhắc kể, nỗi đợi chờ của chị, chị lơ đãng giữa đám học trò, chị rung rung nằm nghe tiếng đạn mìn từ rừng già chuyển về chuyển rung lòng đất, chị ứa nước mắt theo các khúc nhạc người đàn ông tạt nguyên đánh đàn mỗi đêm, khóc mừng ồm ồm lấy anh, khóc giận những thói quen kỳ cục của anh mà chị đã bảo anh bỏ hoài nhưng anh vẫn khất hẹn khỏi hải để lấy lòng. Chị khóc, anh cười đồ dánh, có lúc lại lặng lẽ ngồi nhìn chị khóc, lặng lẽ bỏ đi, sửa soạn ba lô súng đạn lên lại theo trục thẳng ra trận luôn. Bao nhiêu lần như vậy. Rồi đến lần cuối cùng, anh lặng lẽ bỏ đi khi chị còn lơ lơi nằm khóc; chị khóc cho đến khi thiếp ngủ một giấc ngắn, trở dậy kêu tìm không thấy anh, với sự giận dữ chị bỏ dậy ôm xách gói về thăm nhà ở thành phố lớn nắng lóa cách thị trấn gai lạnh suốt năm đó chưa tới 200 cây số; và anh, ra trận, nhảy khỏi trục thẳng, thăm mù với đất đá rừng ngàn luôn, không còn ngày nào tươi cười quay lại nữa. Bốn hôm sau, lòng nôn nóng quay quắt đất chị trở lên. Mở lại cánh cửa còn nguyên dấu khóa khi đi, ngồi xuống chần chiếu nhàu nát, chị thờ thần, tới lui và đứng lại bật khóc với niềm tin một người lính quen anh đem đến: ông ấy mất rồi. Cách 4 hôm trước anh đã chết, cách một ngày trước khi chị lên, xác anh đã được đơn vị đưa lên phi cơ vận tải mang trả về xứ theo địa chỉ cấp báo anh khai trong tờ lý lịch cá nhân và cách đó 2 hôm, sau ngày lên, chị thu dọn hành lý vào va ly, trả nhà cho chủ, trả đám học trò cho trường, không giả từ ai cả, trở về nhà luôn. Tất cả đã hết, đã xong. Món tiền vừ của anh được đơn vị gửi cho mẹ như họ đã gửi cho tất cả những người mẹ của những đứa con trai độc thân khác. Còn chị trong thành phố lớn đầy nắng lóa khói bụi, bỏ quên thời dạy học, chị về học tiếp, ở với mẹ cha.

Gần 4 năm. Trên lưng ngọn đồi đầu quận lỵ này, giữa những ngôi mộ mới cũ, màu xi măng đắp mộ anh Thục đã ngã rêu phong, hoa mười giờ, trồng quanh mộ càng lúc càng xanh tốt, tấm bia cẩm cẩm hương nhìn mãi lên mạn đầu sông xa. Cuộc chiến tranh đã qua. Cầu sắt còn gãy úp xuống nước, sườn sắt rét hư tàu chưa kịp thay lại, hoa mười giờ nở mỗi trưa, chuông nhà thờ âm âm đồ

chiều mỗi sáng. Mùa hè sắp hết, không hẹn hò nào cả, không ai ngờ tới được, từ thành phố lớn chung chúc khởi bụi đỏ chị một mình tìm đến đây, ngờ ngẩn nhắc hỏi lại những bày biện đã mất dấu, quanh quanh kể lại chuyện, từng thân cây từng bờ tường thời xưa anh Thục đã ghi vết tích. Như một cơn gió lạc mùa thổi lại một kẻ mộng du đi lang thang giữa giấc ngủ bao la vẫy vẫy, một người băng quơ tình cờ về thăm, lại tiền kiếp mình. Tất cả cảnh trí của kiếp trước còn đó, trước đôi mắt sỏi tím; mờ mờ nhớ, mờ mờ quên : *hình như lúc ấy, có lẽ, chị nhớ rằng, à không phải, em cũng nhớ, phải không...* Chị nhớ, chị kể, chị hỏi, nhắc cho Khuyên nhớ theo. Và Khuyên, nàng nghe từng tiếng chị, đắm đắm nhìn vào đôi mắt khô vắng, vàng trán phảng phiu của chị, nghe gai ốc từng lúc thoảng gợn lên khắp da thịt mình, chuyển sang cơn buồn khóc, cơn choáng ngợp xa xăm trong suốt cả mấy ngày tuần này.

Chị Nhi kể nhắc. Khuyên nghe, nhớ. Nhớ hết. Có lúc nào theo những lời kể nhắc đó, với cơn buồn khóc, sự choáng ngợp, tất cả bao nhiêu bày biện chợt vẳng lên, chung lại trong một kết hợp ngăn ngắt hoang vắng mà hồ như Khuyên chưa bao giờ biết tới; và nơi đó, nắng vàng mãi trên những mái nhà nghiêng nghiêng, bóng cây nhòai che im nửa mặt đường dọc lối phố không người, anh Thục trẻ nhỏ tay nhét trong túi quần vừa huýt sáo miệng vừa chậm chậm bước đi. Phải không, chị nhớ... Anh Thục đi mãi, đi cho đến ngày gặp chị, mặc áo quần trần rũ chị ngồi lại thật trẻ trong quán café của một thị trấn miền núi khuya khoắt trắng xóa sương mù. Không có hình ảnh ngày anh bỏ nhà rồi đi đâu, ra sao, cũng như không có một hình ảnh nào về tuổi nhỏ chị, chị làm gì trước khi lên dạy học tại miền núi đó, chị làm gì sau khi anh mất, làm gì suốt cả gần 4 năm nay, sẽ làm gì ra sao trong ngày mai mốt rời khỏi nơi đây. Suốt tuần, thỉnh thoảng, bởi bị cật vấn hay bởi một lý do nào đó, chị cũng nói đến đời mình nhưng lại mờ mịt, nguội lạnh quá; Khuyên nghe, không thể hình dung ra gì được cả.

Ngày buổi đầu tiên chị Nhi mới đến, đợi trời nắng dịu, cả gia đình khóa cửa nhà dắt nhau lên thẳng mộ anh Thục. Khi ngồi đốt nhang vờ vờ chuyện trò ở mộ, mẹ bảo lúc xác anh Thục về mẹ có nghe một người linh xưng là bạn thân của anh

y có nói cho mẹ nghe đời sống của anh, có nhắc đến chị và mẹ có ý đợi chị ra thăm hoặc nhờ người tìm xem thử chị ở đâu — bởi y cũng kể khi anh chết, y lại tìm, căn nhà đã không còn chị — nhưng lâu quá đợi hoài không thấy, bận bịu hàng trăm việc nên mẹ cũng quên luôn. Mấy buổi chiều hôm sau mẹ tiếp tục ra chợ lo việc chuyển hàng, trở lên nấu bữa tối; hai đứa con trai thay phiên nhau theo. Khuyên và chị Nhi lên thăm mộ; đến hôm qua, hôm nay, chỉ còn hai chị em: Khuyên muốn vậy, nàng không cho một đứa nào đi theo hết.

Ra khỏi ngõ xuôi dài, xuống dốc, đi sâu vào phố, sánh vai nhau chuyện trò qua những bóng cây trước các mái phố, hướng lên mạn đầu quận lỵ, qua thiết lộ, qua nhà thờ, lên nghĩa trang. Ngồi mộ của anh Thục nằm tít gần cuối nghĩa trang. Ở đó, buổi chiều hôm qua, chẳng biết sao cả hai chị em cùng ngồi nín thở, mắt mỗi người nhìn ra một hướng mong lung, mặc cho gió lộng từng lúc tạt tóc bay trùm che cả mặt mũi.

Chiều nay, vừa đến giữa lưng phố, nhìn vào quán café ông Tàu già chị Nhi kêu Khuyên.

— Vào đây ngồi nghỉ.

Khuyên cười :

— Thế không phải chị hẹn với bọn nhỏ đợi tối ăn cơm xong rồi ra ngồi à.

— Ờ nhỉ. Nhưng tối rồi ngồi nữa, có sao đâu.

— Không sao, nhưng sợ lên mộ chiều quá, có muộn lắm không ?

— Thôi đừng lên mộ nữa.

Khuyên không hiểu :

— Sao vậy, chị ?

Chị Nhi lắc đầu, bước đi.

— Sao đâu. Chiều nay đi quanh chơi một vòng dưới này rồi về cũng được, đừng lên trên đó nữa.

Trên đó, nắng nghiêng chiều như bao nhiêu buổi chiều đang soi xuống những nụ hoa mười giờ úa rũ, bằng xi-măng khum khum xám đục, tấm bia ghi tên họ ngó hoài lên hương non xa, nơi chiều nay chị Nhi không đến nữa và có phải từ chiều nay cho đến nghìn triệu năm sau chị cũng không bao giờ đến nữa,

không bao giờ còn ngắt những cành hoa bầm ứa đỏ, không bao giờ còn ngồi nghe hơi nắng ấm sâu trong khối xi măng. Chiều nay, đi quanh một vòng dưới này rồi về cũng được. Quanh quanh với quán xá giữa nắng tàn ngày cuối cùng đề sáng mai rồi bỏ. Vì sao vậy. Bởi chị đã nghĩ ngợi gì đó khi mặc áo dài đứng ngoài cửa, đã quyết định sẵn từ hôm qua hay vừa chợt nhớ tới một người nào. Chị, ngày mai rồi bỏ đây rồi đi đâu, về với ai. Bất giác Khuyên muốn hỏi thế nhưng khi quay nhìn, bắt gặp chị cũng vừa nhìn mình với nụ cười rười rượi thường trực. Khuyên mỉm cười đáp lại cúi xuống, nước mắt rung ứa doanh trông, nàng lặng lẽ bước đi.

Khóc, chẳng biết sao nữa. Hẳn không phải bởi nghĩ đến sự tủi thân của người anh, kẻ đã chết — nàng biết thế, mà bởi một điều khác, của cả người chết lẫn người sống: sự mịt mù của trần gian, cảm lạnh khốc, nhắm mắt lại với cơn ngộp choáng, nghe tất cả chung quanh đang thăm thẳm trôi.

Kỳ thi xong, cái kết quả của hai chị em làm vui lòng mẹ, cùng lúc xôn xao bùng động trong Khuyên bao nhiêu nỗi, Khuyên sẽ dầm chân lên ngưỡng cửa đại học, sẽ đi sâu vào thế giới đại học, nàng sẽ có mặt giữa những thư viện u ám kinh sách, những giảng đường vang vang tiếng giáo sư, những ghế bàn, những bệ bạm trang nghiêm, nàng sẽ say sưa thu nhận bao nhiêu kinh nghiệm của cả hàng chục nền văn hóa từ ngàn xưa tới bây giờ trên trái đất đóng góp lại và khi bước ra khỏi đó, tốt nghiệp đại học xong, dù có phải sinh nhai với một nghề thấp kém thế nào đi nữa nàng cũng sẽ không sợ thua sút ai hết, Khuyên nôn nao tin tưởng, đợi cho mùa hè mau qua để nàng mau bước tới nơi ước muốn. Và, mùa hè chưa qua kịp, chị Nhi đến. Ngưỡng cửa đại học mở trông đến thư viện, giảng đường, kinh sách; và chị Nhi, từ xa xói ngăn ngắt chị tìm đến đây, giọng nói đều đều suốt những lời nhắc nhở, không khóc lóc, chị là một cánh cửa khác vừa tình cờ mở ra đứng trước Khuyên. Mở ra, thật dịu dàng, trông sâu vào đời, sống, sự sống. Có những đường chân trời thênh thang với vợi, có mây sương nghìn năm trắng lạnh vây che những đỉnh núi già, có những sa mạc nắng búa, có đá tảng dựng đứng chênh vênh, có tình yêu, có nước mắt của loài thú man dã khóc khi xa nhau, có

lãng quên xanh với những tàng cây, có lời hẹn hò bát ngát, tiếng kêu từ kiếp khác vọng về cho người trong kiếp này nghe, có tiếng kêu thất thanh sát vào tai nhau nhưng không ai nghe được cả ngoài người kêu, có hương nồng của da thịt, ôm mừng đón nhau về và hoa mười giờ nở tươi, tàn rũ mỗi ngày quanh chân bia nhỏ... Có hết. Có những khúc hát mà Khuyên nghe đến đôi thuộc nằm lòng, có thể buồn miệng hát luôn cả bài nhưng vẫn chưa hề chú ý đến một lời hát một nốt nhạc. Có bao nhiêu thơ văn, bao nhiêu tình sử nàng đã đọc, đã nghe, bao nhiêu tác chiến tranh trong sách vở hoặc trên màn ảnh, bao nhiêu vách tường đọc phổ, bao nhiêu núi đồi. Theo chị Nhi, cánh cửa tình dịu dàng bật mở, tất cả đang xuất hiện và Khuyên đắm đắm tìm tới: mỗi một sự kiện một vật thể là một nẻo không cùng, trông rõ được mặt mày nào hết. Như cây khế đã mất dấu, anh Thục đã chết 4 năm trước, như chị Nhi đang theo trí tìm đến lang thang trong quận lỵ này. Chị Nhi có nhan sắc, trẻ đẹp và tuổi trẻ, tại sao chị không vui với một đời khác. Tại sao năm ngoài năm kia chị không tìm đến. Tại sao chị không đợi gặp anh Thục rồi đến mà lại đến vào mùa này khi còn cách một tháng nữa, và lại không ở đợi, sẽ bỏ đi vào ngày mai. Có niềm nào hẳn sâu trong chị với khoảng thời gian này, từ 5 năm trước khi gặp anh? Tại sao chị lại gặp anh mà không gặp người khác, tại sao chị yêu anh? Có phải tình yêu và sự ghen ghét vẫn còn nồng đượm của anh Thục đã dắt lối chị đến đây... Tại sao. Những câu hỏi lan man không dứt, chắp nối vào nhau, mãi mãi ra, và Khuyên hỏi, không tự trả lời được cho mình, cũng chẳng biết đem hỏi ai, tất cả bằng bình chuyển động trôi quanh, Khuyên quanh quanh nhìn, trôi theo dòng sự vật lại: Có ngày nào tôi sẽ như chị Nhi, lẻ loi tìm đến hỏi nhẩn về những cảnh trí xưa của một người con trai mà bây giờ tôi chưa quen biết. Tại sao? Khuyên bơ vơ.

— Từ lúc anh mất tới giờ chị có khi nào trở lại thị trấn cũ không?

Chị Nhi nhìn Khuyên, cười gật đầu.

— Có, có một lần. Hai ngày.

— Hai ngày...

— Hai ngày, sau khi anh ấy chết đó.

Chị Hai nói khẽ, cười. Đầu óc chợt trống rỗng giữa gió, thoáng ngẩn đi, Khuyên lại hỏi :

— Thế mai mốt tới đây, khi vào chị có ghé lại đó không ?

— Không. Ghé lại làm gì.

Khuyên nhớ tới lời anh Thục. Anh Thục, trong chuyện kể của chị đã trả lời một câu tương tự như thế, về nơi này, nơi quay quắt nhớ nhưng không trở về, khi nghe chị hỏi : thăm làm gì. Ghé lại làm gì và về thăm làm gì. Hai câu trả lời dính điệp vào nhau. Hai giọng người. Hình như Khuyên muốn nói gì đó nhưng vừa nhìn sang chị Nhi chưa kịp nói, nàng quên bằng mất. Chị Nhi dừng lại, đứng lại, quay trở lại khu phố :

— À, ở đây có ai tên Hạ nhỉ ?

— Tên Hạ, gì Hạ chị ? Họ gì đàn ông hay đàn bà ?

— Chắc là đàn bà.

Khuyên nhún mày :

— Sao lại chắc là ?

— Vì chị cũng không biết nữa, nhưng chắc thế.

— Không biết sao lại nhưng chắc ?

— Bởi lúc đi có mấy lần chị nghe anh Thục nhắc đến.

— Nhắc thế nào, chị ?

— Không, cũng không phải nhắc nữa, anh ấy nói mê... *

Nói mê : đêm khuya nào nằm chia tay cho chị gối, hai người quấn gón giữa chiếu chăn, chị vẫn còn thao thức nghe tiếng gió lồng lộng tràn qua trên mái cao nghe hơi anh thở đều đều, và hơi thở đều đều say sưa đó chợt chuyển nhịp, anh tựa mình ú ớ gọi : Hạ, Hạ. Chỉ chừng ấy. Hai tiếng gọi tên điệp vào nhau, âm thanh thanh thoát, bất trắc, tắt ngấm. Chị thức anh dậy tra vấn, ban đầu là để cho đỡ sợ nhưng sau thấy anh lần lần nói đầu đầu hoài khiến chị bức mình giận dữ. Rồi thời gian tiếp theo, với sự chú ý của chị, nhìn vật mang tên Hạ càng lúc càng xuất hiện nhiều hơn ở anh. Trong những câu chuyện năm ba dấu vết thấp thoáng dọc phần đời không được kể, khuấy mờ trong các tập sách cũ, trong các cơn mê trở giấc năm kèn. Hạ. Gọn ghẽ hai mẫu tự, tên của một mùa, không giòng họ và chữ lót, không thêm một nét phác vẽ hình vóc nào, kèm theo bên cạnh cả.

— Hạ nào vậy nhỉ ?

— Đây không có người đàn bà nào tên đó sao ?

— Không.

Vâng, cả khu phố quận sau lưng hai chị em, cả vùng đất, mấy làng mạc sống gần quận lỵ cận sơn này, theo sự quen thuộc của Khuyên, không có một người đàn bà hay con gái nào tên hết. Và đám con trai, đàn ông, hình như cũng thế không ai tên Hạ hết. Hạ, Hạ. Cái tên được lặp tới lặp lui trong trí óc. Không lại dần, và Khuyên càng lúc càng thấy thân quen với nó hơn. Nàng nhận ra điều đó, cố xóa đi.

Khuyên đứng lại và chị Nhi ngừng theo.

— Gì vậy, Khuyên ?

Khuyên nhìn quanh, mỉm cười.

— Ờ, mình định đi đâu bây giờ đây chị ?

— Có định đi đâu nào, đã bảo đi vòng vòng chơi vậy mà.

— Vòng vòng, không đi dưới phố lại dắt nhau lên đây.

Tựa hồ mãi đến giờ chị Nhi mới chợt nhớ. Im lặng đứng một lúc, chị bảo khẽ.

— Thôi, đến đây rồi, lên thăm mộ cho luôn.

Đoạn đường dốc nghiêng nhòai cao chênh dần lên, mặt nhựa từ thời Pháp thuộc còn lại khô cũ giữa hai bờ cỏ cần úa. Hai chị em sánh vai nhau đi lên. Bên sau họ, phía cuối chân dốc, làng quán xá quận lỵ đang khép lại thành một khối vôi vàng úa ngất bên giòng sông càng rộng sáng lóa ; và đằng trước, đỉnh đồi thấp dần hiện ra, vùng nhà ga tàn phế, mái ngói đỏ nát, tường ch lở lói, dăm ba bụi cây rừng hoang dại thấp bồng, mấy cây bông và trắc bá đã mất hết dấu xén cắt chăm bón, khoảng sân m nhàm sỏi nâu, hai nẻo đường sắt sét hư dẫn đi về hai hướng vắng. Ít nhất cũng đã hơn 8 năm nay những con tàu suốt, tàu xe không còn qua lại nữa. Không biết bao giờ đường xuyên Việt lại được tái thiết. Ý nghĩ mập mờ với cơn buồn khóc. Như thói quen, Khuyên vừa đi vừa dõi mắt tìm những nụ hoa dại để hái mang lên mộ cho anh. Đi, bỏ chị Nhi đứng lại đợi, nàng len vào bụi bụi hái hoa mang ra, tiếp tục đi. Qua khỏi sân ga, hai chị em quặt xuống đoạn đường bọc quanh sau lưng đồi nhà thờ, tới giữa địa.

Bờ đất thoải thoải, cây cối thưa rời, những ngôi mộ chung

chung một hình vóc nín câm. Dăm ba tấm bia lớn, rải rác vài ba chiếc thánh giá đứng dang tay bất động, vài ba nấm đất sắp nhô chìm vào cỏ dại, vài ba tấm bia bằng gỗ chiết ra từ thùng đựng đạn đã phai bạc hết tên tuổi người. Cuộc chiến tranh tâm tối mênh mông đã qua. Những người chết đã chết, những người sống không buồn trở về. Anh Thục chết, đã về đây, trên lưng đồi đầu khu phố mà anh nuôi nhốt ngòi kẻ hoài cho chị nghe. Có những nấm mộ rêu xanh dưới gốc thông già trong chuyện kể ngày trước, và bây giờ, đang có thêm một nấm mộ đắp xi măng, hoa mười giờ bò lan kín mặt đất quanh chân chiếc bia ghi tên anh. Có một con bé Khuyên nhỏ bé trong chuyện kể của anh, và bây giờ, khi chị về tìm, đang gặp một cô Khuyên 18 tuổi, cao ngang đầu chị. Thêm một cuộc chiến tranh trong lịch sử nhân loại đã qua và còn bao nhiêu cuộc chiến tranh khác sắp sửa bùng dậy, để khủng khiếp leo thang, phá đổ hết mọi giá trị, rồi rời rã qua.

Khuyên cầm mấy chiếc hoa vừa hái được xuống trước tấm bia. Hai chị em ngồi xuống. Ngày mai chị Nhi đi, buổi chiều cuối cùng không nhang khói. Lâu lắm, chẳng ai nói năng gì cả. Chị Nhi tần mẩn ngắt mấy cánh hoa mười giờ và Khuyên nhìn xa, mặc cho đầu óc lênh láng hàng trăm nghìn hình ảnh thấp thoáng chập trộn vào nhau, những đợt gió từ rạn núi thổi về từng lúc kéo hất mái tóc trùm cả nửa khuôn mặt, mãi tới khi nghe tiếng chị Nhi gọi khẽ :

— Khuyên, Khuyên xem này.

Mấy ngón tay nhỏ bé của chị Nhi đang nắm chặt một khối sỏi, đưa lại cho Khuyên. Xem này. Không có gì cả. Những ngón tay trắng xanh không vòng nhẫn và khối sỏi đỏ nâu trần trụi như bao nhiêu khối sỏi khác của vùng đồi núi này. Khuyên không hiểu :

— Gì vậy chị ?

— Em không thấy gì à.

Khuyên lắc đầu :

— Không.

— Đây này.

Ngón tay trở chị Nhi gõ gõ vào lưng khối sỏi. Khuyên chăm chú nhìn. Trên màu đỏ nâu của khối sỏi có một miếng trắng ửng

Khuyên cổ nghiêng người tới để nhìn rõ hơn : miếng trắng của một cái vỏ hào, một cái vỏ hào đã gãy mất phần nửa.

— Cái vỏ hào, phải không.

Chị Nhi cười thành tiếng nhỏ :

— Đã đành, còn thấy gì nữa kia chứ.

— Gì nữa chị ?

— Thấy thời xưa nơi này là một vùng biển.

Khuyên ngơ ngác :

— Thời xưa, bao giờ ?

— Cách đây cả mấy trăm triệu năm rồi, ở nguyên đại trước.

Mấy trăm triệu năm. Khuyên nghe, nhìn đôi mắt chị Nhi, thoáng thấy mình như không hiểu gì cả và thì thầm lắc lư, con số vừa theo giọng nói đều đều của chị Nhi, đóng khò lại. Mấy trăm triệu năm trước, cả miền đất đai này là một vịnh biển. Trong một tập sách nào ở tủ sách anh Thục bỏ lại, mùa hè năm ngoái, Khuyên đã đọc thấy thế. Những giòng chữ đen cũ, màu giấy sách ngả úa, Khuyên đọc thấy, biết thế và không hình dung ra được gì cả ; và bây giờ tất cả đang mênh mang hiện ra với câu nói đều giọng của chị Nhi, sau phút Khuyên ngẩn ngơ lơ đãng : một mặt khơi xanh thẳm dưới nền trời, những giải mây thiên thu bay ngang qua, những đợt thủy triều lên xuống, những đợt sóng rượt đuổi nhau dọc bãi cát trắng dài, những dãi tràng và sò hến, không bóng người. Phải vậy không. Và biển khơi đã mất tích, cả hàng trăm, triệu năm đã qua, có ngọn gió nồng chất hơi muối và tiếng sóng nào còn trong chiếc vỏ hào trên tay chị Nhi chiều nay.

Chiều nay, dưới chỗ chị Nhi cầm cái vỏ hào ngồi nhìn để sáng mai đi không bao giờ quay lại nữa có những đốt xương trắng khô đang tan dần vào cát đất. Ngày mai, đoạn cuối của mùa hè chưa hết, tôi vẫn còn phải ở lại đây, nơi xưa kia, phía đầu cuộc chiến tranh, có một người con trai tên Thục. Không đứng Khuyên đứng lên, nhìn chị Nhi, ý nghĩ thoáng nhanh qua trí tưởng : giá hời này cứ ngồi lại dưới quán café ông tàu già.

nguy ngữ

(BL, tháng 12.1971)

Phan Cung Nghiệp

Một thói tôi quen

Mình hẹn tôi đi chơi vào chiều thứ hai. Tôi từ chối nói em bận dạy hai giờ sau. Nét mặt Minh thoáng chút thất vọng và buồn. Tôi nói thôi để tuần sau mình gặp lại. Minh chợt la lớn lên : Trời ơi, chịu sao nổi. Tôi bật cười phì. Chiếc miệng Minh méo sệch ; Thôi thứ hai em rán đến anh một tí rồi anh đưa em đi dạy luôn. Tôi khẽ gật đầu khi Minh chào ra về. Dáng Minh cao lêu nghêu khi Minh quay lưng bước ra cửa, tôi nhìn theo thoáng vui vu vơ và nỗi buồn không rõ rệt.

Buổi tối một giòng xe cộ đang đua chen ngoài đường. Nhìn qua một khoảng cây lá ngoài vườn rào, tôi chỉ trông chừng mờ mờ từng vệt đèn lướt ngang, chùng chập rồi mất. Ngồi ngả người trên chiếc ghế dựa mây đan, nhắm nghiền đôi mắt ; thử lắng nghe gió đêm trên vòm cây lá, thả tâm hồn chìm lắng rồi xa những tiếng động chương chán quen thuộc ngoài một hàng ngày. Những đêm ngồi im vắng dưới vòm trời đêm, trong vũng tối ngoài mái hiên ; ngửa mặt nhìn trời, thử từng hơi thở dài như đang hấp hối trong từng cơn đau quặn thắt. Tim lên cơn nhói buốt trong lòng cùng lúc với những í nghĩ không rõ rệt. Minh và những bóng mây đen lướt qua trong đầu nhấp nhô từng kỷ niệm.

Mình và ngày tháng. Tôi đôi lúc có lần cũng thử nghĩ nhớ xem mình gặp Minh nơi đâu và quen Minh lúc nào ; và cũng tự hỏi xem mình có yêu Minh chẳng (?). Tất cả đều là những câu hỏi đôi lúc mập mờ đôi lúc trở sống trong người như một thói thúc gáp bách. Tôi và nỗi buồn khôn nguôi. Nỗi buồn cô tịch đã nuôi tôi lớn khôn từ tấm bé. Tôi không rõ những nguyên nhân nào đã đưa tôi đến nỗi muộn phiền gần như vô có đó. Thành thử đối với mọi người tôi trở thành ít nói và lảm li... Minh nói với tôi là Minh yêu tôi ở chỗ đó ; Con gái mà nói nhiều thì trông xấu xí lắm. Tôi cười. Không biết Minh nói thật hay đùa. Nhưng tôi tin vậy. Đôi cánh chim vui của tình nở lớn đón rộng tôi vào đời, vào lòng biển khơi mong menh gió sóng.

Mỗi một điều thuốc lá. Thắp lên trong xó tối một ánh lửa nhỏ và khói bạt trong gió, như tâm hồn tôi trôi hút vào cõi xa xăm. Lửa và đêm. Gió và khói. Cõi nhân sinh bạt ngàn gió khói. Tôi bước vào đời bằng những bước nhẹ nhàng chông chênh, hay bước vào cuộc tình Minh đón mời bập bênh sóng nước. Đêm khôn cùng và rục rờ. Tôi giữa đêm lao đao sâu hút vào chốn hư vô. Những lần Minh đến. Những lần Minh về quen thuộc như một-thói-tôi-quen. Vóc dáng gầy, mái tóc dài lòa xòa. Minh lêu nghêu bên tôi những buổi đi chơi hai đứa, tôi bật cười với những câu nói đùa tự nhiên của Minh ; rồi sau về không hiểu tôi có trở lại thu mình trong vỏ ốc quạnh hiu không ? Những câu hỏi và những câu hỏi và những câu trả lời mơ hồ chao dao như khói nắng.

Đêm trầm lắng tiếng nói không rõ trong lòng. Một cơn gió lạnh, khẽ kéo cao cổ áo ; tôi ngồi co ro trong lòng ghế nhỏ thử từng khói thuốc nhẹ nhàng ấm áp. Nhìn ra ngoài hàng rào cổng, trong khóm cây lá xanh, giàn hoa giấy trên đầu ; mọi thứ đều lung lay với gió như chợt giốn đùa. Đường phố ngoài kia đang dừ dập xe cộ. Đêm và tiếng động. Thời gian và khoảnh khắc rỗng không. Tôi vô tình thấy rõ rằng mình chẳng yêu Minh như đôi lúc thầm nghĩ.

Tôi ngồi ngoài hàng hiên khá lâu. Lúc cảm thấy mình buồn ngủ muốn trở vào phòng thì Sanh và Hương đến. Tôi cười nhìn ra và thay đổi thế ngồi. Hương nói vu vơ vài câu rồi bỏ vào nhà với Phương. Sanh ngồi bên cạnh nói chuyện về Hương. Tôi hỏi

Minh còn ở dưới quán ? Sanh gạt đầu nói vâng, tôi đưa Hương về rồi trở lại quán với Minh ngay. Tôi cười nói Sanh nên coi chừng Hương « marh » bắt tử. Hình như Sanh còn nói gì đấy nhiều cho đến lúc đưa Hương trở về nhưng tôi chợt nhiên chẳng nghe được gì cả. Con chóng mặt thoáng qua, một nỗi buồn lạ ứ ngập dâng bất ngờ trong lòng. Tôi nhắm mắt lại. Có gió đêm xi xào ngoài tai. Tôi cần ngủ sớm đêm nay. Tôi muốn cuộc sống nhấp nhô ngoài cuộc đời tôi hãy trôi đi mau như sóng nước, tôi là người ngoại cuộc ngoài thú đơn côi. Có nhiều cuộc vui đi qua đời tôi nhưng tôi hờ hững đã để trôi đi rồi bỗng chợt nhìn ngoài theo tiếc nuối. Tôi không mang tâm trạng nào khác hơn nỗi mong muốn được nhìn rõ mặt thật lòng mình trong những lần nhận diện, đời thay. Từng buổi đi dạo trời qua đời với những giờ giấc mệt mỏi không hẳn vì miếng cơm áo nuôi thân. Những khuôn mặt học trò và niềm vui vu vơ làm lòng bớt chút giằng co. Kỷ niệm và dĩ vãng gần như lúc nào cũng sống bên tôi với nhiều hình ảnh thân yêu về một nơi để nhớ, quê hương tôi chấp chùng trong nỗi nhớ chất chiu từng kỷ niệm nhỏ. Bãi sông ghềnh đá vườn dừa nào yêu mến luôn luôn sống trong lòng tôi rục rờ từ ngày bắt đầu vào cuộc rời xa nơi sanh ra tôi ấy. Minh chính là gạch nối của những chuyến đi về thăm này mà không có tôi tham dự.

Đêm nằm lăn trên chần chiếu quanh mông. Phương nằm bên cạnh như không ghi rõ dấu cuộc hiện diện của Phương. Ánh đèn ngủ màu tím mờ trên đầu giường chìm sâu vào đêm khuya vắng. Phương đã ngủ thật dễ dàng bên cạnh, hơi thở đều hòa thoải mái. Không dựng lòng tôi chợt lên cơn bức rức chẳng yên. Hãy ngủ đi mầy. Chẳng có gì cho mầy phải thức suy nghĩ đêm nay. Hãy dễ dàng như giấc ngủ quên tạm bợ ngoài hàng hiên. Hãy ngủ như những chiu đón thân yêu. Đừng thắc mắc với những kỷ niệm còn con. Hãy vô tình như cơn gió ngoài khung cửa sổ. Niềm vui cũng phải được khép kín lại gọn gàng. Mầy nhớ ai ? Nhớ gì ? Minh hay những hình bóng của kỷ niệm hãy tẩy xóa kịp thời kéo đêm tắt mắt.

Nằm ôm chiếc gối ôm vào lòng, trần trờ trên nệm giường ấm êm ; mở lớn mắt nhìn quanh căn phòng chìm trong bóng tối

cảm thấy mình quá nhỏ bé trước bóng đen mênh mông; trong tiếng khuya rơi tịch tịch.

Dần dà tôi ngủ được một giấc thật tỉnh.

Tôi vừa mới khám phá ra một điều. Tình cảm của Minh xen lẫn giữa tôi có Diệu xa xôi. Thật tôi mới biết những chuyện trở về Bồng Sơn quê cũ của Minh không gì khác hơn là để gặp Diệu. Minh đối tôi bằng những nỗi tiếp trở về với những lời hò hẹn. Tôi được Minh hay tôi mất Minh thì cũng vậy, cuộc đời tôi cũng chẳng thay đổi bao nhiêu. Và cuối cùng tôi nhận ra rằng là mình cũng chẳng yêu Minh. Minh lãng đãng trong tôi như bóng chiều xa quen thuộc, đắm thắm tình người với nỗi bao dung. Những dấu vết của kỷ niệm quê cũ trong tôi mờ hồ hình như cũng nhòa xóa dần vào niềm lãng quên cõi lẽ. Có lẽ nên bớt gặp Minh thì hơn. Hãy bớt vài cử chỉ quen thuộc để nhắc nhở Minh với đời sống tình cảm tôi hiện tại. Đó là những điều liên hệ thuộc tình cảm riêng tư mà tôi cần phải dứt khoát. Tôi với bản tính ít nói gần như đến độ cảm li đôi lúc cũng làm Minh tỏ ý khó chịu. Nhưng những kỷ niệm nhỏ nhặt này liệu có thay đổi được đời tôi không nhỉ ? Ừ. Vâng. Tôi trông vấn đề này có vẻ lớn lao và to tát quá.

Buổi sáng thứ hai đi dạy, gõ từng tiếng guốc quen thuộc trên lối đi nhìn trông ra biển, tôi đi trong gió chớm lạnh lao xao. Ít nghĩ vương vãi những đám mây mù trên nền trời xám ngoặc hôm nay. Từng bước hăng nhẹ chóng chênh. Buổi dạy với những ánh mắt nhìn của học trò làm tôi nhẹ lòng đi đôi chút. Buổi chiều dành lỡ cái hẹn của Minh ; tôi nói điều này cho Phương nghe. Phương chẳng tỏ ý kiên gì chỉ phớt cười nhẹ, Phương nói trưa nếu gặp Minh thì sẽ nói giúp giùm cho Tôi tỏ dấu cảm ơn

Tiếp lại giấc ngủ trưa bù trừ lại đêm trần trờ thao thức canh thao. Thức dậy tôi cảm thấy lòng thoải mái hơn đôi chút. Trưa nằm đối mặt với căn phòng vắng mông mênh, lười biếng nằm trông ra ngoài khung cửa sổ với mây mù với lá cây lay động. Trĩ óc tôi bỗng mịt mù không lối thoát trong thoáng tịch hư... Thế là buổi trưa không đến với Minh như lời hẹn ước. Và nỗi

buồn bực từ đó mọc lên ; tôi có ý chờ sự phản ứng ở Minh.

Suốt một tuần lễ không gặp Minh. Tôi ít dờn nhà ngoài những lúc cần thiết. Sách vở, bè bạn, học trò. Tất cả như bóng mây chơi vơi trong cõi cô quạnh. Tâm hồn tôi lúc này thấy dễ chịu hơn chút. Minh và sự vắng mặt không làm tôi suy nghĩ... Sanh có đến nhà mấy lần. Sanh nói Minh giận tôi ghê gớm. Tôi cười im lặng khi nghe Sanh nói. Hình như mấy đêm trước tôi có thấy Minh và vài ba người bạn đi ngang nhà nhìn vào nhưng không ghé. Tôi xem đó là phản ứng của Minh. Đôi lúc tôi chợt thấy Minh trẻ con lạ. Minh không dính dấp gì với dĩ vãng tôi và quê hương cũ. Một nơi chốn xa xôi nào đó Minh trở về đã có Diệu. Diệu như những người con gái khác.

Trong thời gian này tôi gặp lại Th. Th. và những dấu chân in trên cát đầy lùi đời sống cũ về phía sau. Tôi có vui đôi chút khi đi bên cạnh Th. Mặt biển. Khơi xa. Nghìn trùng và sóng vỗ. Sự gặp lại Th. ở một thành phố có biển như ở đây : tôi không có lấy gì làm lạ... Và hình như tôi có mong muốn như thế. Chuyện giận hờn của Minh như thể cũng tạm phôi pha. Mặc Minh với những con đường cũ. Thành phố và những lối đi vắng. Hàng cây là quen thân. Tuy thế không có một kỉ niệm nào được nhắc nhở đến. Kỉ niệm trôi xa. Ngày tháng nhỏ giọt như những hạt café đen rụng xuống đáy li. Quán nước và tiếng nhạc. Th. và Minh. Những hình bóng này mãi cứ quẩn quít trong đầu tôi ở từng i tưởng. Tôi đắm bực dọc với những ngày sống qua tiếp nối.

Thật bực hết sức với những buổi tối ngồi hút thuốc trước nhà dựa ghế ngồi nghỉ. Th. đến thường trực làm tôi khó chịu. Trong khoảng thời gian này Minh bằng đi không đến nhà tôi. Tôi bỗng có i chờ đợi và ngóng trông. Muốn làm hòa lại với Minh nhưng tự ái không cho phép tôi tìm đến nhà Minh để tìm gặp. Tôi thấy Minh buồn với dáng đi cúi đầu bên những người bạn. Sanh đi với Minh và San những lần ngang nhà. Những nụ cười trên biếm của Sanh. Những câu nói châm chọc của San. Tất cả không đồng cùng i nghĩa nhắc bảo tôi làm hòa với Minh.

Tôi muốn nói với Th. nên ít đến nhà tôi hơn. Minh gặp tôi nói chuyện với Th. có vẻ không bằng lòng. Và tôi cũng muốn nói với Minh rằng tôi không muốn Minh giao thiệp với Diệu quá thân

mật. Có lẽ tôi đã yêu Minh ? Í nghĩ này làm tôi bật cười một mình. Th. hỏi tôi cười gì. Tôi im lặng cố i tạo một gương mặt gay gắt cho. Th. thấy. Bỗng tối ngoài con đường phố vắng, giàn hoa giấy đã làm Th. khuất tịch không hiện diện bên cạnh tôi nữa, í nghĩ này làm tôi dễ chịu và thoải mái đôi chút. Th. ngồi hút thuốc dựa ghế trên chiếu ghé bên cạnh. Ánh đèn điện neon dưới hiên nhà yếu ớt lơ mơ như ánh nền chiếu lên khuôn mặt Th. những chỗ hóp trên khuôn mặt. Tôi im lặng không nói gì. Ngồi cạnh Th. tôi khoan tay giấu chút hơi lạnh trong gió ngược nhìn trời với ánh mắt đã mỗi một chán chường. Bầu trời không sao nhiều mây đen như sắp trút xuống thành phố này một cơn mưa dào dạt. Tôi nhắc khéo Th. nên về kéo mưa. Th. cười. Gương mặt li lợm bỗng trở nên xấu xí khó coi. Tôi không muốn Th. nán lại đây thêm nữa với thứ tình cảm bông lõ không đầu. Tôi đang cần sự im lặng cô tịch một mình ngay bây giờ. Th. đã quấy rầy tôi khá nhiều thời giờ. Th. nên đề tôi với niềm thoải mái yên tĩnh hơn. Giờ này chắc có lẽ Minh đang hát đặng quán. Có cả Hương nữa. Tôi chợt có i nghĩ quá bước đến để gặp Minh. Gặp Minh không ngoài điều muốn tránh Th. và riêng với Minh để nói vài điều lâu nay muốn nói. Gần hai tuần rồi tôi không gặp Minh. Tôi không nghĩ rằng là Minh còn giận tôi với lần trễ hẹn vào chiều thứ hai. Lát nữa Hương hát xong về không chừng sẽ đi với Sanh và tôi sẽ hỏi về Minh như niềm thân thuộc lâu ngày bị đánh tráo bởi một thứ tình cảm bông đùa. Th. chắc không hiểu tôi đã nghĩ thế. Bên cạnh Th. nói vài điều gì đó nhưng tôi chỉ gặt đầu ậm ừ hờ hững. Th. hình như cũng nhận được điều này nên lộ vẻ ngượng ngùng tránh nhìn tôi qua một khoảng cách ngắn.

Buổi sáng và 'chuông lễ nhà thờ đã đánh thức tôi dậy với niềm mệt chán trong người. Phương đã dậy và dờn phòng lúc nào rồi mà tôi chẳng rõ. Chắc có lẽ Phương đã đi lễ nhà thờ từ sáng sớm. Không nhớ là đã mấy cái chủ nhật rồi tôi chẳng buồn đến nhà thờ. Chứa đã bỏ mất trong tôi một niềm tin tưởng. Buổi sáng lạnh lẽo vào những ngày cuối đông sương giăng mờ khung cửa sổ kính ngoài kia. Hơi lạnh buốt xông lên từng chập khi nắng chưa

tan. Tôi kéo chăn kín ngang ngực với tay lấy bao thuốc mỗi một điều nhả khỏi tầm mạn khắp phòng.

Buổi sáng trời nghiêng ngoài cửa sổ hững hờ với những đám nắng mỏng nhẹ phớt ngang trời. Trờ dậy thay đồ tôi có ý định xuống phố chốc lát để xua tan niềm quạnh hiu vờ vặt. Phương trở về nhà với chiếc áo dài xám nhẹ. Đứng nhìn Phương thay đồ trước gương trong lòng tôi chợt thoáng chút nỗi buồn vờ vẩn khi nghĩ đến Minh. Minh hiện ra trong đầu tôi mỗi ngày như một thánh sống. Thánh hiền hơn cả chúa. Tôi nói vậy cho Phương nghe. Phương vừa thay đồ vừa cười nói vậy mà là mặt dốc không chịu làm hòa. Tôi im lặng nhìn Phương rồi dời phòng xuống phố.

Tôi có ý định đến nhà Minh. Muốn rồi Phương theo nhưng lại thôi bởi những ý tưởng trong đầu mòng quay như chóng vù...

Thế là hòa rồi đó nghe Minh. Em sẽ đến với anh như một kẻ đã bị khuất phục. Bởi nhớ. Bởi thương. Bởi cảm thấy rõ những giận hờn vô cớ. Em thêm nhớ bờ môi anh nồng nàn khói thuốc. Bởi mong vòng tay anh khép trọn vòng lưng. Anh cao ngạo nhưng anh đáng yêu hơn tất cả mọi người. Cuối cùng em cảm nhận một tình yêu ra như thế. Kia là lối đi quen. Đây là phố biển thân. Mọi tiếng động cảnh vật đều là những gì rất gần gũi thân yêu mà lâu nay em thiếu mất. Em có lãng mạng như con gái mười bảy chẳng anh?... Cuối cùng của một sự giận hờn dai dẳng; em là kẻ chiến bại bằng lòng qui lụy đến anh. Anh là kẻ giận lì nhất thế giới. Hai tuần lễ buồn vắng nối tiếp trôi qua dài dằng dẳng như hai-tuần-thế-kỷ; hay mười bốn thế kỷ; hoặc một ngàn bốn trăm năm buồn rập nhắt. Tuy nhiên em vẫn còn tự đánh lừa em là em vẫn chưa yêu anh đó anh à!

Những ý tưởng trôi qua trong đầu tôi khỏi hải như nắng sớm hồng bình. Bước chân giẫm nhẹ lên những vệt nắng trắng xóa, chân bước nhẹ hẫng với chút niềm vui mông lung bất chợt. Qua những phố quen đông người, tôi thấy mình lạ hẳn giữa đám người trong thành phố một cách rất bơ vơ. Rồi bất chợt tôi bỗng cảm thấy buồn. Nỗi buồn sâu kín ẩn núp từ những đáy sâu tâm hồn bất thần vụt lên nở muôn sắc hoa đa tàn sầu thảm. Nỗi buồn vô nguyên do, nỗi buồn bất cứ định. Nói với ai bây giờ. Nỗi buồn quen thân như sự chịu đựng bền bỉ lâu dài. Tôi đang hệt chân trong nỗi phiền muộn đó.

Gió cuối mùa chớm lạnh. Vạt áo dài thắm trắng quăn nhẹ dưới đôi chân. Đôi chân bước nhòai mệt về hướng nhà Minh như những lần hẹn hò quá đến. Vào ngõ này. Vòng sang kia. Nhà Minh trọ nằm trong một con đường vắng buồn gần biển. Căn nhà quen thuộc với Minh dấu yêu ngu trú. Bước đi chợt nôn nao. Mắt nhìn bất giác đồng lõa cùng với tâm hồn hòa nhập vào một nỗi bằng khuâng nhẹ nhàng, phớt chút buồn rầu. Tôi trước thềm nhà. Một phút đứng ngừng lại suy nghĩ. Cuối cùng quyết định. Nút chuông. Cánh cửa gỗ. Tay bấm. Tiếng reng cánh cửa mở. Khuôn mặt người đàn bà chủ nhà ngoái ra nhìn. Có tìm cậu Minh? Vâng. Cậu ấy đi chưa về. Tôi nói bình thản được rồi tôi chờ. Cánh cửa mở rộng ra. Bước vào và không kịp hỏi Minh đã đi đâu. Và sau khi dùng chiếc chìa khóa riêng mở cánh cửa phòng vào ngồi chờ mọi sự nghĩ đến.

Căn phòng buổi sáng thoáng chút không khí u ám ẩm mốc. Điện cúp. Khung cửa sổ quay về hướng mặt trời lặn; trông thẳng ra bên ngoài thấy rõ một khoảng đất trống của căn nhà bên cạnh. Nắng trải từng mảnh lụa lên trên rục rỏ. Nắng ấm buổi sớm xống vào phòng làm dịu bớt nỗi u hoài. Tôi rót một ly nước lọc uống một hơi dài mát lạnh cưỡng hòng. Tìm lục trong xô xỉnh gầm học, tôi tìm lẩn lộn được vài điều thuốc lẻ nằm dưới các tập nhạc cũ rách đã bay mùi mốc. Một que diêm. Ánh lửa bực cháy sáng lên rục rỏ. Đóng cánh cửa phòng lại. Nhả khói thoải mái ngập phòng. Tôi nép người nằm xuống chiếc giường kê trong góc phòng, ngược mặt nhìn lên trần nhà trông những con thạch sùng đua đuổi nhau cười nhẹ một mình. Bất giác tôi chợt so sánh tôi như con thạch sùng trên kia đeo đuổi một ảo tưởng không yêu nhưng tìm kiếm. Minh hiện diện trong tâm hồn tôi một ít buồn vui khó cảm nhận. Minh đi đâu? Điều thuốc khói quen mà Minh thường hút gây gây trên đầu lưỡi tôi một cảm giác dễ chịu đã sắp tàn hết. Buổi sáng trời dần bên ngoài với thân xác tôi nằm bất động. Thứ ánh sáng trong phòng cổ hữu gây trong lòng tôi một thứ ảo tưởng thắm mệt vào một buổi chiều tà. Mùi không khí quen hơi. Đôi lúc chợt trôi bèo bồng từng khóm xa lạ khó thở vương vất khắp căn phòng kín vắng. Tôi nhắm và mở mắt

nhiều lần trong một khoảng thời gian ngắn hòa nhập vào nỗi mệt mỏi trong lòng vừa trong nỗi chờ đợi lâu giờ.

Ngoài những tiếng động yên tĩnh của thành phố buổi sáng, căn phòng không lẫn một tiếng động nào khác hơn tiếng những con thạch sùng kêu to từng tiếng đứt quãng. Trước nỗi im vắng đầy người đó tôi chợt cần một thứ âm thanh khác hơn để xóa dịu bớt nỗi héo hắt trong lòng. Tiếng nhạc. Có lẽ thế. Tiếng nhạc nào sẽ vang lên trong lúc này? Cây đàn Guitar nằm khuất trong góc phòng. Âm thanh sẽ khua lên từ đó? Tiếc nỗi tôi lại chẳng biết đàn. Nếu biết đàn tôi sẽ hát những bản nhạc của Minh sáng tác. Nhạc tình. Nhạc người. Nhạc gì thì cũng là một thứ nhạc do Minh sáng tác. Tôi muốn được hát như thế. Tôi hình dung ra một Minh ngồi bên cạnh ôm cây đàn hát say sưa và buồn. Tôi sẽ nằm nghe im lặng như biểu lộ đồng tình với Minh trong niềm cảm thông sâu xa mà lâu nay tôi không chú ý đến. Tiếng nhạc lời nhạc hẳn chắc sẽ không bao giờ giống như những tiếng hát đồng lúc của đám học sinh quen thuộc. Không gian khác lạ đó hẳn chắc Minh chỉ dành cho riêng tôi thôi nhỉ!...

Nhắm mắt lại. Suy nghĩ miên man. Tôi chợt ngủ thiếp đi trong giấc ngủ thật ngắn. Thật ngắn. Tôi chỉ nghĩ thế khi choàng mở mắt ra nhìn thấy lại một thứ ánh sáng chiều tà quen thuộc trong phòng. Có tiếng đàn và tiếng hát trong phòng là tôi vừa nhận ra cùng lúc. Sanh ngồi trên chiếc ghế dựa đằng bàn viết ôm cây đàn guitar buông từng note nhẹ. Hương ngồi bên mép giường cất tiếng quen thuộc trầm buồn và nhỏ. Tôi bật ngồi trở dậy nhìn quanh cười ngượng ngùng. Tôi hỏi Sanh và Hương đến bao giờ. Hương hát. Sanh vừa đàn vừa nói đến khi trưa; chỉ ngủ say quá. Chiều rồi. Chiều ư? Khó tin quá. Buổi chiều nào trong ngày đã đến trong suốt giấc ngủ tôi mê mỗi? Nếu không trông thấy một vệt nắng đang tàn úa dọi trên tường vào phòng thì tôi chẳng bao giờ tin được hết. Tôi u mê ngủ suốt một buổi vậy ư! Tôi hỏi Sanh Minh về chưa vậy? Sanh lắc đầu nói chẳng thấy; không chừng hôm nay Minh còn ở ngoài Bồng Sơn. Tôi thoáng chút sợ hãi không thành tiếng. Niềm vui chợt nghẹn ứ trên môi tôi đắng lịm. Lòng thẳng thốt bất chợt không đứng một nỗi buồn trôi ngang tâm hồn. Sanh đang ngồi kia đàn hát làm tôi thêm nhớ

gình quay quắt. Tiếng đàn gỗ bập bùng. Tiếng ca Hương trong chiều vang lên muồn màng như tiếng chuông nhà thờ chiều xa đổ dài tan buổi thánh lễ... Tiếng gió ngoài khung cửa sổ gợn trong lòng tôi âm u buồn lắng. Minh. Bồng Sơn. Và Diệu. Những bóng hình quen thuộc về danh âm đã gợn trong lòng tôi những tái tê cực người không ngờ trước. Hình như tôi khóc. Không rõ nữa. Chẳng có giọt nước mắt nào trên mi tôi khô buồn. Chỉ có nỗi ưu phiền đang gặm thối niềm tâm cảm đơn đau. Tôi hỏi Sanh Minh về Bồng Sơn bao giờ? Sanh nói mấy hôm trước. Tôi hỏi thêm Minh có nhắn gì tôi không. Sanh buông đàn lắc đầu nhẹ nhàng cười vu vơ. Hương nói gì đấy nhưng tôi nghe không rõ. Sanh móc thuốc ra mời một điếu thuốc nói đợi thử Minh có về chuyển xe muồn nhất chẳng? Tôi lắc đầu nhẹ nhàng muốn nói Minh tệ bạc quá nhưng lại thôi. Sanh cười. Tôi xin một điếu thuốc hút nhìn quanh với i tưởng lẫn trong niềm chờ đợi. Chiều đã tàn rồi. Chắc Minh vào chẳng kịp với chuyến xe cuối cùng. Nếu bây giờ có Minh bên cạnh tôi không ngần ngại gì mà chẳng nói yêu Minh.

Đợi thêm một lát nữa, chẳng thấy Minh về. Tôi nói với Sanh thôi hai người ở lại tôi về trước. Sanh cười nói thôi về luôn thôi, không chừng Minh còn ở lại Bồng Sơn thêm một đêm nữa. Tôi hỏi: Minh sáng thứ hai có giờ dạy nào không?

Đi với Sanh và Hương một đoạn đường, tôi rẽ sang một con đường khác chẳng về nhà. Tôi nghe buồn rầu trong người và chẳng thấy dỗi dừ cả ngày nay chưa một hạt cơm nào trong bụng. Đêm lên đèn và phố vắng buồn như lòng tôi héo hắt thương đau. Ở Bồng Sơn đêm nay Minh đi với Diệu? Tôi ngậm ngùi nghĩ thế. Đã đến lúc tôi yêu Minh thật tình thì Minh không còn bên tôi mà bên một người con gái khác. Minh thay đổi dễ dàng trong mọi sự liên lạc tình cảm đối với những người bên cạnh như một nỗi ơ hờ.

Câu chuyện giữa tôi và Minh không có kết thúc.

Buổi tối bước qua những con đường một mình, tôi tin tưởng rằng Minh vẫn còn ở ngoài Bồng Sơn chưa vào; (quê hương tôi trong trí nhớ cũ chưa về và quê hương Diệu nằm trong

những chuyến trở về của Minh như một nỗi thân tình bó buộc quen thuộc.).

Đêm cuối tuần còn sót lại trong nỗi buồn mông mênh vắng hết. Ngày mai trở lại cuộc sống quen thuộc bên đám học trò. Trở lại với công việc nhàm chán vô cùng. Tôi không thể ngờ được mình thay đổi tâm tính quá mau lẹ với từng í tưởng mâu thuẫn đối chọi ngay trong lòng chứa chất với nỗi buồn đã nhiều mê mải.

Th. là một chỗ để tôi ngồi nghỉ trong buổi tối đó. Đang trong nỗi sầu muộn héo hắt, những bước chân tôi bỗng chênh vênh hụt hẫng; gặp Th. với nụ cười quen thuộc nở trên môi; tôi đi với Th. như một cố gắng xao lãng thần trí mình trong cơn nhòa mải. Từng í tưởng ứa nhạt cháy tàn như điệu thuốc lá cháy trong quán café quen thuộc mà tôi thường đến với Minh giờ bên cạnh Th. bên cạnh chỗ trống của tâm hồn nhạt vắng.

phan cung nghiệp

Nguyễn Xuân Hoàng

Cha và anh

Tôi là đứa con thứ mười hai trong gia đình và là đứa trai út trong mười ba anh chị em. Ba tôi thuở sinh thời là một người đàn ông lực lưỡng, quắc thước và tráng kiện. Bây giờ đây khi hồi tưởng lại hình ảnh của ông, cái mà tôi có thể nhìn thấy trước nhất và rõ ràng nhất chính là đôi mắt ông, hai con mắt như có thần lực, vừa nghiêm khắc, vừa uy nghi, vừa ra lệnh. Từ mắt nhìn của ba, tôi thấy toát ra tất cả cái vẻ đăm mê chinh phục. Mẹ kể rằng ba là một cây rượu, ba uống thứ nước đầy chất độc đó như uống nước ngọt. Mỗi ngày ba lần và mỗi lần nhiều ly. Nhưng khi tôi chào đời, một khoảng cách khá dài giữa người chỉ thứ mười một và tôi, ba quyết định từ rượu. Hình như mọi người đều kinh ngạc vì sự có mặt khá muộn màng của tôi trong một gia đình đã đủ đông. Ba tôi uống trà mỗi ngày ba bận, thay vào những buổi rượu mà ba đã quen lẹ. Ba nấu nước trong một chiếc ấm đất đặc biệt, chế trà trong một chiếc bình sứ nhỏ, có vân màu nâu nổi trên những đường gân trắng và uống bằng những chiếc cốc xinh xắn nhỏ cùng màu. Ông uống chậm rãi, chừng mực, từ tốn. Như một nghi lễ. Ông nói ít và gần như chẳng quan tâm đến ai trong gia đình. Ông cử động, đi lại, ăn uống và đọc sách lặng lẽ như một người khách trọ bí mật. Chúng

tôi có cảm tưởng như ông không hề có mặt trong ngôi nhà này nhưng đồng thời lúc nào chúng tôi cũng nhìn thấy ông hiện diện ở khắp mọi nơi. Mẹ tôi là một người đàn bà như tất cả mọi người đàn bà trên thế giới, có khác chăng ấy là ở cái chiều cao của thân thể bà so với những phụ nữ Việt Nam và nếu không bị coi là nói ngoa quá, so với phụ nữ Á Châu. Một chiếc mũi khá cao, hơi hếch nhưng thanh tú và kín đáo, đôi mắt to long lanh với hai con ngươi màu nâu kỳ lạ dễ thương hơi thoảng chút nghịch ngợm. Mẹ tôi kể rằng trước kia bà là một người đi tàu biển, ngược xuôi nhiều từ hải cảng này sang thương cảng khác, bay nhảy vẫy vùng như một con cá mập giang hồ. Trước khi lấy mẹ tôi, bà đã có một đời vợ, một người đàn bà Pháp sinh trưởng ở Marseille, thành phố mà bà đã ở lại đó một thời gian khá lâu, trước khi bỏ trốn vì lỡ tay làm chết người trong một vụ xô xát ở bến tàu. Cuộc sống chung đó đã mang đến cho ông một đứa con mà ông không có cơ hội nhìn tận mặt nó một lần nào cho đến khi ông qua đời. (Sau này tôi được biết chị tên là Marthe Nguyễn, một trong những người nữ kiều mẫu nổi tiếng nhất ở kinh đô ánh sáng).

Chạy khỏi Marseille, ông lẩn trốn trên một chiếc tàu quen rời nước Pháp cập bến Hương Cảng. Chính ở đây bà gặp mẹ tôi, một phụ nữ gốc người Trung Hoa lai Anh Cát Lợi. Nói cách khác ông ngoại tôi là người Tàu, một giống dân ở miền cực Bắc nước Trung Hoa và bà tôi là dân Âu Châu. Chắc chắn rằng hồi còn trẻ, mẹ tôi phải là một thiếu nữ xinh đẹp, quyến rũ và thông minh nhất. Tám ảnh chụp mẹ tôi năm mười bảy tuổi mà lúc nào tôi cũng chưng bày trên bàn ở đầu giường ngủ tôi đây, làm chứng cho lời quả quyết đó. Nó cũng sẽ làm chứng luôn cho cả nỗi say đắm của ba tôi, tình cảm đam mê cũng tốt về người vợ thứ hai là mẹ tôi, mà mãi sau này khi lớn lên hiểu biết được chút ít thế nào là tình ái tôi mới bắt đầu chiêm nghiệm được đôi chút sự trầm lặng của bà.

Mẹ làm việc giỏi, quần quật suốt ngày với lũ con và nhà cửa. Mẹ ít ra ngoài, ít giao thiệp với hàng xóm, ít chuyện và không bao giờ hé răng than thở về sự cực nhọc của bà. Có lẽ mẹ có lý vì tôi nghĩ rằng mẹ sẽ lạc lõng và buồn cười biết bao khi

đứng giữa những phụ nữ khác, mà chiều cao của họ không vượt quá tầm vai của bà. Gia dĩ mũi mẹ lại nhọn, da trắng hồng, tóc đen mượt lóng lánh. Mẹ nói tiếng Việt cũng giỏi và sõi như tiếng Anh, thứ ngôn ngữ chính của bà ngoại tôi.

Tôi là đứa con được nuông chiều hơi quá đáng trong một gia đình đông đúc, mà tài sản đang bắt đầu suy sụp, suy sụp cùng với sự chào đời của tôi. Tôi lớn lên trong tình thương tràn trề và no nê của mẹ, nhưng đầy vẻ đứng đưng lạnh nhạt của bà, và các anh các chị.

Thật ra, mấy ông anh bà chị tôi không ai ghét tôi nhưng hình như cũng không ai ưa tôi. Một trong những bà chị của tôi tên là Thảo, giống mẹ như đúc, giống từ con mắt, sống mũi, cái miệng, dáng đi, nụ cười. Có thể nói mẹ và chị Thảo là hai chị em ruột, hai giọt nước, hai chiếc lá trong rừng. Tôi yêu chị nhưng chị không yêu tôi. Khi nào tôi sà lại bên chị, muốn làm nũng với chị, chị kêu đi chỗ khác chơi, mày không thấy tao bận sao? Chị là một thiếu nữ không tình cảm. Năm mười bảy tuổi chị bị một thanh niên đâm chết bằng dao. Người này giết chị vì thái độ khinh bỉ của chị đối với tình yêu mà hẳn ta dành dùm quá lớn cho chị. Sau đó hẳn cầm dao lụi vào bụng, chết như một người Nhật ngu xuẩn. Khi tôi bắt đầu va chạm đời sống, khi tôi bắt đầu khám phá ra rằng con người không thể nào sống mà không liên kết với người khác, tôi thấy tôi là kẻ đối tình thương anh chị em trong một căn nhà quá thừa thãi những liên hệ ruột thịt.

Nói cho đúng ra, khi tôi bắt đầu khám phá rằng mình cần có một người chị để yêu mến chiều chuộng và để được chiều chuộng yêu mến, thì tôi chỉ còn lại có một người anh. Ông anh cả tôi lớn hơn tôi khoảng hai mươi tuổi. Anh là một người sống nhiều, lăn lộn nhiều. Mẹ nói anh đã bỏ nhà đi hoang năm mười bảy tuổi (hồi đó tôi chưa ra đời) vào tận cái đất xa xôi là Saigon, sau đó anh ngược xuôi từ một quận lỵ hẻo lánh cực Nam, Cà Mau, Rạch Giá cho đến một vùng rừng núi cực bắc, trên con đường đi Văn Nam hay sang Lào qua ngã miền Trung. Khi tôi biết tôi có một người anh cả, ngoài ông anh thứ hai thì khoảng

giữa của thân của một con rắn dài mười ba đoạn đã bị chặt đứt. Chiến tranh đến, chiến tranh đi vô tình cướp mất của tôi, lúc này một ít ông anh, lúc kia một ít bà chị. Rút cuộc, chỉ còn trở lại có khúc đầu và khúc đuôi.

Cũng giống như ba tôi, ông anh cả tôi cao lớn và vạm vỡ khác thường. Nhưng khác với ba tôi một chút ở chỗ khuôn mặt anh bạnh ra nhiều hơn ở chiếc cằm vuông, đen sạm, một vết sẹo dài chạy từ khoe mắt đến gần mang tai, mắt không lớn nhưng lì lợm, chân mày đậm xệch cao, mũi to, miệng rộng, răng trắng đều, tóc dài và nhiều, xoắn sát da đầu mềm như tơ, cổ tròn cứng, vai ngang, hai bàn tay to lớn phốp pháp.

Trên khuôn mặt anh người ta có thể nhìn thấy được sự kết hợp kỳ lạ, tuyệt diệu và đầy mâu thuẫn giữa căm thù và thần ái, giữa cái bản chất hung bạo của loài hổ báo và cái vẻ dịu dàng ngây ngất của một giống chim hoàng yến. Đôi lúc anh có dáng dấp của một thanh niên mới lớn, ngớ ngẩn ngờ nghệch, một vài khi anh có điệu bộ của tay sành nghề già lỏi. Anh tôi, có lẽ đây là người đàn ông mà tôi yêu mến nhất sau ba tôi. Người anh lớn nhất nhà và là người được tôi biết đến một cách muộn màng nhất trong gia đình. Dù sao có cũng còn hơn không. Anh là người duy nhất có cảm tình với tôi. Tại sao? Tôi không hiểu được.

Thật ra, trước cuộc cách mạng mùa Thu 1945 một hay hai lần tôi có nhìn thấy anh. Đó là vào dịp tết Dương lịch năm 1944. Mẹ nói con mừng anh con mới về đi. Tôi đứng cách anh mấy bước nhìn anh một lúc rồi bỏ chạy. Anh là người xa lạ. Anh chỉ quen thuộc và có mặt trong trí tưởng tôi hơn là có mặt trong đời sống thực. Mẹ nói bây giờ anh con làm việc ở một đồn điền cao su bên Cao Miên. Cao miên, đó là một quốc gia mà tôi chỉ biết trong bài học địa lý. Rộng bao nhiêu cây số vuông, bắc giáp...đông giáp... tây giáp...nam giáp...Thủ đô là...dân số...chuyên sống về nghề xuất cảng và nhập cảng... tôn giáo... Ngoài ra tôi không biết gì khác về xứ sở này. Tôi cũng không hình dung nổi công việc gì mà anh làm tại đó, nhà cửa anh ra sao, anh sống với ai, bạn bè anh là những người nào, anh buồn hay vui, có sự nào khiến anh bỏ nhà ra đi hồi còn quá nhỏ, cái gì đã lôi kéo anh thỉnh thoảng trở về. Mẹ còn nói anh biết tiếng Đảng Thổ nữa. Năm đó anh có cho

ôi một tấm ảnh, chụp cảnh Đế Thiên Đế Thích, bức ảnh bây giờ đã cũ, màu đã phai, chỉ còn lại những đường nét vàng bạch, bức ảnh như một kỷ niệm duy nhất của anh mà tôi còn giữ lại. Suốt trong những năm học ở bậc tiểu học, tuy chưa biết anh, nhưng nào tôi cũng nhận được một số báo (hình như là Tiểu Thuyết Thứ Bảy Truyền Bá hay Câu Ấm Cổ Chiên gì gì đó) do anh gửi mua dài hạn tận đầu ngoài Hanoi và bằng đường bưu điện người ta giao đến tận nhà tôi. Thỉnh thoảng anh có gửi về cho ba mẹ tôi xấp vải may áo, những hộp thuốc lá thơm, những món nữ trang cho mấy bà chị tôi, một vài món đồ tập thể dục cho các ông anh tôi và cho tôi những cuốn sách Hồng của Tô Hoài, Khái Hưng...có lần anh biên cho ba mẹ một lá thư kể lại đời sống của anh, khu rừng cao su dày rậm nơi anh làm việc, những người phu nghèo khổ được mộ từ ngoài Bắc xa xôi, mấy tên chủ đồn điền người Pháp hách dịch phách lối, cách hành hạ tra tấn dã man những người trốn việc mà bọn cai vẫn đối xử với đám phu phen, nhưng đời sống riêng tư của anh thì luôn luôn được giữ kín. Dĩ nhiên anh có kể đến thành phố Nam Vang nơi anh vẫn lui tới đông chơi vào mỗi dịp cuối tuần, những sông bài cào, sông me, những cuốn phim về phong tục của các xứ khác nữa, những phong tục kỳ lạ mà tôi chưa từng được nghe bao giờ. Với tôi, anh là một người đàn ông sung sướng, giàu có, sang trọng và khác hẳn với những thanh niên cùng lứa tuổi với anh trong thành phố mà gia đình tôi đang cư ngụ. Thuở đó tôi là cậu học trò nhỏ kiêu căng vô lối vì thấy mình học giỏi hơn lũ bạn và hãnh diện một cách quá đáng vì có một ông anh không giống ai. Không giống ai, cách nói đó của tôi có nghĩa là anh có cái vẻ của một nhà tri thức, ăn mặc như một người ngoại quốc, anh nói được tiếng Pháp, anh có trong vali anh những quyển sách chữ Pháp dày, anh ngâm những bài thơ bằng tiếng Pháp, hát được những điệu ca lạ lùng mà tôi không sao hiểu nổi ý nghĩa thực sự của nó. Không giống ai, câu nói đó còn có nghĩa là anh vượt lên trên tất cả mọi người, mọi sự. Nhiều lúc tôi đã đồng hóa anh với một ông thần đầy đủ quyền uy như những ông thần mà người ta đã đề thờ ở các miếu các đình ở các làng các xã.

Cuộc cách mạng tháng tám 1945 bùng nổ, đó là lúc anh tôi đang trên đường từ Sài-gòn ra Hà-nội. Đường hỏa xa bị bắt buộc ngưng hoạt động. Anh tôi cùng với những hành khách khác bị đẩy xuống ở một trạm ga nhỏ nào đó ở miền Bắc Trung phần. Và đồng thời bị cơn lốc cách mạng cuốn theo, thổi bay từ rừng núi này qua rừng núi khác, từ mặt trận kia sang mặt trận nọ, anh biệt tăm biệt tích một thời gian rồi lại trở về đen đúa hơn, quắc thước hơn, giản dị hơn và hùng dũng hơn.

Tôi quên nói là trước khi trái lựu đạn nội hóa nổ tung tiếng nổ đầu tiên trong một ngày mùa thu, gia đình tôi vẫn còn là một gia đình đông con đáng nể, nhưng sau tiếng nổ thứ nhất trước mặt nhà (không giết chết được ai) thì gia đình tôi giống như một cái tổ ong bị vỡ, tẻ hơn nữa, chúng tôi giống như những bụi phấn trong ong bị vỡ bay tới tả ngạn du và lang thang, hoàn toàn lạc loài và vô định. Mẹ tôi và các ông anh bà chị (mà nay tôi không còn nhớ một kỷ niệm nào rõ ràng và minh bạch) chạy một đường. Chỉ riêng có mình tôi, một mình tôi, theo ba dòng qua một ngõ khác, những làng mạc xa xôi, những cánh đồng xanh lá mạ, những vườn xoài vườn mận, đập nước dẫn thủy nhập điền, những con sông dài phơi mình ngái ngủ giữa trưa, những đàn bò gặm cỏ, bầy trâu lười biếng trằm mình dưới ao nước đục, tiếng chim hót trong rừng cây. Với tôi, lần chạy loạn này mang đến cho mình hai trạng thái tình cảm trái ngược nhau vừa nhớ mẹ vừa thích thú vì đang làm một cuộc cắm trại dài dài và thực sự. Nhưng chạy giặc không có nghĩa là đi cắm trại. Ba tôi và tôi cũng như những người dân thành phố càng ngày càng bị ruột nà, đuối gấp hơn, tiếng súng lúc đầu còn xa, mỗi ngày một gần. Tiền túi mà ba tôi mang theo đã hết. Và lại cho dù có còn cũng chẳng ai thiết đời lấy những tờ giấy vô ích đó. Người ta đã có lý, chỉ có mồ hôi trên trán ta đổ xuống ta mới có quyền uống bát nước chè, chỉ có sự làm việc cùng khổ ta mới có quyền nghỉ ngơi. Ba tôi là một người đàn ông tháo vát. Ông làm được tất cả những công việc mà một người nhà nông phải làm, và đặc biệt ông làm có kết quả. Ông nói trong huyết quản của mỗi người dân Việt Nam đều chứa đựng dòng máu của một nhà nông. Ý tưởng này mãi về sau lớn lên tôi nghiệm thấy quả là đúng, không phải cho một dân tộc là Việt

Nam mà chung cho mọi dân tộc sống bằng nghề ruộng vườn. Mỗi buổi tối, sau một ngày vất vả, không để đầu gì mất ông có thể nhắm lại dễ dàng. Ông nấu một ấm trà, và tôi trở thành người bạn hiền nhỏ bé đối ẩm với ông. Có điều tôi cần nói thêm là tôi bắt đầu ghiền thuốc lá trong những ngày đó. Ba tôi vẫn không uống rượu. Ông vẫn làm lì như thuở nào. Mặc dù lao động cực nhọc tôi thấy ông có vẻ ham mê đọc sách hơn. Những cuốn sách chữ nho viết trên giấy bản mỏng như những giấy ván thuốc lá cuộn tròn trong những ống tre bóng nhẵn luôn luôn đặt ở đầu năm bên gối trái của ông. Ông lặng lẽ đến độ nhiều bữa ông bày bình trà ra, ngồi xếp bằng, uống từng ngụm nhỏ và hằng giờ như thế, mắt ông nhìn mông lung ra ngoài phen cửa mà không nói với tôi một lời nào. Anh cả tôi, đó có lẽ là người duy nhất thỉnh thoảng được ông nhắc tới. Còn những người khác và cả mẹ tôi nữa tuyệt nhiên là không, cho đến khi ông bắt được liên lạc với anh.

Lúc đó các mặt trận đang mở màn bằng những đợt độ ác liệt nhất, anh tôi bấy giờ là một cấp chỉ huy trong bộ đội kháng chiến. Và cuộc gặp gỡ đầy cảm động diễn ra dưới ngọn chân núi lớn nhất trong một vùng thuộc một tỉnh trung bộ, hơi sâu một chút trong mé rừng phía nam. Hai cha con không bắt tay nhau, không ôm nhau, không nói lời gì với nhau. Cả hai đứng yên ở vị trí của mình, cách nhau không đầy một bước im lặng tuyệt đối như hai người thợ săn rình mồi, ngó nhau trân trân, và cười với những giọt nước mắt trên gò má. Tôi là người sau đó được anh ôm vào lòng, bỗng xốc lên cao, đắm nhẹ một nắm tay vào bả vai. Anh lấy khẩu súng lục giấu ở thắt lưng ra, tháo đạn, cho tôi mượn. Anh tập cho tôi một bài hát mới. Hình như, tôi không chắc lắm, đó là bài Bà Mẹ Gio Linh của Phạm Duy

Nhà thi Tây dốt còn đâu

Ta vui câu chuyện Bác Hồ

Mẹ mừng con giết nhiều Tây

Ra công sỏi vun cây cấy

Anh ở chơi với chúng tôi một ngày. Ba nấu cơm trộn bắp cho anh ăn, món ăn mà hồi đó tôi chán ngấy vì ngày nào cũng như ngày nào không bắp thì khoai không khoai thì bắp. Buổi tối,

ba chúng tôi uống trà dưới dàn bầu nậm, nhắc đến mẹ và mấy ông anh bà chị, mà lúc đó không ai biết sống chết ra sao.

Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, anh đã ra đi từ hồi nào. Ba tôi đã vào rừng đốn cây làm phen cửa và vách, một số khác còn lại dùng làm củi đốt than dành cho mùa đông.

Tôi vừa rửa mặt súc miệng vừa run lập cập. Buổi sáng sớm rừng còn đầy sương mù, gió đã thổi luồng qua những vòm cây lạnh. Tôi mặc trên người một lúc ba chiếc áo và hai cái quần dài, ná cao su cầm trên tay, khép cửa trại bằng một cây ngang không khóa, đi dọc theo bờ suối dẫn sang trại ông Ngủ, một trại cách xa nơi tôi ở khoảng chừng ba dặm thuốc.

Trên đỉnh những ngọn cây cao tiếng chim năm-trâu-sáu-nọc kêu từng hồi buồn bã. Tôi đi chơ vơ giữa rừng, dẫm chân trên những bụi cỏ ướt sương, bập bập điếu thuốc lá phơi chưa kịp khô (vấn trên một thứ giấy cứng khét nghẹt) và hình ảnh của người anh trong đầu.

Như thể tôi lớn lên trong rừng núi, giữa những cỏ cây hoang dại, cùng với thú vật và hơi thở của trời đất.

Tôi học được của thiên nhiên trong những năm đó nhiều hơn những gì mà tôi học được trong tất cả mấy năm sau này ở các trường học tiện nghi trong những thành phố lớn.

Đó là những ngày kỳ diệu nhất trong đời tôi. Tôi không phải cấp sách đến trường như mọi đứa trẻ cùng lứa tuổi, tôi không phải mỗi tối ngồi ở a học bài dưới ngọn đèn dầu bên người cha hay ông anh nghiêm khắc, tôi cũng không phải chen chúc cùng lũ bạn trong một gian phòng chật hẹp của một lớp học thiếu khí trời và đầy ánh sáng nhân tạo, thở chung một bầu không khí bần thủ, bần thủ theo nghĩa vật chất cũng như tinh thần. Tôi có bạn là một chú ngựa nhỏ mà ba đã mua cho tôi dùng khi di chuyển từ làng này sang làng khác. Tôi nằm sát trên mình ngựa, thả lỏng cương, hai tay ôm cổ ngựa hay mân mê bờm ngựa. Tôi muốn dừng chân chỗ nào thì dừng, muốn đến chỗ nào thì đến. Tôi có mấy người bạn nhỏ trong đám trẻ chăn bò. Chúng nó dạy tôi cách hái xoài và đu xoài. Tôi dạy cho chúng nó học chữ, dùm chữ mà tôi đã học được trước khi chạy giặc. Khi làng cúng tế tổng khừ những ma quỷ bằng cách đặt những thức ăn ngon thật

ngon trên một chiếc ghe và thả trôi trên sông, thì tôi chỉ huy bọn chăn bò bơi ra kéo dạt vào bờ và chia nhau ăn cả lũ. Buổi tối tôi có thể nằm dài dưới giàn bầu nhìn sao trên trời, lắng nghe những tiếng động lạ tai, tiếng kêu của một loài chim quen trên những ngọn cây, sự trở mình của những thớ gỗ co lại vì không chịu nổi lạnh. Tôi học được cách đi săn chuột đồng, cách bẫy thỏ, tôi trồng được cây và cây ra trái ăn được, tôi yêu thiên nhiên và loài vật.

Không phải đâu. Tôi không hề yêu thiên nhiên, yêu loài vật. Tôi là một người ích kỷ, ích kỷ tận trong máu huyết. Tôi chỉ yêu được có một người, và người đó chính là tôi. Để biện minh cho thái độ này, tôi nghĩ rằng cha tôi và anh tôi chẳng ai trong hai người đó yêu tôi dù yêu lấy một chút tình yêu thừa thãi của họ. Tôi nghĩ rằng tôi là một kẻ bị bỏ quên trong gia đình, tôi là một người không ai muốn thấy mặt nhưng đã lỡ sinh ra trên cõi đời này, tôi là kẻ lạ mặt không cần thiết. Vô ích thay và tai hại thay là tôi đã có mặt. Một kẻ có mặt không tình cảm, không thương xót, không dính dáng liên hệ gì đến ai, đến kẻ nào.

Nhưng cha tôi nay đã mất, người anh thân yêu nay đã ngã bệnh. Tôi đã làm gì trong khi cha còn sống, tôi đã có giọt nước mắt nào khi cha lìa đời? Tôi đã làm được gì khi người anh còn khỏe mạnh, tôi đã giúp đỡ gì khi anh tôi nằm trên giường?

Thưa cha, đây là giọt nước mắt muộn màng của con, giọt nước mắt yêu cha bằng tất cả tình yêu của một người con dành cho một người cha mà một thời tưởng đã là thù hận.

Thưa anh, đây là tình thương mến và lòng kính yêu mà một đứa em lang bạt, không tình cảm, ngu xuẩn, đại dột, đi từ lối lăm này đến lối lăm khác gửi đến anh như một bông hoa trong ngày mở đầu cho một năm mới, như lời chúc phúc và chúc thọ chân thành nhất của một người em gửi đến một người anh lúc nào cũng tràn đầy tình thương, lòng tha thứ và một tâm hồn quảng đại.

nguyễn xuân hoàng

Hoàng Đình Huy Quan

Mùa xuân hay khúc nhạc buồn của một đời người

1.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu được
Cuộc đời có phải là một khúc nhạc buồn
Trời đều đều những âm thanh sâu thẳm
Vang tận cùng tâm hồn
Và mùa xuân có phải là một vết thương
Trong đáy lòng của một người đang tử

2.

Chiều nay ở một góc phố nào
Hay ở một nẻo đường nào
Tôi đã nhìn thấy em
Không phải trong đám đông kia
Hay đằng sau những tà áo màu run rẩy
Nhưng trong trí tưởng tôi lúc bấy giờ

Thời gian đã đứng yên một chỗ
Và em, người thiếu nữ dịu hiền
Đang bước đi trên nỗi buồn thảng chập

3.

Chiều nay tôi cũng nhận ra rằng
Trong niềm hạnh phúc đơn đau
Kẻ tội lỗi là tôi đang xao xuyên
Tôi muốn nói với cỏ cây rằng
Hãy im lặng như mặt trời
Im lặng như đời sống
Chúng ta rồi sẽ đến nơi
Con đường không lựa chọn
Và khúc nhạc buồn không cần ai nhắc nhở
Sẽ trôi vang vọng bất tận

4.

Nhưng Nhã yêu dấu ơi
Chúng ta là con người
Còn nuôi nhiều hy vọng
Dù em hay tôi
Không ai muốn bước trên thảm cỏ buồn
Không ai muốn đi trên quá khứ
Nên em hãy hiểu dùm tôi
Con đường hôm nay tôi bước đi
Dù không sung sướng gì
Nhưng chắc chắn rằng
Có một phần đời em trong đó
Phần đời người thiếu nữ đáng yêu
Đã cho tôi những mảnh đời hạnh phúc

5.

Chiều nay tôi cũng nhớ ra rằng
 Có một thành phố trong tâm hồn đang sống dậy
 Thành phố của mười năm đã qua
 Mà em hay tôi như những kẻ mất hồn
 Những kẻ cố bám từng hy vọng mong manh
 Để sống và yêu nhau
 Trong đắng cay tủi nhục
 Thành phố đó cho đến bây giờ
 Những kẻ yêu nhau vẫn tiếp tục
 Nhưng còn chúng ta
 Nhã ơi đau đớn lắm
 Em đã theo một con đường
 Và tôi trở thành tên thất chí
 Nhưng Nhã hãy tin ở lòng tôi
 Vẫn còn một phần đời em trong đó

6.

Chiều nay tôi cũng muốn nói đến khúc nhạc buồn
 Trong đời một tên đấng tử
 Đã đập vỡ cây đàn
 Và chôn vùi những bài hát đớn đau
 Trong lớp tro quá khứ

7.

Chiều nay tôi cũng muốn nói đến khúc nhạc buồn
 Trong đời những kẻ yêu nhau

Dù em hay tôi

Nhã ơi

Chúng ta không còn lại gì

Trên những mảnh đời trôi nổi đi qua

Vẫn nối tiếp những khúc nhạc buồn vô tận.

hoàng đình huy quan

Duyên Anh

Tuổi lưu đầy

truyện dài

1.

Nàng vào. Tiếng cười nói im bật. Khói thuốc thoát hết ra ngoài. Mùi thơm lan tỏa và quện lấy hơi lạnh trong Brodard. Tất cả đều lần lượt rụng rã. Như mặt trời thức giấc làm mây tan đi cho ánh sáng mai trên ngọn cỏ, đầu lá. Brodard giờ này không còn bàn trống. Nàng nhìn đây đó. Những đôi mắt thanh niên, phút chốc, trở thành sắt vụn. Và nàng là thói nam châm lười biếng. Khẽ nhún vai, nàng khoan thai bước tới chiếc bàn gần cửa phòng toilette mới chỉ có một người tuổi trẻ ngồi quay lưng ra. Nàng hơi cúi đầu :

— Xin lỗi ông...

Người tuổi trẻ mà đôi mắt còn nguyên là đôi mắt, lịch sự đứng dậy :

— Mời cô. Chỗ chưa ai chiếm cả.

Rất kiêu cách, nàng kéo ghế ngồi xuống. Người bồi đã lại. Nàng búng ngón tay :

— Cà phê sữa !

Và móc túi quần jean lôi ra gói thuốc Salem nhàu nát.

Nàng rút một điếu, cắm lên môi. Người tuổi trẻ vội cầm bật lửa đặt trên gói thuốc Kent :

— Xin được châm thuốc dùm cô.

Nàng mỉm cười. Ngọn lửa gaz chấp chôn trong đôi mắt nàng. Bây giờ, đôi mắt người tuổi trẻ mới biến thành sắt vụn. Nàng để nguyên ngọn lửa cháy dù nàng đã nhả khói thuốc đầu tiên :

— Ông nhiều lửa quá.

— Vâng, nhiều nhiệt tình.

— Để đốt thuốc lá ?

— Biết làm gì hơn. Tuổi tôi, người ta gọi là *tuổi đá buồn*. Chàng cũng châm điếu thuốc mới. Ở hộp nhạc, tiếng hát Edith Piaf đã chìm đi, nhường cho Gilbert Bécaud.

— Cô thích Bécaud ?

— Một chút.

— Tặng cô bản *Et maintenant* nhé ?

— Cảm ơn. Tôi muốn nghe *Bonnie and Clyde*.

— Cô...

— Tôi có ý định làm Bonnie. Chỉ thiếu Clyde. Tuổi tôi, người ta gọi là *tuổi xa người*. Ông đã coi *Bonnie and Clyde* chưa ? Họ chết thảm quá. Bọn hèn nhát đã giết chết mối tình đậm thắm. Ông thấy chứ ? Cả một xã hội dè dặt rình mò, núp kín, không làm chường mặt đương đầu với đôi người yêu nhau.

Người bồi đã bung cà phê sữa đến. Nàng cầm muống, gõ nhẹ vào bình sữa :

— Đây là Bonnie và Clyde, là hai người tuổi trẻ.

Nàng gõ muống vào tách cà phê :

— Đây là xã hội, là hoàn cảnh nghiệt ngã.

Nàng đổ sữa vào cà phê :

— Tuổi trẻ đang trắng bồng hóa màu cà phê sữa. Người ta gọi là tuổi trẻ ám khói.

Nàng múc đường đổ xuống ly cà phê sữa, quậy một lát, đưa lên uống một hớp :

— Nếu thiếu đường thì đắng lắm, khó sống lắm. Ông biết đường là gì không ?

Chàng lắc đầu :

— Không.

— Muốn tôi nói không ?

— Không.

— Tại sao ?

— Vì tôi chưa là Clyde.

Chàng kêu bồi đem một tách cà phê đen khác. Không bỏ đường, chàng uống một hơi cạn tách cà phê.

— Cô biết tại sao tôi uống cà phê không thêm bỏ đường ?

— Vì ông thích cay đắng

— Cà phê rất ngọt.

— Lại nhĩ !

— Không lạ đâu. Cô hãy nhìn đám thiên hạ trong Brodard đi. Chúng nó đang ao ước được ngồi chỗ của tôi.

— Ông tự phụ ?

— Tôi may mắn.

— Clyde không may mắn. Cả Bonnie nữa. Xin lỗi ông nhé hôm nay tôi nói hơi nhiều.

— Cô nên nói nhiều hơn.

— Rất tiếc, tôi phải đi.

Nàng gọi bồi tính tiền. Chàng gạt phăng :

— Tôi còn ngồi đây lâu.

Nàng nói nhỏ :

— Cám ơn.

Chàng hỏi :

— Mai cô có ra đây ?

Nàng nhún vai :

— Chưa biết.

Và nàng đứng lên, rời chỗ ngồi, bước khỏi Brodard. Chàng trông theo. Andy Williams đang bắt đầu bản nhạc bằng tiếng thổ dãi kèm theo cái nhún vai chán chường: *You give your hand to me and then you say hello. And I can't hardly speak, my heart is beating so. And anyone could tell you think you know me well. But you don't know me...* Chàng hít một hơi thuốc đầy. Và nướn khỏi. « Người ta gọi là tuổi trẻ ám khói ». Tuổi trẻ của chàng, của bạn bè chàng đang ám khói. Mà chàng, mà bạn bè chàng

ông hề biết điều đó. Nàng đã biết. Nàng đã giúp chàng biết tâm hồn chàng đang ám khói. « Ông biết đường là gì không ? » Biết chứ. Đường là tình yêu. Chỉ còn tình yêu làm cho người tuổi trẻ thêm sống. Chàng đã hỏi chàng nhiều lần: Tôi còn yêu ai, ai còn yêu tôi, ai yêu thương chúng tôi. Chúng tôi bị vất ra ngoài, bơ vơ, lạc lõng. Chúng tôi tàn bạo vì không ai dạy chúng tôi mơ mộng. Chàng chớp mắt. Có một hạt bụi nhỏ. Và hạt bụi nhỏ ấy làm cộm ý nghĩ bấy lâu nay của chàng. Hạt bụi chính là nàng. Nàng đến như một cơn gió lạ. Như một viên đá lạnh trong ly rượu mạnh. Như một trận mưa xuống sa mạc tuổi trẻ. Nàng ai ?

— Cô tên Diễm ?

— Ông đã giữ cán cước của tôi.

— Sinh viên luật khoa ?

— Năm thứ ba.

— Tại sao cô dám tát ông dân biểu ngay tại nhà hàng Givral ?

— Vì cảnh sát không dám tát ông ta. Vì ông ta bất khả xâm phạm. Và vì tôi ghét ông ta.

— Cô học luật mà không hiểu luật lệ gì à ?

— Xã hội này không cần luật lệ.

— Cô sẽ bị mời ra tòa.

— Bao giờ ?

— Chừng tháng nữa.

— Lâu quá. Tôi muốn ra tòa ngay.

— Cô bướng bỉnh.

— Tôi nhận tội thì đúng hơn.

— Cũng là một cách bướng. Tôi không hiểu nổi cô.

— Có lẽ ông già rồi. Người già khó hiểu nổi người trẻ. Ông thích nhạc yé yé không ?

— Không.

— Thế thì ông hiểu sao nổi tuổi trẻ hôm nay.

Người cảnh sát thăm vấn lắc đầu. Ông ta rút tờ giấy đánh những lời khai của Diễm từ máy chữ ra, đưa cho nàng:

— Cô đọc rồi ký vào chỗ này.

Nàng cười:

— Khỏi cần đọc. Tôi nhận đã tát tai thằng dân biểu mất dạy ấy. Nó thừa tôi. Nó hèn quá. Những thằng hèn đó đang vỗ ngực đại diện chúng ta. Ông tức chứ? Có lẽ, tôi cần tát thêm nó lần nữa.

Nàng cầm bút ký nhanh. Người cảnh sát thăm vấn nói:

— Cô nên nghĩ tới tương lai.

Nàng đứng dậy:

— Cám ơn ông. Tôi về được chưa?

(còn tiếp)

duyên anh

Mang Viên Long

Trắng sáng trong thành đồ bàn

Buổi chiều còn đọng những giọt nắng vàng trên những cành cây gòn cao lêu nghêu, xương xẩu, cành cây chia ra cứng nhắc tựa vòm trời sẫm tối trông giống như cánh tay dang rộng, bất động, vạch nét đen đậm im lìm. Chỗ Nhật đứng cổ cây đã nhuộm lên bóng tối chập choạng đều đều giữa bụi bờ lau lách hoang dại phủ ngập. Trước mặt Nhật là những soi bắp đã mọc cao, những đám bông vải đã khô nứt vỏ bông trắng trông diêm rở trong khoảng tối âm u. Vượt lên trên những thân bắp, đám bông vải nở, những chiếc cột xi măng cốt sắt của khu chợ cách khoảng vài chục thước đen đúa, rêu mốc. Nhật đếm thấy có mấy dãy cột đã bị xô xới dễ dãi trổng trượt, có mấy cột bị mòn gãy cong quẹo xuống một cách ảo não, phiền muộn. Thường ngày, buổi chiều, những buổi chiều mệnh mông vắng lặng giữa cỏ cây hoang tịch, Nhật từng nhìn mấy chiếc cột chợ đã bị phá hoại, mấy soi bắp cao dần lên những đám bông vải nở khô bông trắng; thấy lòng trống trải, lạnh thản hết sức. Trống trải như bầu trời, và yên lặng như cây cỏ. Trong những phút quay về đắm hồn trong từng ngõ ngách bụi cỏ tịch mịch, Nhật chạnh nhớ tới đời sống mình bấy lâu: Ngơ ngác và ảo não quá. Chính những buổi chiều ra đứng giữa bãi cỏ trước nhà, nhìn ngó mông lung ở mấy soi bắp, đám bông vải,

hàng gòn, cột chợ, lau lách, bầu trời, Nhật mới cảm nhận được hết nỗi lẻ loi, lạc lõng của mình trong gần một năm nay. Một năm đầy tai biến, đổi thay, lặn đục, bơ phờ. Và, cũng trong những buổi chiều như vậy, Nhật đã khóc cho mẹ anh, cho đi anh cho những đứa em khốn khó thơ đại như một bầy thỏ bạch. Người mẹ dáng cao nụ cười đen láy hàm răng nhuộm đều, tóc bới, áo vải nâu thâm cuống quit bên đàn con nheo nhóc như một con gà tình nghĩa vừa kiếm mồi cho bầy con, vừa nơm nớp lo sợ đàn diều, đàn quạ. Còn bà dì, gần nửa đời người góa bụa không có một mụn con lấy lắt trôi dạt lơi bên mẹ Nhật như một cùn, đường, một bến cuối cho đời sống dừng lại. Bà đã mãn nguyện yên thân bên gia đình Nhật để cúi xuống với bao nỗi nhọc nhằn mong đắp đổi chút êm ấm an vui của một túp lều còn hồng ánh lửa, còn vọng tiếng cười. Từ ngày cô đi tới, Nhật thấy thương xót mẹ hơn qua dáng đáp bao gầy, buồn thảm của người. Dì rõ đối giống mẹ: Dáng cao, răng đen, tóc bới, áo vải thô nâu. Hai chị em đã gặp lại nhau sau mấy năm biệt chỉ để nhìn rõ sự lạc lõng, cô quạnh, âu sầu. Mẹ có bao giờ ngờ rằng có ngày mình sẽ gặp lại với bao đau xót đó không? Ngày rời gia đình theo chồng của ai cũng huy hoàng, phấn khởi, bên muôn ngàn câu chúc tụng, giữa những giấc mộng êm đềm, nhưng ngày cuối của đời người có mấy ai còn giữ được nụ cười thuở trước? Dì Nhật thì mới nửa đời người đã héo hắt, khô lụi; còn mẹ Nhật thì đi mất đã mờ dần sau bao mong ngóng xa vời nơi rừng sâu núi thẳm. Bây giờ, mẹ, dì, những đứa em; tất cả đã im ngủ, đã bỏ đi, xa mờ như núi rừng. Nụ cười lấp lánh hàm răng đen, mớ tóc bới cao, tấm áo vải xi ta nâu còn rách nghèo khó đã mất. Đã lại chìm đầu đó trong những bờ bụi, hào rạch, bóng đêm. Tất cả đã thành mây bay mỗi sớm gió thổi mỗi chiều, trắng sáng mỗi đêm. Và Nhật bỗng thấy đời mình còn lại chỉ biết thiết tha, chỉ đắm với gió, mây, trăng, và cây cỏ nồng nàn.

Nhật ngồi xuống bãi cỏ tươi mượt, mát rượi. Con đường dẫn lên ga trơ trọi những hòn sỏi trắng cạnh những cây lá hoa sơ lan tràn, lẩn át, phủ lấp. Có đôi chỗ những nhánh cây mọc ra, ngăn giữa đường. Những dây leo nhẵn lông bò ngoằn ngo

đẽ bông trái tím vàng che khuất lớp đá sỏi giữa lộ ỏ xa trông như một lớp cỏ xanh. Con đường này, chính trên con đường hoang vu ỏ tịch này, Nhật đã mỗi chiều đi qua, lặng lẽ, thơ thẩn, dàu dàu hư sắc lá hoàng hôn. Như nắng vàng tàn tạ. Nhật đã đi hết con đường lau lách, qua khỏi nghĩa địa trập trùng, để đến ngồi trên hầm sân ga vắng tanh nhìn hút mắt con đường sắt hoen rỉ hai chiều mà ước mơ tưởng nghĩ tới những giấc mộng hoang đường có một chuyến tàu ghé bến chờ anh trong một toa tàu rộn ràng tiếng cười đi mất vào một bến bờ nào đó không có bên cuộc sống. Nhưng ga vẫn vắng bật, chuyến tàu mơ mộng không nghe kéo còi, con đường sắt hoen rỉ trơ vơ chìm dần vào bóng tối mịt mù; lúc đó Nhật mới đứng dậy, chậm chạp, thơ thẩn quay trở lại nghĩa địa, qua con đường mấp mөр cây cỏ, về nhà.

Có một buổi chiều từ ga trở về, Nhật không theo lối cũ để qua nghĩa địa, và con đường vắng vẻ kia. Anh đi vòng xuống cửa tây để vào Thành. Có lẽ Nhật không muốn phải đi mãi trên ngõ trường buồn bã, ghé rợn nọ: Anh sợ những nắm mộ bỏ hoang ất bầy dấu đạn, và những nhánh cây tua tủa vương mắc gót hân như có bàn tay nào vô tình giữ lại. Cửa Tây: Con đường dẫn vào thành Đồ Bàn, thành nội, vùng đất mệnh mệnh, dãy gòn ộp lớp kết trái dày đặc, hoa trắng nở đầy, gió đưa mệnh mệnh lấu tích rục rở một thời Chiêm Vương, Chiêm nương ẩn hiện. Giữa cõi bao la của đất trời, những bông gòn trắng rơi nhẹ, bay say, lững lờ như những chùm hoa mong manh, từ tay những Chiêm nương trên công thành thả xuống. Gió âm thầm đưa những cụm bông gòn, thổi dạt vào mùi hương những bông hoa đại kết tụ của bầu trời đầy hoa trái hiền dịu, cách biệt. Vào trong thành, Nhật ngỡ như mình đi lạc vào một chốn nào êm ái thơ mộng, bình yên quá. Cỏ cây, hoa trái một màu tươi tốt nguyên vẹn không hề có bàn tay nào lay động. Màu xanh ngút trong tầm mắt, xa xa, những chiếc cổng đồ sộ, loang lổ, rêu mốc, sừng sững cô lập với năm tháng mịt mờ, dàu bề. Nhật đi lan man giữa cõi yên bình khôn cùng đó với ý nghĩ rằng mình đã trở về, sống lại thuở lời hoang dã, lạnh lùng, đơn độc của mấy nghìn năm trước.

Một trái gòn khô rơi phía trước mặt Nhật, anh cúi xuống nhặt: Trái gòn đã nứt hân vỡ, lớp bông trắng đã bay đi gần hết.

Nhật nghĩ, có lẽ đã quá ngày hái gòn rồi. Bấy năm, những trái gòn được hái đúng ngày nhưng gần hai năm nay, những trái gòn đã bị bỏ quên bởi những trận oanh tạc và càn quét của Pháp mỗi ngày một tiến sâu vào những làng cách xa bờ biển. Tới lúc nhà cửa, ruộng vườn còn bỏ lại, thì những trái gòn có đáng gì để cho người ta tiếc nghĩ đến đâu? Vậy mà những năm trước, ít ai được quyền nhặt, hoặc hái những trái gòn này cả. Họ có bao giờ nghĩ tới lúc những trái gòn bị gió cuốn bay đi gần hết, và rụng rải rác giữa đất cát bụi bờ hoang vắng này mà đừng cái cọ, tranh giành ồn ào? Thói thường vẫn vậy, người ta thường bị lôi cuốn bởi những đôi hồi lợi lộc trước mắt mà hiếm khi chịn nghĩ xa hơn một tí. Chỉ một hai năm thôi, những trái gòn nay đã là một thứ bị bỏ quên, không cần thiết nữa.

Nhật bỗng nhận ra bóng một người thấp thoáng, ẩn hiện sau những thân gòn, những bụi cây cạnh ngôi chùa cổ đã sập đổ. Anh bước dần về hướng đó: Một người lạ nào đã lẫn quần trong thành? Từ sau những bện khu phố bị bỏ bom lửa, bị oanh tạc ngày đêm, anh chưa về gặp bóng người nào lui tới trong thành: Người nấn ná ở đây đã bỏ theo đoàn người tản cư lên những miệt núi. Ngay ở xóm Nhật, sự còn lại của anh và một vài gia đình lẻ tẻ, khốn khó, là một nỗi tuyệt vọng, liêu linh, thì mạng với bom và đạn. Ở trong thành, vốn ít người, tất cả đã gồng gánh, dắt díu nhau ra đi từ mờ mờ sáng sau buổi chiều cả xóm bị dội bom, đốt cháy gần trọn nhà cửa. Nhật vạch từng lùm cây, bụi cỏ, đôi mắt tìm sau những hàng gòn sù sì, to lớn. Bóng người vượt thoăn thoắt qua những thân gòn, người lom khom, bé nhỏ. Nhật bỗng reo lên: Ê, nhỏ, thằng nhỏ... Thằng nhỏ nghe tiếng gọi vang dội đứng khựng lại, ngơ ngác, lão liêng, chợt nhìn thấy Nhật, nó mỉm cười. Nó cúi xuống nhặt những trái gòn dưới chân, chờ đợi.

Nhật cười với thằng bé:

— Nhật được nhiều không, em?

Thằng nhỏ ngừng đầu cười lộ hai chiếc răng gãy:

— Nhiều, nhiều lắm à...

— Em nhặt về làm gì mà nhặt nhiều vậy?

— Chị Cơ sai em đi nhặt gòn, chị ấy nói nhiều chừng nào giỏi chừng đó mà.

Nhật ngó nét mặt thơ ngây nhưng đã sạm đen màu kham khổ của thằng bé, thấy dễ thương lạ lùng. Nhất là đôi mắt của thằng nhỏ: Đôi mắt mở to, tròn, đen láy dưới hàng lông mi dài. Mái tóc hớt ca rê lồm chồm không ngay ngắn. Nó mặc một chiếc áo đen, nhiều lỗ và kĩ lưỡng, và một cái quần cụt trắng đã ngả màu đất. Nhìn những mảnh vải và cần thận chần chịt, Nhật biết chắc nó cũng được cưng chiều, lo lắng nhiều. Những tấm áo quần rách được chằm vá lại cũng là một điều hiếm hoi với những đứa nhỏ. Nhật xoa vào đầu thằng nhỏ, cười lớn:

— À, chị Cơ, bây giờ chị Cơ đâu rồi?

Thằng bé ngược lên nhìn Nhật kĩ hơn, giọng ngạc nhiên:

— Bộ anh quen chị Cơ tui hả? Chị Cơ ở nhà chờ đâu ở đây mà hỏi?

Nhật vẫn giữ giọng nói trong tiếng cười cợt cũ:

— Quen, quen chứ. Mà nhà em ở đâu, xa không?

Thằng nhỏ xoay người lại, đưa tay chỉ:

— Đó, nhà tui ở trong cổng thành kia kia...

Nhà tui ở trong cổng thành kia kia: À, thì ra căn nhà của thằng nhỏ, của người con gái tên Cơ nào đó chui đục ở trong một cổng thành. Cái cổng thành đồ sộ trăm nghìn lớp đá vững chắc nõ làm một nơi trú ẩn kiên cố dưới những làn đạn oanh tạc của những đoàn máy bay Pháp. Căn nhà, chiếc cổng thành Tây cổ mọc um tùm bốn phía, sớm chiều chim sáo dập diu làm tổ trên nóc, là nơi dừng lại của gia đình thằng nhỏ từ một vùng biển gió cát khốn đốn nghèo xơ. Nhật đã không ngờ, một miền đất mà người vừa hải hùng rời bỏ lại là vùng đất yên lành, là cõi sống cho gia đình người con gái có cái tên rất nên thơ: My Cơ. Huỳnh thị My Cơ.

Nhật đi theo những bước chân của thằng nhỏ trở lại căn nhà, chiếc cổng thành trơ trọi trống trải, như đi theo sự dẫn dắt tình cờ rộn rã. Từ giữa gòn đường bùng bít những cây ô tầu, vú đẻ, hoa dại, Nhật đã trông thấy My Cơ — người chị nhu hiền, e lệ. Trông thấy chị, thằng nhỏ chạy tới, trên vai mang nặng bao gòn đã nhặt được. Nhật giữ từng bước đi chậm, thực chậm, cốt ý để cho thằng nhỏ trả lời nỗi ngạc nhiên của người chị bé nhỏ kia.

Thấy Nhật tới gần, Cơ nói:

— Anh cũng ở trong thành ?

Nhật nhìn thẳng nhỏ, cười :

— Tôi chủ thành mà. Hồi nãy tôi đã nói với chú em rồi.

Cơ cười theo Nhật. Tôi chủ thành mà, chắc nàng cũng cảm thấy yên vui khi biết được, trong khu thành mệnh mệnh cây cỏ này, còn có những người lưu lạc, lang thang, bơ vơ như nàng. Sự khổ cực lạc loài bao giờ cũng dễ đem lại nỗi gần gũi tha thiết cho hai cảnh ngộ cùng số phận. Một thoáng, tự dưng Nhật nhìn người con gái với ánh mắt khác lạ : Anh coi nàng như một đứa em tội nghiệp cần được cưng chiều, cần được vỗ về, an ủi. Những đứa em gái của anh nếu còn sống, cũng bằng tuổi nàng.

Thằng nhỏ bỏ đi vào phía trong cổng thành với bao gòn khô. Bóng nó mất hút, im lìm sau những bụi cây phía trước cổng. Trông nó rất giống một con thỏ chui vào hang. Nó một con thỏ con. Trong hang đó còn những thỏ mẹ, thỏ chị nữa. Con thỏ chị đang đứng rụt rè, bờ ngõ trước mặt anh đây. Con thỏ có đôi mắt to, tròn, đen lấp lánh. Có đôi má hồng, có mõ tóc mượt, có nốt ruồi nhỏ dưới khóe môi tươi. Nhìn suốt từ tóc tới chân Cơ một lượt, Nhật hỏi :

— Bác đi đâu rồi ?

Cơ ngược đầu lên, cười má lúm đồng tiền :

— Má đi qua bên kia sông...

Một buổi tối trăng lên thực sớm, thực trong, thực lạnh, Nhật nghĩ tới Cơ và chiếc cổng thành hoang vu giữa cỏ cây trong thành. Nhớ tới Cơ như hình ảnh êm dịu cuối cùng còn lại giữa lớp lớp lau lách phiền muộn im lìm. Trong nỗi cô độc mỗi mòn lòng người dễ yếu mềm, xúc động, Nhật nhận thấy, bóng dáng Cơ khó lãng quên được trong giòng nhớ tưởng vu vơ mỗi sớm mỗi chiều. Những giây phút êm ái hiếm hoi với nàng trong chiếc cổng thành ấm cúng của khoảng đời hạc bể, trống không đã vô tình khắc đậm bên trí nhớ Nhật đến nỗi anh cứ ngỡ là đã cùng nàng trải qua ngàn ngày thên thang theo mộng. Huỳnh thị Mỹ Cơ, con thỏ xinh xắn, người chị bé bỏng rụt rè, tấm thân lưu lạc đưa con gái miền biển sôi động mịt mù gió cát, bây giờ đã là ánh lửa ấm áp nhất sưởi ấm nửa đời dong ruổi còn lại. Nàng như một nàng tiên giáng trần kịp lúc để cứu Nhật ra khỏi nỗi thất vọng của

ững buổi chiều thơ thẩn trong con đường quán quít cây lá, ung nghĩa địa lạnh lẽo, sân ga buồn tênh không còn nghe tiếng i tàu nào vọng lại cho ước mơ được một lần nhìn thấy. Từ ngày p thẳng nhỏ, có Cơ, Nhật đã thấy sợ hãi con đường bụi rậm vắng dại dẫn lên ga.

Trăng sáng vắng vật trên cao soi rõ nổi vắng lặng mệnh ông của cây cỏ chung quanh. Những chiếc trụ cột của dãy chợ ằng xa trông lâu như những thân người đứng đứng, chờ đợi. hững nhánh gòn in rõ nét giữa khoảng trời bao la, nhuộm vàng ánh áng, cũng lặng lẽ, đìu hiu quá. Nhật nhìn xuống con đường dẫn a phố : Trong ánh trăng rợn rã, trong vạt kia, anh không còn nhìn thấy một bóng dáng nào. Những gia đình còn ở lại chắc đã rở về với công việc quanh quẩn trong nhà, trước sân. Nhật quyết định : Phải vào thành.

Qua khỏi con đường nhỏ phủ ngập cỏ, anh đi với vãi giữa hai dãy phố hoang phế, âm thầm. Thỉnh thoảng, Nhật quay ngó lại những căn nhà quen đã đổ sập, cháy đen, rồi lại cắm cúi bước. Bước. Bước. Bước cho nhanh vào trong thành. Ở đây, chung quanh, chẳng còn gì để nhìn ngó, trông đợi. Nhật bỗng nghe tiếng chân mình gập gáp với văng, anh lại ngừng đầu nhìn ngó chung quanh : Những chiếc cột cháy đen, những bức vách ngã sập một nửa, vài căn nhà còn sót cửa đóng im ỉm, những đồng gạch vung lổ lổ, từng mảnh áo quần lay động, những tiếng chân chuột chạy lạt sạt, vài chú mèo lang thang ; tất cả như đang nghe ngóng dõi theo từng bước chân khua động của Nhật. Trăng vẫn sáng. Trăng vẫn bình yên. Nhật vừa bước, vừa ngược nhìn mảnh trăng tỏ trên đầu.

Tới cửa thành đầu tiên để dẫn vào thành nội, Nhật chợt dừng hẳn lại : Màu trăng ở trong thành có vẻ gì khác lạ với ánh trăng dưới phố. Trăng ở đây rực rỡ, êm ái hơn. Ánh sáng không nhuộm chút vàng vọt héo hắt như giữa hai dãy phố tan hoang, ảo não dưới kia. Trăng sáng ở trong thành một màu tươi thắm, bao la, dịu dàng đến ngây ngất. Nhật chui vào trong cổng thành, đi sâu vào thành nội. Anh đi nhìn bóng mình loáng thoáng bên bóng của những hàng gòn, nhánh gòn in rõ trên đường. Anh đi nhớ tới con thỏ dịu hiền, đưa con gái miền biển nước da đen chắc,

người chị cam phận nhỏ nhoi, đôi mắt mở to tròn đen láy, nốt ruồi nhỏ điểm dưới khóe môi tươi. Hình ảnh Cơ như càng sáng rõ hơn trong nỗi tưởng nhớ của Nhật. Chứng như ánh trăng trong trời thắm chung quanh đã giúp anh chấp nối, tìm kiếm thêm từng mảnh vụn nong nân thắm thiết về nàng.

Nhật nhận ra chị em Cơ đang ngồi trên tảng đá phía trước cổng thành. Giữa màu xanh của cây cỏ bị nhuộm ánh trăng, tảng đá nổi rõ màu trắng và dáng Cơ trông lung linh, mơ hồ như một tấm tranh vẽ nhòe. Thấy được Nhật, Cơ lên tiếng hỏi sau chuỗi cười dòn dã :

— Anh Nhật, anh Nhật kia... Anh Nhật tới chơi à ?

Vâng, anh Nhật không tới chơi mà anh Nhật tới thăm Cơ vì nhớ quá. Anh Nhật tới vì nhớ, không phải vì đi chơi. Từ ngoài đó vào đến đây chơi ban đêm thực là một chuyện anh chưa làm trước đây bao giờ. Nhật đến ngồi trên tảng đá, cạnh thằng Mỹ (thằng nhỏ, em Cơ). Mỹ ngồi sát vào chị, nhưng chỗ rộng cho Nhật. Mỹ một tay vịn vào cánh tay chị, tay khác chống xuống tảng đá, nhìn Nhật cười thẹn thùng. Chắc thằng nhỏ cũng biết Nhật nhớ chị mình ? Nó đã chẳng nằng nặc theo hỏi Nhật sao anh tới nhà em hoài vậy, anh Nhật, đó sao ? Nhật xoa tay lên đầu nó, thấy nó rất giống chị : Ưa cười rụt rè, cúi đầu phân vân. Nhật cầm cánh tay trần gầy ốm của nó :

— Má đâu rồi Mỹ ?

— Má ở trong nhà...

Cơ bỗng cười lớn :

— Em đã dạy nó cái cổng thành không phải là nhà mà cứ kêu nhà với cửa hoài...

Nhật nói :

— Thì trước đây là cổng thành, bây giờ là nhà không được sao ? Gọi như Mỹ là đúng, nơi mình trú ngụ thì gọi là nhà được hết, lại hay nữa.

Cơ cười xong lại nhìn em :

— Anh bệnh nó nữa mà...

Nhật rủ chị em Cơ đi bộ về ngã sông Trường Thi một lát cho mát, Cơ chịu liền. Mỹ lẳng lẳng đi theo chị. Đi hết quãng đường ngắn đắp cao trên bờ thành, ba người rẽ xuống con hẻm

nhỏ dẫn xuống một ngôi xóm nhỏ, bỏ hoang, cây cối mọc lan tràn, hiu quạnh. Đi giữa những hàng tre dày lá ngọn, bóng trắng mơ hồ, gió diu dặt lay động những cành tre nhỏ, Nhật nghe như mình đi vào cõi êm ái, riêng rẽ nào đó không còn dấu chân người. Không còn những ưu tư, xao động, đau xót. Cơ ngoan ngoãn rụt rè bên anh, trong bóng tối mờ nhạt của những bóng trắng loang lổ, rất giống đứa em gái nặng lòng. Còn Mỹ, từ khi rời tảng đá, rời cổng thành, nó lặng lẽ như một cái bóng âm thầm, tội nghiệp. Cơ bỗng nói, thường ngày mẹ qua đây để thăm một người thím ở mãi tận trong cái xóm gần núi, nàng ít khi được mẹ cho đi theo. Nàng không ngờ, ở mãi trong hóc núi kia, vẫn còn có người sống. Bám núi mà sống như thuở người du mục. Nhật bảo cái xóm này lúc xưa đông đảo người ở lắm, từ sau ngày bị bỏ bom, oanh tạc liên tiếp, họ bỏ trốn hết trơn. Xóm làng không có người ở, trông dễ sợ, và buồn bã quá. Cơ cười, anh cũng sợ nữa à ? Từ ngày về sống dưới cổng thành lẻ loi, hoang dã này, em không còn sợ hãi như bấy khi nữa. Hồi còn ở dưới quê, chỉ toàn thấy biển, cát, và hàng dương thôi. Đi tản cư lần hồi hết miền này tới miền khác, được thấy nhiều, phải sống cô độc giữa đồng, dưới chân núi, lâu rồi thấy quen quen hết. Nàng kể lại những cảnh đẹp ở quê nàng : Đó là một xóm miền biển. Từ nhà trông ra biển, một bãi cát rộng, một hàng dương dày, những chiếc thuyền buồm, những tấm lưới đen giăng mắc, đám dân đen đùa hiên hậu, những buổi sớm đi bộ ra bãi cát, thờ thần dưới hàng dương mà nhìn từng đợt sóng vỗ êm êm, những chiều tà ngồi với mẹ và bạn bè đón trăng hóng gió dưới gốc dương cao vút, trên bãi cát trắng mịn, rủ Mỹ chạy đi đuổi còng bắt còng... Nàng kể lại một mạch tất cả những chuyện cũ từng hình ảnh chất chồng, nối tiếp khiến Nhật không nhớ rành mạch, thứ tự được. Anh chỉ nhớ được một điều : Giọng nàng kể thực tha thiết, triền miên. Qua cái giọng kể, những tiếng cười, những hình ảnh chấp vá, Nhật cũng hình dung được bóng dáng nàng nong nân ở một cái xóm kề biển nào đó rất thơ mộng. Anh bị xúc động và phấn khởi cũng bởi cái giọng nàng nhiều hơn là những kỷ niệm mơ hồ, êm ái xa lơ nào đó. Thỉnh thoảng, qua

ánh trăng chiếu xuyên những cành tre thưa, Nhật cố ý nhìn lâu trên nét mặt nàng. Đó là một khuôn mặt đầm ấm, dịu dàng.

Đứng bên này bờ sông nhìn bên kia bờ sông ánh trăng rực rỡ, bần bật, mênh mông trên một thẫm cây lá màu xanh thẫm, nhưng mượt. Rất xa, những túp nhà tranh thấp, lẩn khuất, lơ mờ bên những bờ bụi, cây lá vương cao. Dãy núi tận cuối xóm đen hần, như một con vật khổng lồ nằm im lìm, bao quanh cánh đồng, làng mạc. Cơ chợt kéo tay Nhật, chỉ xuống dòng nước lặng lẽ, một lớp khói sương phủ mờ ảo, vương vất. Dòng sông lạnh băng. Khói sương phủ nhẹ. Cánh dòng sông nhuộm màu óng ánh của ánh trăng bạc, bãi cát nổi trắng ngà trông lâu như lớp vải mỏng căng đầy, rung rinh, chuyển động. Gió từ hướng sông thổi hắt hơi nước, mang nổi vắng lạnh của làng xóm hiu quạnh, đem hơi thở của trùng điệp cỏ cây tới tự đứng cả hai người cùng quay trở lại. Hai bàn tay đã nắm chặt trong nỗi cô độc nghìn trùng này.

Khi đưa Mỹ vào thành, Cơ vẫn còn thấy mẹ ngồi nhật bóng gòn ra khỏi vỏ dưới ánh đèn dầu dứa lù mù. Nàng hỏi sao mẹ không mang ra giữa sân, có ánh trăng, có mát hơn không. Bà ngược lên nhìn Cơ, ánh mắt sáng dưới ánh đèn đỏ, nụ cười nhẩn nại bao dung, nói ra ngoài lâu, mẹ bị lạnh. Ánh trăng trong, gió rộn rã, cỏ cây vắng vẻ quá, có thể sẽ làm mẹ bị lạnh. Một nỗi lạnh lùng được toát ra từ những nhớ tưởng sum vầy, đoàn viên cũ. Mẹ đã nghĩ gì từng đêm ngồi làm việc lặng lẽ bên ánh đèn dầu lù mù, cô độc đó? Nếu biết được hết những xót xa, ray rứt đã cam chịu trong lòng mẹ, chắc là nàng sẽ buồn lắm.

Cơ ngồi xuống bên cạnh mẹ, ngược nhìn bà, giọng cười trong vắt:

— Con đi chơi trong thành với anh Nhật một chút, nghe má?

Bà dừng tay làm, quay lại nhìn Nhật, mỉm cười:

— Đừng dẫn em đi xa, nghe con?

— Dạ.

Cơ đứng dậy:

— Con đi quanh quần trong thành thôi...

Hai người nắm tay, đi về hướng ngôi chùa cổ. Đó cũng là

con đường duy nhất dẫn ra giữa thành, giữa những hàng gòn cao, đơm bông trắng như tuyết. Điềm trên những nhánh gòn dài, đen, những trái bông gòn nở trắng trông như một đóa hoa tinh khiết dưới ánh trăng bằng bạc. Ở xa, Nhật đã nhìn thấy dày đặc những trái bông gòn trắng mịn nở đầy cành. Phía dưới, một vùng bao la cây cỏ lấp lánh, một màu tối êm ả lạ lùng. Giữ tay Cơ trong tay mình, anh cảm thấy như được chuyển dẫn tới tâm hồn vô vàn niềm vui, và hy vọng. Những niềm vui và hy vọng mà suốt trong tuổi thanh xuân, anh chưa hề bắt gặp, tìm thấy.

Họ bắt đầu đi dưới những hàng dứa cao. Hai chiếc bóng thấp thoáng, nhỏ bé, im lặng như cây cỏ. Ánh trăng đổi theo. soi rọi từng bước chân dè dặt, khép nép. Thỉnh thoảng gió thổi bay tung mái tóc thả dài, óng ả của Cơ. Nàng đưa tay cuốn lại mái tóc rối. Nhật nói:

— Em có tưởng tượng nổi cũng chính trong ngôi thành này đã có một thời huy hoàng, tấp nập những Chiêm nương lui tới không?

Cơ ngược lên nhìn chậm vào mặt Nhật:

— Bây giờ hoang tàn quá, em khó mơ tưởng được.

Nhật vẫn mắt nhìn mông lung vào cỏ cây, khoảng trống phía trước:

— Anh thì khác, mỗi bận vào thành, anh lại bị cái cô tịch này ám ảnh, nhắc anh tưởng nghĩ tới những lúc trước, thật xa...

— Anh thường nghĩ tới những hình ảnh gì nhất?

— Anh nghĩ tới một thời xao động, rộn ràng của một triều đại. Cảnh vua Chiêm xanh xang áo mào, bày tôi ra vào tấp nập, và những Chiêm nương xinh đẹp trong những tấm áo màu loạn sắc cười nói riu rít trong những ngày hội...

Tiếng Cơ cười ròn rã:

— Vậy anh có mê cô nào không?

Nhật đi chậm hần lại, hôn nhẹ lên mái tóc ẩm lạnh của

Cơ:

— Cái đó thì dĩ nhiên rồi. Anh còn mơ sẽ được cùng một Chiêm nương nào đó đi dạo, vào một đêm trăng tròn, bây giờ thì anh đã toại nguyện rồi...

Cơ cười thầm, cười rúc rích bên Nhật. Ánh trăng chênh chếch ngã về hướng Tây. Gió về khuya nghe lạnh thấm thía. Nhật chỉ cho Cơ nhìn thấy cái nền đất cao, nơi đó một dấu tích còn lại, mình tới đó ngồi một lát, rồi về. Và, hai người rẽ vào đám cỏ cao. Cỏ cây dày đặt trên những con đường Chiêm nương đã đi. Cỏ cây mọc hoang vu trên nền xưa là đền đài của một tiểu quốc kiêu hùng nhưng vô cùng lạc lõng, bất hạnh. Cỏ cây rồi sẽ mọc lan tràn, tịch liêu khắp chốn. Ngay bây giờ, lúc này, cỏ cây đã bao phủ bốn bề, tốt xanh trong tâm hồn Nhật.

Cơ ngồi xuống bực thêm, cạnh những ngọn cỏ mướt. Nhật đứng từ nền cao, hướng nhìn về bốn phía : Đông, tây, nam, bắc, tất cả cũng đều bị cỏ cây và nổi đìu hiu xâm chiếm. Nhật cúi xuống đặt một bàn tay lên vai Cơ. Nàng quay lại, ngược lên. Nhật cúi hôn lên đôi má nàng, hôn lên đôi mắt mờ to tròn đen láy, hôn lên nốt ruồi cạnh khóe môi tươi, hôn lên con thỏ hiền hậu, hôn lên người chị bé bỏng rụt rè buổi chiều nào mới gặp. Nhật ngồi xuống, cảm thấy thân thể nhẹ hẫng ngây ngất...

Trăng mê man, bất tận vẫn còn sáng rự rờ trong Thành Đồ Bàn.

mang viên long